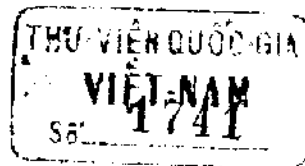


TRƯỜNG QUỐC GIA HÀNH CHÍNH

Luận Văn Tốt Nghiệp

LÃNH ĐẠO CHÍNH TRỊ TẠI VIỆT NAM CỘNG HÒA :

THÀNH PHẦN XÃ HỘI VÀ KHUYNH HƯỚNG



Sinh Viên ĐỖ - NGỌC - CƯ

BAN CAO HỌC KHÓA 8

1972 - 1974

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP

LVHC 1741

320.9597

es

Không được đem ra ngoài T.V.

Trường Quốc Gia Hành Chánh
không tán thành cũng không
phản đối những ý kiến phát
biểu trong Luận-Văn. Những
ý kiến đó do tác giả hoàn-
toàn chịu trách nhiệm.

Giáo Sư hướng dẫn

TẠ-VĂN-TÀI

Tiến Sĩ Chính Trị Học

KINH TẶNG SONG THÂN

LỜI CẢM TẠ

C UỐN LUẬN VĂN này được hoàn thành đánh dấu một khóa học đã chấm dứt.

Chúng tôi chân thành cảm tạ Giáo Sư Viện Trường Giáo Sư Phó Viện Trường và toàn thể Ban Giáo Sư Cao Học Khóa 8 đã tận tình hướng dẫn chúng tôi trong suốt hai năm qua.

Đặc biệt chúng tôi không bao giờ quên sự hướng dẫn và giúp đỡ **hết** lòng của Giáo sư TA-VĂN-TÀI khiến chúng tôi có thể hoàn thành cuốn LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP này.

Trong việc sưu tầm tài liệu, chúng tôi cũng xin cảm tạ những giới chức đã giúp đỡ chúng tôi: Giáo - sư Giám Đốc Thực Tập Trường Quốc Gia Hành Chánh, Ông Giám Đốc Nha Báo Chí Phủ Thủ Tướng, Ông Tổng Giám Đốc Việt - Nam Thông Tấn Xã, các giới chức khác và các bằng hữu xa gần.

Chúng tôi cũng thành thật cáo lỗi các vị đã hay đang tham chánh, trong những nội các kẻ tử sau Cách-Mạng 1963 đến nay, về những điều nhận xét trong cuốn Luận Văn này mà chúng tôi phải thú nhận là nó không hoàn toàn chính xác, vì những khiếm khuyết của chúng tôi trong việc tìm hiểu tiểu sử quý vị.

Chúng tôi mong ước nhận được sự tha thứ cũng như những lời chỉ giáo của quý vị Giáo-Sư và của tất cả quý vị, trong tinh thần học hỏi và cầu tiến.

SAIGON, ngày 28 tháng 07 năm 1974
TÁC GIA.

MỤC - LỤC

*

*

PHẦN DẪN-NẬP

I. Kế-hoạch nghiên-cứu	1
A. Khai-niệm về tầng-lớp ưu-tú chính-trị Ý-nghĩa cuộc nghiên-cứu	1
B. Giới-hạn của đề-tài nghiên-cứu	3
C. Phương-pháp nghiên-cứu	5
II. Tầng-lớp ưu-tú Việt-Nam	7
A. Tầng-lớp ưu-tú cổ-truyền	7
B. Tầng-lớp ưu-tú mới	16

PHẦN THỨ NHẤT

<u>PHÂN-TÍCH TỪNG NỘI-GÁC</u>	19
I. Nội-các NGUYỄN-NGỌC-THY (4.11.63)	19
II. Nội-các NGUYỄN-KHÁNH (8.2.64)	24
III. Nội-các TRẦN-VĂN-HƯƠNG I (4.11.1964)	28
IV. Nội-các PHAN-HUY-QUÁT (16.2.1965)	32
V. Nội-các NGUYỄN-CAO-KỶ (19.6.65)	38
VI. Nội-các NGUYỄN-VĂN-LỘC (9.11.67)	44
VII. Nội-các TRẦN-VĂN-HƯƠNG II (18.5.68)	48
VIII. Nội-các TRẦN-THIỆN-KHIÊM (1.9.69)	53

PHẦN THỨ HAI

trang

<u>NHÌN CHUNG 8 NỘI-CÁC SAU CÁCH-MANG 63</u>	76
I. Những nhân-vật lãnh-đạo nội-các	76
II. Những nhân-vật tham chánh nhiều lần	78
III. Về tuổi-tác	80
IV. Về sinh-quán	83
V. Trình-tộ văn-hóa	88
VI. Về nghề-nghiệp	97
VII. Tôn-Giáo	100
VIII. Chính-đảng	108
IX. Hội-đoàn	121
X. Vấn đề lãnh-đạo của quân-tội	124

PHẦN KẾT-LUẬN

DẪN-NHẬP

I. - KẾ-HOẠCH NGHIÊN-CỨU :

A. - KHÁI NIỆM VỀ TẦNG LỚP ƯU-TÚ CHÍNH-TRỊ VÀ Ý-NGHĨA CUỘC NGHIÊN-CỨU :

Tầng lớp ưu-tú của một xã-hội được kể là những người nắm giữ những địa-vị cao trong xã-hội đó. Do khái-niệm này, về chính-trị ta có tầng lớp ưu-tú chính-trị, và doanh-thương ta có tầng lớp ưu tú doanh thương. Trong những quốc-gia dân chủ như Tây Phương, tầng lớp ưu tú chính-trị được tuyển chọn từ những căn bản rộng rãi. Ngược lại tầng lớp ưu-tú chính-trị trong một xã-hội không dân chủ xuất hiện từ một căn bản nhỏ hẹp, luôn luôn từ một số ít vai gia đình.

Ông Pareto quả quyết rằng trong mỗi xã-hội có hai tầng lớp⁽¹⁾, đó là "tầng lớp ưu tú" (the elites) và "tầng lớp không ưu tú" (the non-elites). Ông chia tầng lớp ưu tú ra làm "tầng lớp ưu tú cai trị" (governing-elites) và "tầng lớp ưu tú không cai trị" (non-governing elites). Mặc dù có người có thể không đồng ý với quan điểm của Ông Pareto là tất cả mọi xã-hội đều phải chia làm hai tầng lớp như vậy, nhưng mô thức xã-hội lưỡng phân của Ông cũng cung cấp cho ta một khuôn mẫu có giá trị trong việc nghiên cứu cơ cấu xã hội của những quốc gia đang phát triển.

Ông Tissa Fernando còn phân biệt ưu tú ra tầng lớp ưu tú mới và tầng lớp ưu tú cổ-truyền⁽²⁾. Tầng lớp ưu tú cổ-truyền là tầng lớp cai trị những quốc-gia trong những thời kỳ trước khi có sự xâm lăng của chủ nghĩa thực-dân Tây Phương.

(1) Vilfredo Pareto, *The Mind and Society* (London, 1935), p.1423, do Tissa Fernando trích dẫn trong "Elite politics in the New States: The case of Post-Independence Sri Lanka", *Pacific Affairs* (Fall 1973), Vol.46, No3, p.361.

(2) Tissa Fernando, *Op. cit*, p. 361.

Tác giả Harold D. Lasswell còn định nghĩa rộng rãi tầng lớp ưu-tú chính-trị : nó không những bao gồm những nhân vật nắm giữ quyền lực của một thực thể chính-trị mà còn bao gồm luôn cả giai cấp từ đó phần tử ưu-tú này xuất thân. Tác giả đan cử trường hợp Ông Winston Churchill của Anh Quốc và cho rằng không ai lại ngần ngại mà không thừa nhận rằng Ông Churchill là một lãnh tụ và không ai lại không công nhận Ông đã là thành phần của giới lãnh đạo Anh-Quốc trong một thời gian dài, mặc dù không phải lúc nào Ông cũng là một lãnh tụ. Ngay từ khi Ông còn trẻ và chưa tham gia vào những hoạt-động chính-trị, Ông đã thuộc vào một tầng lớp ưu tú chính-trị của nước Anh, bởi vì, Ông sinh trưởng trong một gia-đình quyền thế (3).

Việc nghiên cứu tầng lớp ưu tú chính-trị được bắt đầu từ những năm 1930, do những công-trình tiên phong của tác giả Vilfredo Pareto. Những tác-phẩm của Ông thuộc loại này đã được kể như là những khởi điểm có giá trị cho những công-trình nghiên cứu của các học giả về sau.

Cho đến những năm đầu thập niên 1950, sau việc công bố bản tường trình đầu tiên về những công trình nghiên cứu tầng lớp ưu tú (4) chỉ có rất ít những nhà đặc khảo về tầng lớp ưu tú chính-trị thuộc những quốc-gia ngoài Âu-Châu và Hoa-Kỳ là đã chú ý tới công-trình này. Ngày nay thì trái lại, rất nhiều cuộc nghiên cứu đang được mở ra, về Á-Châu, Phi-Châu và Mỹ-Châu La-Tinh. Trong những năm gần đây, việc nghiên cứu tầng lớp ưu tú đã chiếm một địa vị nổi bật trong chương trình sưu tầm của những nhà khoa-học chính trị và những sử gia, cùng những học giả khác trong lãnh vực xã-hội và tác-phong. Trong khuôn khổ thế giới, những cuộc nghiên cứu về tầng lớp ưu tú quyền lực rất là cần thiết, vì

(3) Harold D. Lasswell, *The Comparative Study of Elites* (Stanford University Press, 1952), p.6.

(4) Harold D. Lasswell et al., *World Revolutionary Elites* (The Massachusetts Institute of Technology, 1965), p.1.

tầng lớp ưu-tú này đã gắn liền với chiến tranh, cách mạng và hoà bình trên thế giới.

Theo tác giả Harold D. Lasswell cách thức lựa chọn giới lãnh đạo, chiều rộng của cái căn bản xã-hội từ đó giới lãnh đạo xuất thân, phương cách giới lãnh đạo sử dụng quyền làm quyết-định, tinh thần trách nhiệm của họ, sẽ là những cây kim chỉ nam cho thấy rõ các mức độ chia sẻ quyền lực trong xã-hội, và cũng là cây kim chỉ nam cho biết nên hạnh-phúc và an ninh của một xã-hội trong một thời gian nào đó.

Biết được bản chất của tầng lớp ưu tú là ta đã biết rất nhiều về bản chất của xã-hội đó. Những thay đổi trong cơ cấu của tầng lớp ưu tú chính là điểm báo hiệu của cách mạng (5).

Nếu cuộc nghiên cứu về tầng lớp ưu tú quyền lực trên thế giới cần thiết vì sự liên hệ của tầng lớp này đến vận mạng hoà bình của phần lớn nhân loại, thì việc nghiên cứu tầng lớp ưu-tú của một quốc-gia cũng là việc làm cần thiết vì liên hệ đến tương lai của cộng đồng quốc-gia đó.

Đó là ý nghĩa việc nghiên cứu tầng lớp ưu-tú chính trị tại Việt-Nam Cộng-Hoà.

B.- GIỚI-HẠN CỦA ĐỀ TÀI :

Việc nghiên cứu tầng lớp lãnh đạo chính-trị tại V.N.C.H. là một công việc tương đối mới và chưa được nhiều người quan tâm tới.

Giới lãnh đạo chính-trị tại V.N.C.H. được kể là những nhân vật nắm giữ những chức vụ Tổng-Thống, Phó Tổng-Thống, Thủ-Tướng, các Tổng, Bộ và Thứ Trưởng, các Thượng-Nghị-Sĩ, Dân-Biểu, những sĩ quan cao cấp của Quân-Đội, những

(5) Harold D. Lasswell. Op. cit., p.1.

công chức cao cấp và các nhà lãnh đạo các lực lượng quân chủng như chính đảng, tôn-giáo, nghiệp-đoan. Vấn đề thì rộng lớn mà khuôn khổ một cuốn luận văn lại nhỏ hẹp, chúng tôi đành phải giới hạn cuộc nghiên cứu vào những nhân vật nội các V.N.C.H. mà thôi. Chúng tôi cũng quan niệm những thành phần nội các là những vị đại diện cho thành phần ưu tú chính-trị và là thành viên của giới lãnh đạo chính-trị.

Ngoài giới hạn về phạm vi của đề tài, chúng tôi còn phải đưa ra một giới hạn khác về thời gian. Giới hạn về thời gian ở đây là cuộc Cách-Mạng ngày 1.11.1963. Do đó, đề tài nghiên cứu của chúng tôi được hiểu là "tìm hiểu thành phần xã hội và khuynh hướng các nhân vật nội các kể từ sau Cách-Mạng 1.11.1963".

Sự giới hạn về thời gian này cũng có lý do, trước hết những tài-liệu về các nhân vật nội các thời Đệ Nhất Cộng-Hoa rất khó sưu tầm. Hơn nữa những nội các trước thời Cách-Mạng 1963 đã từng được các học giả nghiên cứu (6).

Và lại, thời gian sau CM 63 là thời gian mà nhiều người đồng ý cho rằng đó là thời kỳ khủng hoảng lãnh đạo quốc-gia. Do đó việc lựa chọn một giới hạn cho cuộc nghiên-cứu, bắt đầu từ sau Cách-mạng 1963, cũng là một lựa chọn có ý nghĩa.

Đối tượng cuộc nghiên cứu như vậy là toàn thể những nhân-vật tham gia những nội các kể từ sau cách-mạng 1963 :

- 1/- Nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ gồm 15 vị
- 2/- Nội các Nguyễn-Khánh gồm 21 vị
- 3/- Nội các Trần-Văn-Hương I gồm 21 vị
- 4/- Nội các Phan-Huy-Quát gồm 21 vị
- 5/- Nội các Nguyễn-Cao-Kỳ gồm 41 vị
- 6/- Nội các Nguyễn-Văn-Lộc gồm 27 vị
- 7/- Nội các Trần-Văn-Hương II gồm 26 vị
- 8/- Nội các Trần-Thiên-Khiêm gồm 47 vị.

(6) Xem David Wurfel, "The Saigon political elites : focus on four cabinets", Asian Survey. (August 1967), Vol.VII, No 8, p.527.

Chúng tôi kể luôn cả những nhân vật được mời tham chánh sau những lần cai tổ, thay đổi thành phần của mỗi chính phủ. Tổng cộng tất cả là 219 chức vụ trong 8 nội các, do 154 nhân vật nắm giữ. Tất nhiên, có vị tham chánh nhiều lần.

C. - PHƯƠNG-PHÁP NGHIÊN-CỨU :

Phương-pháp nghiên-cứu sử-dụng ở đây là phương-pháp phân-tích nội-dung tài-liệu tiêu-sử. Chúng tôi phân-tích những yếu-tố thuộc thành phần xã-hội của từng nhân vật nội các để có thể tìm hiểu được khuynh hướng chính của toàn thể nội-các ấy. Những yếu-tố ấy có thể là lý do khiến một nhân vật có thể tham gia một nội các. Một nội các có thể gồm nhiều người già hay người trẻ, như vậy yếu-tố tuổi tác trở nên một yếu tố quan-trọng khiến một nhân vật có thể tham chánh. Một nội các có thể gồm nhiều người Nam, Bắc hay Trung. Như vậy sinh quán có thể là một yếu-tố quyết-định chi-phối toàn thể nội các ấy. Một nội các cũng có thể gồm nhiều Phật-Tử, như vậy yếu tố tôn-giáo trở nên yếu-tố quyết-định. Một nội các có thể gồm nhiều nhân vật có bằng cấp đại học văn văn

Việc phân-tích từng nội các, sẽ được thực hiện trong Phần Thứ Nhất và Phần Thứ Hai, chúng tôi đối chiếu những nội các với nhau để soi sáng những khía cạnh tương-đồng, từ đó có thể rút ra các khuynh-hướng chung của toàn thể những nội các Việt-Nam Cộng-Hòa.

Trong việc phân tích dữ-kiện, chúng tôi chỉ phân-tích những dữ-kiện có giá trị và khả tín. Thí dụ, chúng tôi muốn biết nội các Nguyễn-Cao-Kỳ có kỳ thi địa phương hay không chúng tôi phân-tích sinh quán của toàn thể nội các ấy gồm 41 nhân vật, nếu chúng tôi thấy tỷ số các nhân vật thuộc ba miền Nam, Trung, Bắc xấp xỉ bằng nhau, thì chúng tôi có thể kết-luận là nội các ấy không kỳ thi địa phương. Dĩ nhiên chúng tôi phải đồng ý trước là "không kỳ thi địa phương" có nghĩa là tỷ số ba Miền : Nam, Trung, Bắc phải đồng đều.

Tuy vậy, việc phân tích của chúng tôi có thể gặp trở ngại vì trong 41 nhân vật nội các này, chúng tôi chỉ có tiểu sử của 39 vị, thiếu mất 2 vị. Có 2 trường hợp xảy ra, khi chúng tôi phân-tích sinh-quần của 39 nhân vật này, chúng tôi thấy 21 vị là người Nam, 15 vị là người Bắc và 3 vị là người Trung. Chúng tôi có thể diễn tả cuộc phân tích này theo hai lối :

Cách thứ nhất :

- Thành phần Nam : 21 vị hay tỷ lệ $\frac{21}{41}$
- Thành phần Bắc : 15 vị hay tỷ lệ $\frac{15}{41}$
- Thành phần Trung : 3 vị hay tỷ lệ $\frac{3}{41}$
- Không biết rõ : 2 vị hay tỷ lệ $\frac{2}{41}$

Cách thứ hai :

- Thành phần Nam : 21 vị hay tỷ lệ $\frac{21}{39}$
- Thành phần Bắc : 15 vị hay tỷ lệ $\frac{15}{39}$
- Thành phần Trung : 3 vị hay tỷ lệ $\frac{3}{39}$

Cách thứ nhất sẽ có phần thiếu sót, nếu không kể đến hai nhân vật mà chúng ta không có tiểu sử của họ. Do đó muốn cho đầy đủ ta phải thêm vào một thành phần thứ tư là "loại không biết rõ". Ở đây loại không biết rõ là $\frac{2}{41}$.

Cách thứ hai, mặc dù không cần đề cập đến "loại không biết rõ" ta cũng thấy được ý nghĩa thực sự của những con số. Sở dĩ như vậy là vì ta đã chọn mẫu 39 người để phân tích tiểu sử, là con số thực sự có ý nghĩa. Nếu số người "không biết rõ" càng ít thì ta bao rằng tỷ lệ ta đưa ra cho mỗi thành phần Nam, Trung, Bắc càng có ý nghĩa. Trong cách thứ hai, ta biến đổi những tỷ-lệ ra thành những tỷ-số bách-phần thì được :

- Thành phần Nam : 21 vị hay $\frac{21}{39}$, hay 54%
- Thành phần Bắc : 15 vị hay $\frac{15}{39}$, hay 38%
- Thành phần Trung : 3 vị hay $\frac{3}{39}$, hay 8%

Tất cả những sự phân-tích của chúng tôi trong cuộc nghiên cứu này đều được chọn theo cách thứ hai, nghĩa là chúng

tôi dùng ngay con số dữ kiện có giá trị đích thực làm mẫu số, để lập một tỷ lệ cho tiện so sánh. Tuy theo số lượng của những dữ kiện thiếu sót nhiều hay ít, mà tỷ số chúng tôi lập ra có giá trị nhiều hay ít.

Về tài liệu, phần lớn chúng tôi căn cứ vào bộ sách "Who's Who in Vietnam : 1967, 1969, 1970, 1972, 1973, 1974" và những bản tin hàng ngày kể từ năm 1963 đến nay, do Việt-Tân-Xã ấn hành. Một số các bản tin của Văn Phong Phủ Thủ-Tướng, các tài liệu của Bộ Dân-Văn và Chiêu-Hồi liên hệ đến đề tài, cũng được chúng tôi sử dụng. Ngoài ra, chúng tôi cũng thực hiện một vài cuộc phỏng vấn trực tiếp hay bằng điện-thoại với những nhân-gật này, để tìm hiểu thêm về tiểu sử của họ hoặc để xác định những điều liên hệ đến tiểu sử của họ, mỗi khi chúng tôi gặp trường hợp nghi ngờ.

Tất nhiên, nếu dữ kiện càng đầy đủ, cuộc phân-tích càng có giá trị. Trong những bảng liệt-kê dữ kiện chúng tôi cũng không quên ghi rõ số lượng những dữ kiện không biết rõ, để đo đó có thể thẩm định mức độ giá trị của sự phân-tích.

oOo

II. - TẦNG LỚP ƯU-TÚ VIỆT-NAM :

A. - TẦNG-LỚP ƯU-TÚ CỔ TRUYỀN

Có thể nói tầng lớp ưu tú cổ truyền Việt-Nam trước khi có sự xuất hiện của người Pháp, chính là giới "nho sĩ". Cái tên "nhà nho" không những là để chỉ người biết chữ, học đạo thành hiền trong Nho giáo, còn chỉ một giai cấp, một tầng lớp trong xã-hội, tức là hạng thượng lưu trí thức trong nước.

Quan điểm của Ông Pareto trong tác phẩm "The Mind and Society" xuất bản tại Luân-Đôn năm 1935, trong đó Ông khẳng định trong mỗi dân tộc luôn luôn có hai tầng lớp là tầng lớp ưu-tú (elite) và tầng lớp không ưu tú (non-elite). Tầng lớp không ưu-tú tức là đại chúng (the masses) vậy. Quan điểm này rất giống với quan điểm của Ông Phạm-Quỳnh trước đó.

Trong Nam Phong Tạp-Chí, khi phân-tích xã-hội Việt-Nam, Ông viết :

"Xã-hội nước ta chỉ có 2 giai cấp lớn : một hạng bình dân là dân quê làm ruộng, một hạng học thức, tức là nhà nho. Hạng bình dân coi hạng học thức như thầy dạy bảo, là người đưa đường, sẵn lòng phục tòng, không có đồ kỵ. Hạng học thức cũng tự nhận cái chức trách đó, không lạm dụng, không kiêu căng, vì coi mình như kẻ giáo-sĩ của đạo Khổng, Mạnh, thiên hạ thờ, là thờ đạo, kính là kính đạo, mà nhờ cái dư oai của tôn giáo mới khiến cho mình có một địa vị tôn trọng vậy. (7)

Nhà nho, theo định-nghĩa của Dương-Quang-Hàm :

"Nho nghĩa đen là học giả. Nhà nho là người đã theo Nho học, hiểu đạo lý của thánh hiền đời xưa, có thể dạy bảo người đời cư xử cho phải đạo và, nếu được đặc dụng, thì đem tài đức của mình mà giúp dân giúp nước (8).

Nếu Ông Pareto chia ra hai loại tầng lớp ưu-tú là tầng lớp ưu-tú cai-trị (governing elite) và tầng lớp ưu-tú không cai-trị (non-governing elite) thì tầng lớp ưu-tú cổ-truyền Việt-Nam, tức giới nho sĩ cũng chia ra loại hiền nho, ẩn nho và hàn nho (9). Thật ra hiền nho tức là tầng lớp ưu-tú cai trị và ẩn nho và hàn nho là tầng lớp ưu tú không cai trị. Vậy nho sĩ được huấn luyện và tuyển chọn ra sao ?

(7) Phạm-Quỳnh, Nam Phong Tạp-Chí, tập XXX, số 172, tháng 5/1932 do Dương-Quang-Hàm trích dẫn trong sách "Việt-Nam Văn-Học Sử Yếu" (Saigon : Trung-Tâm Học-Liệu, 1968), p. 92.

(8) Dương-Quang-Hàm, *Op. cit.*, p. 80

(9) Hiền nho : Nhà Nho có thể đi làm quan, giúp vua cai trị dân, có quyền hành và địa vị cao quý trong xã-hội.

Ẩn nho : Nhà nho có tài học mà không muốn ra gánh vác việc đời, ẩn náu nơi thâm sơn cùng cốc để vui thú an nhàn.

Hàn nho : Nhà nho không đồ đặt để ra làm quan được, dạy học và làm thuốc để sinh sống.

A. - Cách thức tuyển chọn tầng lớp ưu-tú cổ truyền :

Cách thức tuyển chọn tầng lớp ưu-tú cổ truyền Việt Nam là khoa cử. Xã-hội ta ngày xưa, tổ-chức theo khuôn mẫu của nho giáo, vì vậy nên người cầm quyền trong nước để giúp vua trị dân phải là người trong phái Nho gia, tức là người đã am hiểu đạo lý của Khổng Mạnh. Bởi vậy, chốn quan trường ở nước ta ngày trước là do giới Nho Sĩ xuất thân.

Ta hãy xét cách thức họ xuất thân, nghĩa là khoa cử và chương-trình cùng thể thức các khoa thi.

1. - Lịch-sử khoa cử trước năm 1906⁽¹⁰⁾.

Trong các triều Ngô, Đinh, Tiền Lê, triều đình chưa kịp tổ-chức việc học, việc thi, phần vì ngắn ngủi, phần vì các vua còn phải lo việc chống nhau với nước Tàu để làm cho nền tự chủ được vững mạnh. Mãi đến đời nhà Lý thì việc khoa cử mới bắt đầu quy định.

a) Nhà Lý (1009 - 1225) Năm 1075, vua Lý-Nhân-Tôn mở khoa thi tam trường, để kén người minh kính bác học. Nước ta bắt đầu có khoa cử từ đây. Song trong triều nhà Lý, khoa cử chưa có thường lệ, cứ khi nào Nhà Vua cần người thì mở khoa thi. Sử còn chép ngoài khoa thi năm 1075 còn có 5 khoa nữa vào những năm 1086, 1152, 1165, 1185 và 1193.

Ngoài ra, năm 1195, vua Lý-Cao-Tôn mở khoa thi tam giáo, tức là ba đạo Nho, Phật và Lão.

b) Nhà Trần (1225 - 1400) và Nhà Hồ (1400-1407).

Đến đời Nhà Trần thì khoa cử đã có thường lệ và hai khoa thi chính là thi hương và thi hội, đã đặt ra.

(10) Sau khi Pháp chiếm Đông Nam Kỳ (1862-1867) thì bãi bỏ ngay việc học và thi cử Nho, tổ chức một nền học Pháp-Việt. Tại Trung và Bắc Kỳ việc học và thi cử Nho vẫn tiếp tục cho đến năm 1906 mới thay đổi lại, có thêm các môn Cách-Trí, Địa-Dư, Toán-Pháp và Pháp-Văn. Ít lâu sau mới bãi bỏ hẳn việc học và thi cử Nho.

o Thi Hội :

Năm 1232, vua Trần-Thái-Tôn mở khoa thi Thái học sinh (tức sau này là tiến sĩ) và đặt ra tam giáp, nghĩa là chia người đỗ ra ba hạng : đệ nhất giáp, đệ nhị giáp và đệ tam giáp. Đến năm 1247, ngài lại đặt ra tam khôi, gồm 3 người đầu về đệ nhất giáp là trạng nguyên, bảng nhãn và thám hoa. Đến năm 1304, vua Trần-Anh-Tôn đặt thêm tên Hoàng giáp để gọi người đỗ đầu về đệ nhị giáp. Năm 1374 vua Trần-Duệ-Tôn mở khoa Đình thi (là thi ở sân vua) lấy tiến-sĩ. Tên tiến sĩ bắt đầu có từ đây. Nhưng mãi đến năm 1442, đời Lê-Thái-Tôn mới chuyên dùng chữ "tiến-sĩ" mà bỏ hẳn chữ "thái học-sinh". Năm 1396, vua Trần-Thuận-Tôn quy-định lại phép thi, cứ năm trước thi Hương, năm sau thi Hội và tiếng "thi Hội" bắt đầu từ đây.

Còn kỳ hạn các khoa thi, thì năm 1246, vua Trần-Thái-Tôn định cứ 7 năm một khoá. Đến năm 1404, Hồ-Hán-Thương định cứ 3 năm một khoa. Đời Lê-Thánh-Tôn, 1463, cũng theo lệ này.

o Thi Hương :

Năm 1396, vua Trần-Thuận-Tôn đặt ra thi hương lấy cử nhân. Thi Hương bắt đầu có từ đây.

o Thi tam giáo :

Đạo Phật về đời Nhà Trần vẫn còn thịnh nên năm 1247, vua Trần-Thái-Tôn cũng có mở khoa thi tam giáo.

c) Nhà Hậu Lê (1428-1527 và Nhà Mạc (1527-1592)).-

Buổi đầu, vua Lê-Thái-Tổ chưa kịp lập lại các khoa thi thường lệ ngài chỉ mở những khoa thi bất thường.

Đến năm 1434, vua Lê-Thái-Tổ mới xuống chiếu định điều lệ thi Hương, thi Hội, hẹn đến năm 1438 thì mở khoa thi Hương, năm 1439 thì mở khoa thi Hội, rồi cứ 3 năm lại mở một

khoa. Nhưng thực ra thì khoa thi Hội đầu tiên ở triều Lê mãi đến năm 1442 mới mở, mà lệ ba năm một khoa, đến năm 1463 (đời Lê-Thánh-Tôn) mới thực hành được.

o Thi Hội :

Về khoa thi Hội năm 1442, các tiến sĩ cũng chia làm tam giáp và cũng lấy tam khôi như lệ Nhà Trần. Năm 1466, vua Lê-Thánh-Tôn đặt ra lệ xướng danh nghĩa là gọi tên những người trúng tuyển một cách long trọng và lệ vinh quy nghĩa là rước Ông Tiến-sĩ về nguyên quán. Năm 1484 ngài lại cho khắc bia tiến-sĩ : tên Ông tiến-sĩ mỗi khoa đều khắc trên một tấm bia đá dựng ở Văn Miếu Hà-Nội, hiện nay vẫn còn. Ngài sai khắc tên các tiến-sĩ tự khoá 1442 là khoá đầu tiên trở xuống.

o Thi Hương :

Năm 1462 vua Lê-Thánh-Tôn chia các người đỗ thi Hương làm Hương cống và sinh đồ.

Nhà Mạc sau khi tiếm ngôi Nhà Lê, cũng theo phép thi cử của Nhà Lê, cứ 3 năm mở khoa thi như trước.

d) Nhà Lê Trung-Hung (1533-1789)

Trừ các khoa thi hương, thi hội, trong đời Lê Trung Hưng lại mở những khoa thi bất thường. Nhưng sự thi cử thời bấy giờ không được nghiêm như đời Tiền Lê. Như năm 1750 đời Lê Hiến-Tôn, vì nhà nước thiếu tiền, đặt ra lệ "thu tiền thông kính" : ai nộp ba quan thì được đi thi hương không phải khảo hạch. Do đó kẻ thực học trở nên hiếm hoi trước việc lạm phát sĩ tử.

e) Nguyễn Triều :

Chế độ khoa cử thời này, cũng theo như thời Hậu Lê, vẫn có 2 khoa thường lệ là thi hương và thi hội, thỉnh thoảng cũng mở khoa thi bất thường.

o Thi Hội :

Năm 1822, vua Minh-Mệnh mở khoa thi hội đầu tiên. Các tiến-sĩ vẫn chia làm ba giáp như đời Lê, lệ xướng danh,

vinh quy, khắc bia cũng theo như trước. Nhưng các bia tiến sĩ về triều Nguyễn đều dựng ở Văn Miếu trong kinh-đô Huế.

o Thi Hương :

Khoa thi hương đầu tiên của triều Nguyễn là khoa năm 1807, Gia-Long thứ 6. Trước định 6 năm một khoa, sau đổi ba năm một khoa.

Ngoài ra còn các khoa thi bất thường gọi là các ân-khoa, cả hương lẫn hội, mỗi khi có việc vui mừng trong nước như lễ dâng quang, lễ vạn thọ ...

2.- Chương-trình và thể thức các khoa thi :

Tóm lại, ngày xưa nước ta có hai khoa thi chính thức :

- thi hương để lấy cử nhân (hoặc hương cống) và tú tài (hoặc sinh đồ).

- thi hội để lấy tiến sĩ (trước là thái học sinh) và phó bảng.

Vậy ta xét qua thể thức và chương trình hai khoa thi ấy :

a) Thể thức :

Thi hương được mở ở nhiều nơi. Về triều Nguyễn, thì có các trường Thừa-Thiên, Gia-Định, An-Giang, Bình-Định, Nghệ-An, Thanh-Hoá, Nam-Định, Hà-Nội. Còn thi hội, các thí sinh hội họp ở kinh-đô để thi.

Hương thí hay thi hương chia làm 4 kỳ (hoặc 4 trường). Trúng 4 trường là cử-nhân, trúng ba trường là tú-tài. Đầu cử nhân rồi mới được thi hội.

Thi hội cũng chia làm 4 trường. Trúng cả 4 trường mới được vào thi đình, nghĩa là thi ngay ở sân điện nhà vua, không phải thi ở trường thi như những kỳ trước. Ta nên ghi nhận đình thí không phải là khoa thi riêng mà chỉ là giai-

đoạn cuối cùng của khoa thi tiến-sĩ. Người nhiều điểm được lấy đỗ tiến-sĩ, ít điểm được lấy đỗ phó bảng.

b) Chương-trình thi

Chương-trình thi thế nào thì trước kia sử không ghi rõ. Mãi đến năm 1304, vua Trần-Nhân-Tôn định lại phép thi, thi chương trình 4 kỳ như sau :

- Kỳ đệ nhất : âm tả
- Kỳ đệ nhị : kinh nghĩa, thơ phú
- Kỳ đệ tam : chiếu, chế, biểu
- Kỳ đệ tứ : văn sách.

Năm 1396, vua Trần-Thuân-Tôn bỏ âm tả và định lại kỳ đệ nhất thi kinh nghĩa, kỳ đệ nhị thi thơ phú, còn 2 kỳ sau như cũ.

Năm 1404, Hồ-Hán-Thương thêm vào một kỳ thứ 5 thi "thư" (viết) và "toán" (tính).

Năm 1434 vua Lê-Thái-Tôn định lại phép thi :

- Kỳ đệ nhất : kinh nghĩa
- đệ nhị : chiếu, chế, biểu
- đệ tam : thơ, phú
- đệ tứ : văn sách

Suốt đời nhà Lê, cả thi hương lẫn thi hội đều theo chương trình ấy.

Vua Gia-Long khi mở khoa thi hương theo đúng chương trình như đời Hậu Lê. Đến năm 1832, vua Minh-Mệnh sửa lại cả phép thi hương lẫn thi hội còn 3 kỳ :

- Kỳ đệ nhất : kinh nghĩa
- đệ nhị : thơ phú
- đệ tam : văn sách

Năm 1850, vua Tự-Đức lại lập lại bốn kỳ ; cả thi hương và thi hội, nhưng thi đình thì thêm kỳ "đổi sách" một bài.

Năm 1858, Tự-Đức thứ 11, lại rút xuống còn 3 kỳ, kỳ nhất thi kinh nghĩa, kỳ nhì thi chiếu, biểu, luận và kỳ ba thi văn sách, còn kỳ 4 thi thơ phú thì bỏ đi.

Năm 1876, Tự-Đức thứ 29, kỳ đề nghị của khoa thi hương lại bỏ chiếu, biểu, luận mà thi thơ phú. Năm 1884, Kiến-Phúc nguyên niên thi hương trừ ba kỳ trước, lại đặt thêm một kỳ phúc hạch (xét lại) thi lược bị mỗi bài kinh nghĩa, một bài phú, một bài văn sách(11).

B. - Việc huấn-luyện :

Việc tổ-chức giáo-dục nho học có thể chia làm 2 thời kỳ :

1. - Việc học trước đời Lý (đầu thế kỷ thứ X đến giữa thế kỷ XI). Những triều Ngô, Đinh và Tiền Lê phần vì ngăn ngại phần vì mai lo việc binh bị nên chưa có thi giờ tổ-chức việc học. Việc học bấy giờ đều do các vị sư uyên thâm nho học và Phật học đảm nhiệm.

2. - Việc học sau đời Lý (giữa thế kỷ XI đến cuối thế kỷ XIX). Trong thời kỳ này, việc học chữ Nho được triều đình tổ-chức để các sĩ phu có nơi học tập.

- Nhà Lý :

Năm 1070, vua Lý-Thánh-Tôn dựng Văn miếu ở Thăng Long thờ Khổng Tử, và cho Hoàng Tử tới học ở đó.

Năm 1076, vua Lý-Nhân-Tôn đặt ra Quốc Tử Giám chọn các quan có văn học bỏ vào đây coi việc giảng dạy.

- Nhà Trần :

Năm 1236, vua Trần-Thánh-Tôn đặt ra "Đề điều quốc tử viên" để cho con các quan văn vào đây học. Năm 1243 Ngài sai làm lại Quốc-Tử Giám. Năm 1252, Ngài cho con thường dân thuộc loại ưu tú được theo học với con các quan ở đây.

(11) Đông-quang-Hàm : Op. cit., p. 81-91

Năm 1253, Ngài lập Quốc-Học-Viện để giảng tử thư ngũ kinh.

Năm 1237, đời vua Trần-Thuân-Tôn, Hồ-Quý-Ly, thấy việc học trong nước, trừ kinh-đồ ra, bên ngoài chưa kể tổ-chức, bèn hạ lệnh đặt ở các lộ, phủ, châu các học-quan coi việc dạy dỗ, và cấp ruộng cho các viên quan ấy.

- Nhà Lê :

Năm 1428 Vua Lê-Thái-Tổ lập Quốc-Tử-Giám ở Kinh-Đô để dạy con cháu các quan và những người thường dân ưu tú. Ở ngoài, đặt nhà "Lộ Học" cho con em dân chúng được học và bổ thầy để dạy dỗ.

Năm 1483, Vua Lê-Thánh-Tôn mở rộng thêm nhà Thái-Học (tức là Quốc-Tử-Giám), làm các phòng cho các sinh-viên ở và Kho Bí Thư (thư-viện) để chứa sách.

- Nhà Nguyễn :

Năm 1803, vua Gia-Long dựng nhà Quốc-Học ở Kinh-Đô (Huế). Ngài lại đặt chức đốc học ở các Trấn, giáo-thụ, huân-đạo ở các Phủ, huyện để coi việc dạy học.

Năm 1821 vua Minh-Mạng đổi tên nhà Quốc-Học gọi là Quốc-Tử-Giám, dựng thêm một giảng đường, một di luân đường, cùng hai học xá ở bên tả, bên hữu.

Năm 1826, dựng thêm phòng học mỗi bên tả hữu 19 gian cho sinh-viên học tập.

Tóm lại, trong cách tổ-chức việc học ở nước ta hồi xưa, triều đình chỉ chú trọng đến một trường học cấp cao ở kinh đô là Quốc-Tử-Giám hoặc những tên gọi khác, và đặt các giáo chức ở lộ, phủ để cho các học trò lớn có chỗ học tập mà dự các khoa thi. Còn việc học ở dân gian như nay gọi là bậc "tiểu học" thì triều đình không tổ-chức, cứ để các tư gia đơn thầy dạy lấy con cháu. Tuy vậy, việc học của giới bình dân cũng được phổ cập, vì các trường tư mở ra rất nhiều và các ông đồ, trong đó gồm các bậc hủ quan, các nhà khoa mục, được người trong nước nể vì.

Về khoa cử nước ta bắt đầu có từ thời Lý đến đời Trần thì đã thành thường lệ, đời Hậu Lê thì đặt thêm các điều vinh dự để hậu đãi người có khoa mục. Chương trình thì trong các triều đại, đại để chỉ chú trọng về văn-chương mà không hỏi về các khoa thực-dụng. Duy có Hồ-Quý-Ly muốn cải cách đôi chút, thêm vào môn toán pháp là có ý lưu tâm đến thực học, nhưng các cách ấy không có hiệu quả vì họ Hồ mất ngôi ngay.

Chính vì chế độ khoa cử ấy mà cái học từ chương ngày một tệ hại, các tầng lớp ưu-tú trong xã-hội đều xô nhau vào trường khoa cử không còn ai lưu tâm tới khoa học, kỹ-nghệ và thương mại nữa.

B.- TẦNG LỚP ƯU-TÚ MỚI :

Tầng lớp ưu tú mới ở Việt-Nam nói riêng⁽¹²⁾ và tại các quốc-gia đang phát triển nói chung⁽¹³⁾ là sản-phẩm của nền giáo-dục của đế quốc thực dân Âu-Châu, trong thời kỳ thuộc địa.

Sau khi nước Pháp chiếm đóng xứ Nam Kỳ của Việt-Nam, vào năm 1862 và năm 1867, thì họ bãi bỏ ngay việc học chữ Nho ở đây mà tổ-chức ngay một nền học Pháp Việt. Còn ở Trung và Bắc Kỳ thì chính-phủ Bảo Hộ trước vẫn để nguyên như cũ, sau mới thương lượng với triều-đình Huế lập ra "Hội-đồng cải hướng học vụ" để sửa lại phép học, phép thi.

Ngày 31.5.1906, Chính-Phủ ban hành một đạo dụ về

(12) David Wurfel Op. cit., p. 528.

(13) Tissa Fernando, Op. cit., p. 363 : "The emergence of the new elites of Asia and Africa was not an accident. They were the products of colonial educational policies which were deliberately geared to the creation of a westernized element among the indigenous population".

việc ấy. Về phép học thì chia làm 3 bậc :

1.- Âu học : Dạy ở các trường tổng sư, nghĩa là trường học cấp tổng và lấy "bằng tuyển sinh" làm tốt nghiệp.

2.- Tiểu-học : Dạy ở các trường phủ, huyện và các trường quy thức ở tỉnh lỵ, lấy bằng khoá sinh làm tốt nghiệp. Các thầy dạy ở đây gọi là giáo thụ hay huân đạo.

3.- Trung-học : Dạy ở các trường tỉnh (đốc học) để luyện học trò đi thi hương

THƯ-VIÊN QUỐC-GIA

Chương trình học ở thời này vẫn lấy chữ Nho làm gốc, nhưng có học thêm các khoa cách-trí, sử-ký, địa lý, toán pháp bằng chữ quốc ngữ và một ít pháp-văn.

Vẫn theo đạo Dụ trên, thì thi hương đổi lại, về phần chữ Nho thì bỏ kinh nghĩa và thơ phú, chỉ có văn sách và luận. Về phần chữ quốc ngữ (14) thì có bài luận và bài hỏi về địa dư, cách trí, và toán-pháp, lại thêm những bài-dịch chữ Pháp trước thì nhiệm ý sau cương bách.

Chương trình thi Hội cũng đổi lại : về phần chữ Nho chỉ giữ văn sách, chiếu, biểu, dụ, tấu, sớ, biểu văn và luận, còn thêm vào những bài chữ quốc ngữ và pháp-văn (15).

Đến năm 1918, tức là năm Mậu Ngọ, là năm Khải Định tam niên, khoa thi hương năm ấy là khoa thi hương cuối cùng của nước ta, chấm dứt cái học nhà Nho ở nước ta, nhường chỗ cho nền học Pháp Việt. Chữ Pháp được thay thế cho chữ Hán làm chuyên ngữ trong học đường. Hán văn chỉ còn giữ vai trò phụ, như bất cứ một ngoại ngữ nào trong chương-trình học. Nền học Pháp Việt này được thành lập do Bộ Luật về giáo dục

(14) Chữ quốc ngữ là do các cố đạo người Bồ Đào-Nha, Ý và Pháp sáng chế ra vào đầu thế kỷ thứ 17. Có Alexandre de Rhodes cho in Bộ Tự điển và bộ sách giảng dạy bằng chữ quốc ngữ trước nhất năm 1651 tại La-Ma.

(15) Dương-Quang-Hàm, Op. cit., p. 76.

công công (Code de l'instruction publique) công bố theo những nghị-định ngày 21 tháng 12 năm 1917⁽¹⁶⁾.

Vào ngày 29.4.1918, toàn quyền Albert Sarraut cất bằng khánh thành Viện Đại-Học Đông-Dương ở Hà-Nội, và coi như đây là một tác phẩm của người Pháp. Ông tuyên bố một cách đầy hãnh diện như sau :

" Tâm hồn người An Nam sẽ vươn cao lên từng thế hệ, đến những cao độ của kho tàng kiến thức của nhân loại bằng sự cải cách, sự phong phú hoá và sự bồi đắp không ngừng do học thuật và tư tưởng nước Pháp"⁽¹⁷⁾.

Trường thuốc và trường luật là hai trường đại học được mở đầu tiên.

Năm 1938, Viện Đại-Học Hà-Nội lại mở thêm trường Canh-Nông và trường Công-Chánh.

Cho đến năm 1954, là năm ký kết Hiệp-định Genève, Viện Đại-Học Hà-Nội đã hoạt-động được 36 năm đã sản xuất ra một tầng lớp ưu tú chính-trị cho cả hai miền Việt-Nam. Riêng tại Việt-Nam Cộng-Hoa, trong số 154 vị Tổng Bộ Thứ-Trưởng, tham chánh từ sau Cách-Mạng 1963 đến nay, có 48 vị đã tốt nghiệp Đại-Học Hà-Nội, tổng số là 32%. Trong chính-phủ CMTT của V.C. ngày 23.5.1969, ta thấy tổng số những người tốt nghiệp Đại-Học Hà-Nội là 50% nhiều hơn V.N.C.H. Trong thành phần ưu tú chính trị miền Bắc, mặc dù chúng ta thiếu dữ kiện nhưng chắc chắn tỷ số ấy cũng không phải là nhỏ.

o
o/o

(16) Bru-Gam, "Học-Chê ở Việt-Nam qua các triều đại," tạp chí Văn-Hóa Nguyệt-San, số 35 (tháng 10 năm 1958) p. 1102.

(17) Jean Ajalbert, L'Indochine par les Français, Paris:Gallimard, Năm 1931) p. 226 và 227.

PHÂN-TÍCH TỪNG NỘI-CÁC

*

I.- NỘI CÁC NGUYỄN-NGỌC-THƠ

Nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ được thành lập do Sắc-lệnh số 1-TTP ngày 4.11.1963, gồm 15 vị Tổng, Bộ, Thủ Trưởng do Thủ-Tướng Nguyễn-Ngọc-Thơ lãnh đạo (18). Sau khi lật đổ chế độ độc tài Ngô-Đình-Diệm, Trung-Tướng Dương-Văn-Minh Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng, chiếu Hiến Ước lâm thời số 1 ngày 4.11.1963, chỉ định Ông Nguyễn-Ngọc-Thơ, nguyên Phó Tổng Thống V.N.C.H. trước ngày Cách-Mạng, thành lập Chính Phủ lâm thời V.N.C.H. Trong thông điệp ngày 6.11.1963 gửi toàn quốc Trung-Tướng Dương-Văn-Minh tuyên bố :

"Để bình thường hoá tình thế, Hội-Đồng Quân Nhân Cách-Mạng quyết-định thành lập mau lẹ một Chính-Phủ Lâm Thời. Hôm nay, tôi lấy làm vinh dự và sung sướng được giới thiệu Chính-Phủ Lâm thời này với toàn thể đồng bào. Chính phủ này được giao phó quyền hành pháp và lập pháp cần thiết để điều hành guồng máy hành chánh nhà nước, đẩy mạnh cuộc chiến đấu của chúng ta chống lại Cộng-San và xây dựng một xã-hội lành mạnh cho toàn thể đồng bào".

Trong bản tuyên bố của chính-phủ Lâm Thời V.N.C.H. cùng ngày, Thủ-Tướng Nguyễn-Ngọc-Thơ cũng khẳng định lại lập trường chống Cộng-San của Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng.

(18) Ô.Ô. Nguyễn-Ngọc-Thơ (Thủ-Trưởng), Trung-Tướng Trần-Văn-Đôn (QP), Trung-Tướng Tôn-Thất-Đĩnh (Bộ An-Ninh), Phạm-Đặng-Lâm (Bộ NG), Nguyễn-Văn-Mau (Bộ TP) Phạm-Hoàng-Hộ (Bộ GD) Trần-Lê-Quang (Bộ Canh-Nông) Thiệu-Trương Trần-Tu-Cải (Bộ Thông-tin), Trần Ngọc Oanh (Bộ Công-Chánh) BS Vương-Quang-Trương (Bộ Y-Tê) Nguyễn-Lê-Quang (Bộ Lao-Động) Nguyễn-Hữu-Phi (Bộ Thanh-Niên và Thể Thao) Nguyễn-Thạnh-Cung (Bộ-Trưởng Phụ Thu-Trưởng), Lưu-Văn-Tĩnh (Bộ-Trưởng Tài-Chánh) Âu-Trương-Thanh (Bộ-Trưởng Kinh-Tê).

Tuổi tác :

Nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ không có vị nào dưới 30 tuổi. Tuổi trẻ nhất là 32 tuổi đó là Giác-Sư Thạc-Sĩ Phạm-Hoàng-Hộ. Tuổi già nhất là 55 tuổi, là Thủ-Tướng Nguyễn-Ngọc-Thơ. Tuổi trung bình của nội-các là 45 tuổi.

Lớp tuổi từ 31 - 40 chiếm 33%, lớp tuổi từ 41-50 chiếm 47%, và lớp tuổi 51-60 chiếm 20%.

Như vậy, lớp tuổi 41-50 chiếm gần một nửa tổng số nhân-viên nội các (bảng 2).

So với nội các trước Cách-Mạng 63 của Ông Ngô-Dinh Diệm, với tuổi trung bình của nội các này là 48 tuổi, nội-các của Ông Thơ có phần trẻ hơn. Nội các của Ông Thơ cũng trẻ hơn so với chính phủ CMLT của V.C. với tuổi trung bình là 50, và tuổi già nhất là 73 (phụ-bản 1).

Tuy nhiên, cả nội các Thơ, nội các Diệm và chính-phủ CMLT của V.C. đều giống nhau ở chỗ, lớp tuổi chiếm nhiều nhất trong những nội các này là lớp tuổi 41-50, mặc dù với những tỷ lệ có khác nhau : nội các Diệm 56%, nội các Thơ 47%, và chính phủ CMLT của V.C. là 37%.

Sinh quán :

Những dữ kiện liên quan đến sinh quán khá đầy đủ. Chúng tôi xin trình bày ở đây, sinh quán được hiểu là nguyên quán, là gốc gác địa phương của một người, thông thường là như vậy. Chỉ trừ vài trường hợp, có vị sinh quán ở ngoại quốc, nhưng mọi người đều nhận biết rõ đương sự gốc gác người ở đâu, do giọng nói và những liên hệ thân tộc, như trường-hợp Trung-Tướng Trần-Văn-Đôn, sinh quán ở Bordeaux bên Pháp, nhưng gốc người Nam Phần, thì không thể căn cứ vào nơi sinh để có thể quyết định Ông Đôn thuộc địa phương nào, nếu không căn cứ vào những yếu-tố khác như vừa nói.

Có vài tác giả khi nghiên cứu về vấn-đề này, có chia cột sinh-quán các nhân vật nội các ra làm : Nam phần, Bắc

Trung phần, Nam Trung Phần, Nam Phần, Ngoại quốc (19). Chúng tôi thiết nghĩ lối phân chia địa phương như vậy không cần thiết, vì nó không trả lời được vấn-đề có thể đã chi phối chính-trị Việt-Nam, nhất là trong tầng lớp ưu-tú, đó là vấn đề địa-phương. Chúng tôi chỉ cố gắng chia ra làm 3 vùng chính Trung Nam Bắc, bỏ sự phân chia miền Trung ra làm 2 phần Bắc Trung phần và Nam Trung phần, cũng bỏ luôn sinh quán ngoại quốc bằng cách cố gắng tìm những chi tiết có giá trị khác để phân loại hẳn ra 1 trong 3 thành phần Nam Trung Bắc. Chúng tôi có ghi thêm một thành phần sắc tộc để mọi người thấy được chỗ đứng của đồng bào sắc tộc trong nội các.

Nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ gồm đa số là người Nam-phần, gồm 86%. Phần còn lại chia đều cho hai miền Trung và Bắc, mỗi miền là 7%. Với tỷ số gần chín chục phần trăm trong nội các của mình là người miền Nam, trong khi chính vị Thủ-Tướng lại là người miền Nam, nên Thủ-Tướng Nguyễn-Ngọc-Thơ được nhiều người mô tả như một người có đầu óc kỹ thị địa-phương rất nặng. Nội các Ngô-Đình-Diệm đầu tiên không có người nào miền Nam nhưng vào năm 1962, trước cuộc đảo chính người ta thấy 46% người Nam, 31% Trung và 23% Bắc. Ông Diệm được người ta cho là cũng nặng đầu óc địa phương : Không có nội các nào sau Ông Diệm lại có nhiều thành phần người Trung như trong nội các Ông Diệm. Và nếu nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ tràn ngập người Nam, theo tác giả David Wurfel, chỉ là một phản ứng lại trước thái độ kỹ thị địa phương quá rõ ràng của Ông Diệm (bảng 3).

Trình-độ văn-hoá :

Trong nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ, cũng như những nội các sau này, ta không thấy xuất hiện những tầng lớp ưu tú cổ truyền, mà tác giả D.Wurfel gọi là giới cổ-học Việt-Nam, ở trên ta gọi là giới "Nho sĩ". Từ năm 1918, là năm có khoa thi hương cuối cùng, chấm dứt nền Nho học ở nước ta, đến nay đã 56 năm, hơn một nửa thế kỷ nay. Có lẽ những nhà Nho cuối cùng chỉ xuất-hiện đến thời nội các Ngô-Đình-Diệm, với tỷ

(19) David Wurfel, Op. cit., p. 29

số 8% (20). So với bên Trung-Hoa, tầng lớp ưu tú cổ truyền này, năm 1924, còn chiếm 25% trong Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-Uông. Tỷ số ấy giảm mau lẹ vào năm 1945 với 3,6%, đánh dấu sự cáo chung của nền học thuật cổ Trung-Hoa trong vai trò "xuất thế hành đạo" theo lộ trình Khổng Mạnh (21).

Tất cả những thành phần trong nội các Nguyễn-Ngọc Thơ đều là những nhà trí thức mới, Âu học, 20% có bằng cấp bậc Trung-Học, 60% có bằng cấp Đại-học, và 20% xuất thân các trường Võ bị trong và ngoài nước (bảng 5).

Cũng trong nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ một nửa được giáo-duc tại Việt-Nam, một nửa được giáo-duc tại Pháp. Không có ai thuộc hàng trí thức khoa bảng Mỹ, cũng như các nước Âu Mỹ khác, hoặc Nhật hay Trung-Hoa, đã có mặt trong nội-các này (bảng 6).

Nội các Ngô-Đình-Diệm trước C.M. 63 có mặt tới 22% các nhà trí thức khoa bảng Mỹ, trong nội các Thơ, biến mất không có một nhân vật nào thuộc loại này. Sự kiện này có thể bắt nguồn ở chính bản thân của Thủ-Tướng Thơ là người xa lạ đối với giới trí thức xuất thân các Đại-Học ở Mỹ. Ông Thơ là người học và hoạt-động ở Việt-Nam, còn Ông Diệm có một thời gian dài ở Mỹ (22).

Phân-tích tiểu sử tầng lớp ưu tú chính-trị này trong nội các của Ông Thơ, người ta còn thấy chỗ đứng của những nhà khoa bảng xuất thân từ Pháp, với tỷ số 50%, quả nhiên là nền văn-hóa Pháp còn ảnh hưởng rất lớn lao trong sinh hoạt chính-trị tại V.N. vào thời đó. Chúng ta còn thấy ảnh hưởng ấy còn mạnh mẽ hơn khi phân-tích 50% còn lại là những nhân vật được giáo-duc tuy ở Việt-Nam, nhưng theo chương-trình Pháp tại các trường học của người Pháp, hay những trường Việt trong đó dạy chương trình giống như chương trình Pháp.

(20) Jerry M. Silverman, "Political Elites in South Vietnam : A national and Provincial Comparison", Asian Survey, (April 1970) Vol. X, No 4, p. 294.

(21) Harold D. Lasswell et al., Op. cit., p. 455

(22) Jerry M. Silverman, Op. cit., p. 294.

Như vậy, có thể nói toàn thể nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ được đào tạo do nền giáo-dục của Pháp. Riêng Đại-Học Hà Nội với 33% so với toàn thể nội các (phụ bảng 9).

Tôn giáo :

Chúng ta chỉ có rất ít dữ kiện về tôn giáo của toàn thể nhân-viên nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ. Trong 15 nhân-vật, ta chỉ ghi nhận được có 5 người. Những người còn lại không biết thuộc tôn-giáo nào. Nhưng riêng 4 vị thuộc Phật-giáo, 1 vị công giáo. Nghĩa là toàn thể những dữ kiện có giá-trị cho ta kết luận 80% nội các là Phật-giáo. Nhưng đó chỉ là về mặt lý thuyết, trên thực tế dữ kiện có giá trị không đủ đại diện cho toàn thể nội các, chúng ta chỉ chấp nhận kết quả này một cách dè dặt (bảng 4).

Nghề-nghiệp :

Về nghề-nghiệp các nhân-vật nội các, chúng tôi chia ra 4 loại nghề-nghiệp :

- Giới viên chức chính-phủ
- Giới chuyên-nghiệp và nghề tự do
- Giới doanh nhân
- Giới nông gia

Giới viên chức Chính-phủ gồm quân nhân và công-chức. Giới chuyên nghiệp và nghề tự do gồm những người dùng kiến thức chuyên môn để sinh sống, như kỹ-s ư, bác-sĩ, luật sư ... Giới doanh nhân gồm các công thương kỹ-nghệ gia và ngân hàng. Sau cùng là giới nông dân.

Có nhiều tác giả khi phân tích những nội các Việt Nam Công-Hoà, đã phân chia theo những loại nghề nghiệp khác hẳn lối phân chia trên đây. Nhưng đó là vấn đề sẽ bàn đến sau, ở phần Thứ Hai.

Các nhân vật tham gia nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ, đồng nhất thuộc giới viên chức Chính-Phủ bao gồm công chức và

quân nhân với tỷ-số 53%. Đó là điều dễ hiểu. Có sự hiện diện của quân nhân vì chính quân nhân đã trực tiếp hạ bệ chế độ Ngô-Đình-Diệm. Trong nội các Ngô-Đình-Diệm không có nhân vật quân sự nào. Sự hiện diện khá đông đảo của thành phần công chức trong Chánh-Phủ Nguyễn-Ngọc-Thơ được chính Tướng Dương-Văn-Minh Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng, trong diễn văn ngày 6.11.1963 đã giải thích đây là một chính phủ có tính cách hành-chánh, được thành lập nhằm điều hành guồng máy hành chánh nhà nước.

Ngoài ra, phải kể đến giới chuyên nghiệp và nghề tự do với tỷ-số 40% trong thành phần nội các gồm 3 Kỹ-sư, 1 luật sư, 1 bác-sĩ, 1 giáo-sư, và không có kỹ gia nào trong nội các này.

Giới doanh nhân chỉ chiếm tỷ-số 6,60%.

Giới nông dân, cũng như trong nội các Ngô-Đình-Diệm không có mặt trong nội các này (bảng 8).

II. NỘI-CÁC NGUYỄN-KHÁNH :

Nội các Nguyễn-Khánh được thành lập do Sắc-Lệnh số 99-TTP ngày 8.2.1964 và bổ túc bởi sắc-lệnh số 163-TTP ngày 4.4.1964 và Sắc-Lệnh số 185-TTP ngày 6.5.1964

Sau khi kết án là có khuynh hướng trung lập và lật đổ những tướng lãnh đã tham gia trực tiếp Cuộc Cách-Mạng 1963, ngày 30.1.1964, ba tướng Nguyễn-Khánh, Trần-Thiên-Khiêm và Nguyễn-Văn-Thiệu làm một cuộc "chính lý", sau đó ngày 8.2.1964 Tướng Khánh đứng ra thành lập nội các. Trên chính trường miền Nam, Trung-Tướng Trần-Thiên-Khiêm và Thiếu-Tướng Nguyễn-Văn-Thiệu lần đầu tiên xuất hiện trong hàng ghế tổng bộ thứ trưởng trong nội các của Tướng Nguyễn-Khánh.

Nội các Nguyễn-Khánh có hai nhân-vật đã từng làm Tổng-Trưởng thời Bao-Đại, và 4 nhân vật đã xuất hiện trong nội các trước của Ông Nguyễn-Ngọc-Thơ (23).

Tuổi tác :

Người trẻ nhất trong nội các Nguyễn-Khánh mới có 30 tuổi đó là Ông Trần-Quang-Thuận, một nhân vật Phật-Giáo. Người già nhất đã 66 tuổi đó là Bác-sĩ Lê-Văn-Hoạch, một nhân vật Cao đài, nguyên là Thủ-Tướng Chính-Phủ Nam Kỳ năm 1947. Sự cách biệt tuổi tác giữa vị già nhất và trẻ nhất là 36 tuổi. So với nội-các Nguyễn-Ngọc-Thơ sự cách biệt này chỉ là 23 năm. Sự cách biệt tương đối ít giữa những nhân vật trong nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ chứng tỏ giữa họ trước đó có thể đã có những cuộc trao đổi bằng hữu hoặc cùng chứng tỏ được sự dễ dàng đồng nhất quan điểm sau đó trong hội đồng nội các.

Trong khi đó, nội các Nguyễn-Khánh sự chênh lệch tuổi tác tới 36 năm, nghĩa là cách nhiều thế hệ, rất khó có sự cảm thông. Tuy vậy, sự cách biệt này chứng tỏ sự lựa chọn thành phần nội các của tướng Khánh không dựa trên mối tương quan bằng hữu như Ông Thơ khi lập nội các của Ông, mà tướng Khánh dựa trên những căn bản khác quan trọng hơn. Căn bản ấy là ý đồ muốn phối hợp quân nhân và đảng phái để lãnh đạo quốc gia.

Cũng tương tự như vậy, trong chính phủ CMLT của VC, được thành lập để tăng cường uy tín cho Công-sản trong cuộc hội-nghị Ba Lê, và chính-phủ của VC cũng có sự cách biệt rộng lớn giữa người già và trẻ là 43 năm. Người trẻ nhất mới 30

(23) Trung-Tướng Nguyễn-Khánh (Thủ-Tướng) Bộ Nguyễn-Tôn-Hoàn (Phó TT Đặc trách binh định) Nguyễn-Xuân-Oanh (Phó TT Đặc trách KT/TC) Thiếu-Tướng Đỗ Mậu (Phó TT Đặc trách VHXH), BS Lê-Văn-Hoạch (QVK) BS Phan-Huy Quạt (Ngoại giao), Hạ-Thục-Kỳ (Nội Vụ) Trần Ngọc-Oanh (Công-Chánh) Bùi-Trung-Huyền (GD) Trg-Trung Trạc-Thiện-Khiêm (QP) Ng. Công-Hầu (Cải Tiến Nông-Thôn) BS Vương-Quang-Trương (Y-Tê) Đam Sĩ-Hiếu (Lao Động) Phạm-Thái (Thông-Tin) Âu-Trương-Thanh (Kinh-Tê) Trần Quy Thập (TC) Nguyễn Văn Mậu (Tư Pháp) Trạc-Quang-Thuận (Xã-Hội) Thiếu-Tướng Ng. Văn Thiệu (Thư Trường QP) Đại-Tá Trần-Ngọc-Huyền (Thư-Trường, Thông-Tin) và Nghiêm-Xuân-Hồng (Bộ-Trưởng Phụ Thủ-Trương kiêm Tổng-Trường Chiêu-Hối).

tuổi là HỒ-Văn-Một, Thứ-Trưởng Giáo-Dục và Thanh-Niên, Cựu Sinh-Viên Đại-Học Sư-Phạm Saigon. Người già nhất là Nguyễn-Đoá, Phó Chủ-Tịch, 73 tuổi. Sự xuất hiện của người quá già và quá trẻ trong chính-phủ VC không phải ngẫu nhiên, người quá trẻ sẽ nhiều hy vọng được giới trẻ biết đến và chú ý đến, người quá già sẽ quen thuộc với tầng lớp cao niên trong xã-hội. Tuy vậy già thuyết về tuổi tác như trên cũng chỉ là 1 lối suy đoán, không dám coi là hoàn toàn có giá trị.

Trong nội các Nguyễn-Khánh, tuy sự cách biệt khá lớn giữa người già và người trẻ, tuổi trung bình cũng chỉ 45, trẻ bằng nội-các Nguyễn-Ngọc-Thơ và trẻ hơn nội các Ngô-Đình-Diệm (Bảng 2).

Về thang tuổi, bậc tuổi 30 trở xuống chiếm 7%, bậc 31-40 chiếm 35%, bậc 41-50 chiếm 28%, bậc 51-60 chiếm 21%, bậc trên 60 tuổi cũng ít như bậc dưới 30 tuổi nghĩa là 7%. Ta thấy trọng lượng của nội các Nguyễn-Khánh đã chạy về lớp tuổi 31-40, đứng đầu với tỷ số 35%, hạng nhì là lớp 41-50 chiếm 28%. So với nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ, nếu tính theo thang tuổi thì nội các Nguyễn-Khánh trẻ hơn, chỉ nói riêng đến tuổi trung bình để nói một nội các này già hay trẻ hơn nội các kia thì sẽ thiếu chính xác. Trong khi nội các Thơ và nội các Khánh đều có tuổi trung bình là 45 tuổi, thì nội các Khánh có tới 35% thuộc lớp tuổi 31-40, là tỷ-số lớn nhất so với những lớp tuổi khác, và ở lớp tuổi này nội các Thơ chỉ có 33%.

Địa phương :

Trong nội các Nguyễn-Khánh, người Nam vẫn đông nhất, tuy không quá trội yếu như trong nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ, kể đó đến người Trung và thành phần người Bắc ít nhất. Chúng ta tính được là người Nam 47%, người Trung 32%, và người Bắc 21%. Mặc dù tỷ số người Nam vẫn đông đảo nhất, tuy vậy nội các Nguyễn-Khánh vẫn được coi là một nội các không đặt nặng vấn đề địa phương. Dầu sao thì việc chủ trương liên hiệp giữa các đảng phái với quan đối của chính-phủ Nguyễn-Khánh cũng giúp cho chính-phủ này phản ánh được phần nào những gì có tầm vóc quốc-gia hơn là địa phương, như chính-phủ Nguyễn-Ngọc-Thơ (Bảng 3).

Tôn giáo :

Cũng như nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ về nội các Nguyễn-Khánh ta cũng chỉ thu lượm được rất ít tin tức liên quan đến tôn giáo của những nhân vật nội các : 10 người trong số 21 người. Số người còn lại được coi là thiếu dữ kiện. Trong 10 vi, ta thấy 7 vi Phật-giáo, 2 vi công giáo và 1 vi Cao Đài. Tính ra tỷ số bách-phân, 70% Phật-Giáo, 20% công-giáo và 10% Cao-Đài. Vì thiếu sót dữ kiện, những con số này không hoàn toàn đáng tin cậy, trái lại nó chỉ mô tả khái quát về thành phần tôn-giáo trong nội các Nguyễn-Khánh. Đại để, Phật-Giáo vẫn chiếm đa số, tuy không đến nổi đa số tuyệt đối như trong nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ. Nếu sau Cách-Mạng 63, địa vị trội yếu của người miền Nam được ghi nhận trong hầu hết những nội các, thì song song với việc ấy, Phật-Giáo cũng luôn luôn chiếm tỷ số cao nhất trong tất cả những nội các, ngay cả trong những nội các vào lúc đương thời đã đương đầu mạnh mẽ với Phật Giáo (Bảng 4).

Trình-độ văn hoá :

Nội các Nguyễn-Khánh không có vi nào có học lực trung-học so với 20% có sức học như vậy trong nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ. Tất cả đều tốt nghiệp bậc Đại-học và các trường Võ-Bi. Số người tốt nghiệp đại học ở đây nhiều hơn số người tốt nghiệp đại học trong nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ. Giới tốt nghiệp các trường võ bị cũng gia tăng so với nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ. Số người tốt nghiệp đại-học chiếm 73,5%, số người tốt nghiệp các trường Võ-bi là 26,5%. Trong số những người có trình độ học thức tốt nghiệp đại-học này, ngoài 4 bác sĩ ta thấy có 4 vi có bằng cấp Tiến-Sĩ, 2 vi tốt nghiệp ở Pháp là 2 ông Âu-Trường-Thanh và Bùi-Tường-Huân, 2 vi ở Mỹ là Ông Nguyễn-Xuân-Oánh và Trần-Quý-Thân. Ngoài ra có một người tốt nghiệp ở Anh là Ông Trần-Quang-Thuận, tất cả đều là những giáo chức dạy tại các đại-học trong hay ngoài nước (Bảng 5).

Trong 21 nhân vật nội các Nguyễn-Khánh, một nửa được giáo-dục tại Việt-Nam. Trong số này phần đông tốt nghiệp Đại-Học Hà-Nội trước năm 1954, như các ông Hà-Thúc-Kỷ, Phan-Huy-Quát, Đàm-Sĩ-Hiến... Ngoài ra, 32% trong tổng số 21 vi, có bằng cấp đại học ở Pháp, 12% có bằng cấp Đại-học ở Hoa-Kỳ

và 6% có bằng cấp tại các nước Âu Mỹ khác, ở đây là nước Anh (bảng 6 và phụ bản 9).

Nền giáo-dục bản xứ chịu ảnh hưởng Pháp chiếm nhiều ảnh hưởng nhất. Sau đó là nền giáo-dục tại chính nước Pháp. Ảnh hưởng văn hoá Mỹ trong nội các Nguyễn-Khánh vẫn thua xa so với ảnh hưởng văn-hoá Pháp. Tuy nhiên, so với nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ không có nhà khoa bảng Mỹ nào trong nội các của Ông Thơ, thì nội các Nguyễn-Khánh là nội các đầu tiên sau Cách-Mạng có sự xuất hiện của những nhà trí thức thuộc tầng lớp ưu tú mới được huấn luyện tại Hoa-Kỳ.

Nghề-nghiệp :

Trong nội các Nguyễn-Khánh, giới chuyên nghiệp và nghề tự do chiếm tỷ số đông đảo nhất, với 44%. Tuy vậy, vẫn không có nhân vật nào xuất thân là kỹ giả, trong nội các này, giới Bác-sĩ đông nhất với 4 vị, trong khi đó, có 1 luật-sư, 1 kỹ-sư và 2 giáo sư.

Sau đó phải kể đến giới viên chức chính phủ với 38,88% trong nội các này. Có 5 vị là quân nhân và 2 vị là công chức.

Giới doanh nhân chiếm 16,66% trong khi giới nông dân vẫn xa lạ với nội các này.

So với nội các trước, trong nội các này giới chuyên nghiệp và nghề tự do đã gia tăng, trong khi giới viên chức chính-phủ giảm sút rõ rệt (Bảng 8).

III-NỘI CÁC TRẦN-VĂN-HƯƠNG I.

Chúng tôi gọi là nội các Trần-Văn-Hương I để phân biệt với nội các Trần-Văn-Hương II. Ông Trần-Văn-Hương đã hai lần làm thủ tướng, trong số 8 vị Thủ-Tướng của Việt-Nam Cộng-Hoa kể từ sau Cách-Mạng 1963 đến nay.

Nội các Trần-Văn-Hương I được thành lập do Sắc-Lệnh số 006 -QT/SL ngày 4.11.64 và được bổ-túc và sửa đổi thành-

phần tham chánh, do Sắc lệnh số 009/QT/SL ngày 18.I.1965 (24).

Trong nội các Trần-Văn-Hương I, kể từ khi thành lập, qua một lần cải tổ, ta thấy có tất cả 21 vị đã tham gia chính-phủ này. Có 2 vị trong nội các này từng tham gia nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ, 2 vị khác đã tham gia nội các Nguyễn Khánh. Tất cả là 4 vị đã tham gia nội các trước. Đó là các Ông Phạm-Đặng-Lâm, Lưu-Văn-Tĩnh trong nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ và các Ông Đàm-Sĩ-Hiến và Nguyễn-Xuân-Oanh trong nội các Nguyễn-Khánh. Cuộc cải tổ ngày 18.I.65 đã đưa 4 tướng lãnh vào nội các : Tướng Nguyễn-Văn-Thiếu, Trần-Văn-Minh, Linh-Quang-Viên và Nguyễn-Cao-Kỳ.

Tuổi tác :

Nội các Trần-Văn-Hương I không có ai dưới 30 tuổi, trẻ nhất cũng là 35 tuổi đó là các Ông Nguyễn-Hữu-Hùng, Nguyễn Văn-Trường và Thiếu-Tướng Nguyễn-Cao-Kỳ, già nhất là Thủ-Tướng Hương 62 tuổi. Sự cách biệt tuổi tác giữa già và trẻ nhất ở đây là 30 tuổi. Tuổi trung bình của nội các là 45. Về phương diện tuổi trung bình thì, nội các này cũng trẻ như hai nội các trước (bảng 2.)

(24) Ông Trần-Văn-Hương được bổ nhiệm làm Thủ-Tướng Chính-Phủ VNQH thay thế Đại-Tướng Nguyễn-Khánh do sắc lệnh số 005-QT/SL ngày 31.IO.1964, do Quốc-Trưởng Phan-Khắc-Sau ký tên. Thành phần nội các Trần-Văn-Hương I theo Sắc Lệnh 006-QT/SL ngày 4-11-1964 gồm có : Ô.Ô. Trần-Văn-Hương (Thủ-Tướng), BS Nguyễn-Lưu-Viên (Pho TT kiêm Bộ NV), Nguyễn Xuân Oanh (Pho Thủ-Tướng kiêm Thống Đốc Ngân-Hàng), Phạm-Đặng-Lâm (NG), Lưu-Văn-Vi (Tu-Pháp), Lê-Văn-Tuân (Thông-Tin) Nguyễn-Duy-Xuân (Kinh-Tế), Lưu-Văn-Tĩnh (Tai-Chánh) Ngô Ngọc Đồi, (Cải-Tiên Nông-Thôn) Lê-Sĩ-Ngọc (Công-Chánh) Phan-Tân-Chức (Văn-Hoà Giáo-Dục) BS Trần-Quang-Điệu (Y-Tê) Đàm-Sĩ-Hiến (Xa-Hội), Nguyễn-Hữu-Hùng (Lao-Động) Phạm-Văn-Toan (Bộ Phụ Thủ-Tướng)

Nội các Trần-Văn-Hương I cải tổ do Sắc lệnh số 9 -QT/SL ngày 18.I.1965 như sau : Ô.Ô. Trần-Văn-Hương (TT) BS Nguyễn-Lưu-Viên (Pho TT kiêm NV) Trung-Tướng Nguyễn-Văn-Thiếu (Pho TT), Nguyễn-Xuân-Oanh (Pho TT) Trung-Tướng Trần-Văn-Minh (Quản-Lực) Phạm-Đặng-Lâm (NG) Lưu-Văn-Vi (Tu-pháp) Thiếu-Tướng Linh-Quang-Viên (Bộ Tâm-Lý-Chiến) Nguyễn-Duy-Xuân (Bộ Kinh-Tế) Huỳnh-Văn-Đạo (Bộ Tai-Chánh) Ngô-Ngọc-Đồi (Cải-Tiên Nông-Thôn) Lê-Sĩ-Ngọc (Giáo-Thống Công-Chánh) Nguyễn-Văn-Trường (VHGD) BS Trần-Quang-Điệu (Y-Tê) Đàm-Sĩ-Hiến (Xa-Hội) Nguyễn-Hữu-Hùng (Lao-Động) Thiếu-Tướng Nguyễn-Cao-Kỳ (Bộ Thanh-Niên và Thể-Thao), Phạm-Văn-Toan (Tổng-Trưởng Phụ Thủ-Tướng).

Nhưng nếu so về thang tuổi, thì lớp tuổi 41-50 lại chiếm nhiều nhất, tới 55% của toàn thể nội các khiến cho nội các Trần-Văn-Hương I già hơn cả hai nội các trước so với nội các Nguyễn-Khánh có 28% và nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ có 47% ở lớp tuổi này. Lớp tuổi còn lại, lần lượt theo tỷ số là 25% ở lớp tuổi 31-40, 20% ở lớp tuổi 51-60 và 5% ở lớp tuổi trên 60.

Về lớp tuổi 51-60 cả ba nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ, Nguyễn-Khánh và Trần-Văn-Hương I đều có tỷ số bằng nhau với khoảng trên dưới 20%. Với tỷ số khiêm tốn như vậy của lớp tuổi này, kể ra cũng chưa phải là tuổi già, chứng tỏ lớp tuổi hoạt-động của người Việt-Nam khác rất xa với lớp tuổi hoạt-động của Âu-Châu.

Địa-phương :

Về địa phương, người miền Nam vẫn chiếm một tỷ số cao nhất trong nội các Trần-Văn-Hương I, như hai nội các trước, lớn hơn nội các Khánh nhưng vẫn thua xa nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ. Ta ghi nhận : 56% Nam, 29% Bắc, 15% Trung. Trong hai nội các trước, tỷ số người Bắc luôn luôn ít hơn người Trung và dĩ nhiên ít hơn người Nam. Nhưng dưới thời nội các Trần-Văn-Hương I, người Bắc đã xuất hiện nhiều hơn, gần gấp đôi người Trung (Bảng 3).

Tôn Giáo :

Cũng như hai nội các trước, dữ kiện về tôn giáo trong nội các Trần-Văn-Hương I rất thiếu sót. Sự thiếu sót này có lẽ do sự cố ý không cung cấp đầy đủ của những nhân vật tham chánh, mỗi khi những cơ quan thông tấn trong và ngoài nước, cả công lẫn tư, làm những cuộc phỏng vấn hay sưu tầm để công bố trước dân chúng. Suốt từ năm 1963 đến nay, nội các nào cũng vậy, trong khi những dữ kiện khác như văn hoá, thành tích nghề nghiệp, tuổi tác được cung cấp đầy đủ thì dữ kiện về tôn-giáo luôn luôn thiếu đến phân nửa trong tổng số nhân vật tham chánh trong mỗi nội các.

Trong nội các Trần-Văn-Hương I, có 21 vị tham gia, ta chỉ ghi nhận được tôn giáo của 8 vị. Trong những vị này,

chỉ thấy ghi hai tôn giáo lớn ở Việt-Nam, là Phật-Giáo với 87,5% và Công-Giáo 12,5%. Không có nhân vật Cao Đài và Hoà Hảo nào.

Chính-phủ Trần-Văn-Hương I chủ-trương tách rời chính-trị và tôn-giáo để tránh những hậu quả bị các tôn-giáo chi phối và khuyến khích như thời Thủ-Tướng Nguyễn-Khánh. Nhưng chủ-trương này cũng không thành công, như ta sẽ có dịp phân tích sau.

Tóm lại, dù trong chính-phủ Trần-Văn-Hương I không có nhân-vật nào được coi là đại diện của tôn-giáo xuất hiện, thì tỷ số Phật-Giáo cũng vẫn trội yếu như thời nội các Nguyễn Ngọc-Thơ và Nguyễn-Khánh (Bảng 4).

Trình độ văn-hoá :

Phần lớn các nhân vật trong nội các Trần-Văn-Hương I đều tốt nghiệp đại-học, với tỷ số rất lớn là 72%, xấp xỉ như hai nội các trước chỉ có 9% là có trình độ văn hoá bậc Trung-Học. Trước cuộc cải tổ ngày 18.1.1965, nội các này không có một nhân vật quân sự nào. Sau cuộc cải tổ với sự tham gia của 4 tướng lãnh khiến cho tỷ số những nhân vật tham chánh tốt nghiệp các trường Võ-bi là 19%. Tỷ số này thấp hơn thời nội các Nguyễn-Khánh (Bảng 5).

Trong thành phần những nhân vật tham chánh có trình độ văn hoá tốt nghiệp đại học, người ta thấy có 4 vị có bằng cấp Tiến-Sĩ và là giáo sư đại học đó là các Ông Nguyễn-Duy-Xuân, Phan-Tấn-Chức và Nguyễn-Xuân-Cánh, với tỷ số là 15% so với toàn thể nội các. Các nhân vật có bằng cấp tiến-sĩ các loại có 6 vị tức là 30% trong nội các, và 6 vị có bằng cấp cử nhân hay cao học hoặc tương đương. Số còn lại là có văn bằng trung-học hay tú-tại, và giới võ-bi.

Về nơi được giáo dục để lấy bằng cấp cao nhất, ta thấy có 57% được giáo-dục ở tại Việt-Nam, 33% tại Pháp và 10% tại Hoa-Kỳ, không có ai được huấn luyện ở một nước khác ngoài Pháp và Mỹ.

Người ta thấy trong số những vị được huấn luyện ở Việt-Nam có 7 vị hay là 35% được đào tạo tại Đại-Học Hà-Nội kể cả vị Thủ-Tướng.

Cũng như hai nội các trước, văn hoá và giáo-dục của người Pháp hay ảnh hưởng Pháp vẫn chiếm phần trội yếu trong chính-phủ Trần-Văn-Hương I (Bảng 6).

Nghề-nghiệp :

Trong nội các Trần-Văn-Hương I, giới nghề nghiệp có mặt đông đảo nhất là giới quân công, có 4 quân nhân và 6 công chức, chiếm tỷ số 52,02% so với toàn thể nội các. Giới chuyên nghiệp đứng hạng sau đó, với tỷ số 42,08% gồm 1 kỹ-sư, 3 luật-sư, 2 bác sĩ, 2 giáo sư, trong khi đó không có nhân vật nào xuất thân là kỹ gia.

Giới doanh thương ít ỏi với tỷ số 5,26% trong nội các. Cũng như những nội các trước, không có vị nào trong nội các này gốc nông dân.

Ta thấy giới quân công chiếm đa số trong nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ, sau đó giảm sút hẳn trong nội các Nguyễn-Khánh, rồi lại chiếm đa số trong nội các Trần-Văn-Hương I. Giới chuyên-nghiệp và nghề tự do có khuynh hướng ngày càng gia tăng kể từ nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ với 40%, nội các Nguyễn-Khánh với 44,44% và nội các Trần-Văn-Hương I với 42,08%.

Giới doanh thương trong nội các này, cũng như trong hai nội các trước, chiếm hạng thứ ba sau hai giới quân công và giới chuyên nghiệp và nghề tự do (Bảng 8).

IV.- NỘI CÁC PHAN-HUY-QUẠT :

Nội các Phan-Huy-Quạt được thành lập do Sắc-Lệnh số 040-QT/SL ngày 16.2.1965 của Quốc-Trưởng Phan-Khắc-Suu(25)

(25) Thành phần nội các Phan-Huy-Quạt : Ô. BS Phan-Huy-Quạt (Thư-Tướng) Trg-Trưởng Ng. Văn-Thiệu (Phó TT kiêm Bộ Quân-Lực) BS Trần-Văn-Đo (Phó TT kiêm NG) LS Trần-Văn-Tuyên (Phó TT Đắc-trách Kế-Hoạch) BS Lê-Văn-Hoạch (GVK) BS Nguyễn-Tiên-Hy (GVK Kiêm Bộ GD) Nguyễn-Họa-Hiệp (NV) Lê-Văn-Vi (TP) Thiệu-Tương Linh-Quang-Viên (Thông-Tin Tâm Ly-Chiến) Trần-Văn-Ấn (Chiêu-Hối) Nguyễn-Văn-Vinh (KT) Trần-Văn-Kiên (TC) Ngô-Trọng-Anh (Giáo Thông Công-Chanh) Trần Quang-Thuận (XH) BS Nguyễn-Tăng-Nguyên (Y-Tế) Nguyễn-Văn-Hương (Lao-Động) BS Nguyễn-Tận-Hồng (Thanh Niên) Bùi-Diệm (Bộ-Trưởng Phụ TT) Nguyễn-Văn-Trung (Thư-Trưởng NV) Bùi-Hưu-Tuân (Thư-Trưởng Giáo Thông Công-Chanh).

Bác-sĩ Phan-Huy-Quát là một nhân vật thân Đảng Đại Việt và đã từng tham chánh nhiều lần. Đã có lần làm Tổng-trưởng Quốc-Phòng trong nội các của Ông Bửu-Lộc thời Bảo-Đại. Sự chỉ định Bác-sĩ Phan-Huy-Quát thành lập nội các đã đánh dấu cao độ các ý chí của giới lãnh đạo quân sự quyết tâm kết hợp chặt chẽ với trí thức, chính đảng và tôn-giáo trong việc lãnh đạo và điều hành guồng máy chính quyền kể từ sau cuộc chính lý ngày 30.1.1964.

Bác-sĩ Quát cũng từng là thành phần của nhóm đối lập thời Đế I Cộng-Hoa, đã họp tại khách-sạn Caravelle tháng 4/1960 để cùng thảo luận cáo gọi Ông Diệm đòi cải tổ và mở rộng chính quyền.

Khi nhận chức Thủ-Tướng, Bác-sĩ Phan-Huy-Quát tuyên bố "mục đích chính của Ông là tạo sự thống nhất giữa tất cả những tôn giáo" ở Nam Việt-Nam. Mặc dù với chủ-trương ấy, yếu tố nghề nghiệp có lẽ cũng đã chi phối Bác-sĩ Quát rất nhiều trong vấn đề thành lập nội các. Nội các Phan-Huy-Quát có tới 6 Ông Bác-sĩ tham chánh. Thật là một kỳ nguyện của các Ông Bác-sĩ, khiến tác giả Fishel đã phải gọi chính phủ Phan-Huy-Quát là "nội các Bác-sĩ" (26).

Trong nội các Phan-Huy-Quát không có vị nào trước kia đã từng tham gia nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ. Có lẽ vì nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ chỉ gồm toàn những nhân vật hành chánh và chuyên viên, giữ vai trò của một chính-phủ có tính chất hành chánh nhiều hơn là chính trị, do đó, từ căn bản, hai chính phủ này không thể nào giống nhau được. Trái lại có 2 vị đã tham gia nội các Trần-Văn-Hương I đó là Tướng Nguyễn-Văn-Thiếu và Ông Lữ-Văn-Vi, 2 vị đã tham gia nội các Nguyễn-Khánh là Ông Trần-Quang-Thuận và Bác-sĩ Lê-Văn-Hoạch. Ngoài ra, không kể Bác-sĩ Quát đã từng là Tổng-Trưởng thời Bảo-Đại còn có Ông Trần-Văn-Ấn, một nhân vật Cao Đài đã từng làm Tổng-Trưởng Thông-Tin trong Chính-Phủ Lâm Thời Nam Kỳ năm 1947 do Bác-sĩ Lê-Văn-Hoạch làm Thủ-Tướng.

(26) Wesley R. Fishel, "Viet Nam : The Broadening War" Asian Survey, tháng Giêng 1966, Vol. VI, Số 1, trang 51.

Tuổi tác :

Nội các Phan-Huy-Quát có tuổi trung bình là 49 tuổi, như vậy là già hơn tất cả những nội các trước kể từ sau Cách-Mạng 63 với tuổi trung bình đều bằng nhau, 45 tuổi.

Nhân vật trẻ tuổi nhất trong nội các Phan-Huy-Quát mới 31 tuổi, cũng vẫn là người trẻ tuổi nhất trong nội các Nguyễn-Khánh một năm trước : Ông Trần-Quang-Thuận.

Người già nhất vẫn là Bác-sĩ Lê-Văn-Hoạch như thời nội các Nguyễn-Khánh. Lúc này, Bác-sĩ Hoạch đã 67 tuổi. Dĩ nhiên sự cách biệt giữa tuổi già nhất và trẻ nhất vẫn là 36 tuổi. Sự xuất hiện của hai nhân vật già nhất và trẻ nhất này ở trong hai nội các Nguyễn-Khánh và nội các Phan-Huy-Quát khiến người ta phải lưu ý. Một người là nhân vật Phật-Giáo: Ông Trần-Quang-Thuận, và một người là nhân-vật Cao-Đại : Bác sĩ Lê-Văn-Hoạch. Ta thấy ngay chỗ tương đồng giữa hai chính-phủ Khánh và Chính-Phủ Quát, đó là những chính phủ có căn bản chính-trị giống nhau, căn bản ấy là sự liên hiệp rộng rãi giữa các phe phái, chính đảng và tôn giáo. Đó là lý do mà Giáo-sư Fishel đã mô tả một cách rất chính xác khi Ông nói nội các Phan-Huy-Quát là một chính phủ dân sự lâm thời (27)

Tất nhiên trách nhiệm của chính phủ Quát là do quân đội, hay đúng hơn giới lãnh đạo quân-đội trao phó. Người ta thấy rõ là quyền lãnh đạo tối cao vẫn nằm bên ngoài và bên trên nội các, hơn nữa trên cả Quốc-Trưởng Phan-Khắc-Suu, nghĩa là trong tay các tướng lãnh.

Về thang tuổi, lớp tuổi 31-40 có 30%, lớp tuổi 41-50 chiếm 25%, lớp tuổi 51-60 chiếm 25%, và lớp tuổi 61-70 chiếm 20%, ta thấy không lớp tuổi nào trội yếu hơn hẳn lớp tuổi nào, một cách rõ rệt. Tuy vậy, ta ghi nhận lớp tuổi 61-70, ở thời nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ không có ai, thời nội các Nguyễn-Khánh và Trần-Văn-Hương I có vài người, thì trải lại, dưới thời nội các Phan-Huy-Quát lớp tuổi già trội yếu hơn hẳn những nội các trước (Bảng 2).

(27) Wesley R. Fishel, Op.cit. p. 51.

Địa-phương :

Trái với tất cả những nơi các trước kể từ sau Cách-Mạng 63 với tỷ số luôn luôn lớn nhất của các nhân vật miền Nam, thì trong nơi các Phan-Huy-Quát, thành phần đông đảo nhất là các nhân vật Bắc với tỷ số 48%, sau đó là Nam với 33%, cuối cùng là Trung với 19% (Bảng 3).

Ông Phan-Huy-Quát gốc người Hà-Hĩnh, tức là người Trung, trái với một thông lệ của các vị Thủ-Tướng Việt-Nam là thường ưu ái với địa phương của mình hơn các địa phương khác trong khi tuyển chọn để mời các nhân vật vào nơi các của mình. Người miền Trung, quê hương của Ông Quát lại chiếm tỷ lệ nhỏ nhất, so với hai miền kia. Người ta có thể giải thích là sở dĩ Bắc-sĩ Quát thích lựa chọn người Bắc vào nơi các của Ông hơn, chính vì Ông được sinh sống và giáo dục tại Hà-Nội, do đó các sinh hoạt trong quá khứ của Ông từ học đường đến khi ra đời, quanh quẩn toàn với những nhân vật miền Bắc. Trong 6 vị Bắc-sĩ trong nơi các của Ông, thì có đến 4 vị là người Bắc. Và trong 4 vị có 3 vị là đã học cùng trường Thuộc Hà-Nội với Bắc-sĩ Quát tuy có cách biệt đôi chút về tuổi tác. Cũng vậy, ta có thể lý luận như trên với trường hợp Ông Trần-Văn-Hương. Nơi các Trần-Văn-Hương I đã nâng tỷ số các nhân vật tham chánh người Bắc lần đầu tiên lên cao so với người Trung, chính vì mối tương quan giữa nơi giáo dục của vị thủ-tướng và nhân viên nơi các đã ảnh hưởng đến việc thành lập nơi các. Ông Trần-Văn-Hương cũng được giáo-dục tại Hà-Nội. Ông là Cựu sinh viên trường Cao-Đẳng Sư-Phạm ở Hà-Nội. Nếu sự giải thích của chúng ta là nơi được giáo-dục có ảnh hưởng tới việc thành lập nơi các của một vị thủ tướng, được coi là lời giải thích có giá trị, thì có thể kết luận là Ông Phan-Huy-Quát cũng như Ông Trần-Văn-Hương đã không đặt nặng vấn-đề ưu ái địa phương của mình mà quan tâm nhiều hơn đến những tiêu chuẩn khác, trong khi thành lập nơi các.

Tôn Giáo :

Thành phần Phật-Giáo trong nơi các Phan-Huy-Quát cũng giống như trong những nơi các trước, nghĩa là đông nhất 66,5%.

Kế đó là Cao-Đại với tỷ số 16,5%, Công-Giáo và Hoà Hảo mỗi tôn-giáo chiếm 8,5%.

Giáo-sư Hoàng-Xuân-Hào đã giải thích là sở dĩ có sự trội yếu của các nhân vật Phật-Giáo trong chính phủ Phan-Huy-Quát, vì chính-phủ muốn giữ mỗi giao hảo làm đẹp lòng Phật-Giáo (28). Chúng tôi rất đồng ý là chính-phủ Phan Huy-Quát chủ trương muốn giữ mỗi giao hảo tốt đẹp với Phật giáo. Nhưng nếu giải thích câu trường ấy bằng cách chúng mình là tổng số nhân vật Phật Giáo tham chánh đông đảo hơn những tôn giáo khác, thì làm sao có thể giải thích được chủ trương của chánh phủ Trần-Văn-Hương I cương quyết chống lại ảnh hưởng của Phật-Giáo vào Chính-Quyền trong khi, tỷ số nhân vật đạo Phật trong chính phủ này còn lớn hơn trong chính phủ Phan-Huy-Quát, tỷ số ấy 87,5%. Và lại, trong tất cả những nội các sau CM. 63 đến thời nội các Phan-Huy-Quát, Phật-giáo luôn luôn chiếm tỷ số cao nhất trong tất cả những nội các. Có lẽ, điểm quan trọng là phải phân biệt cho được, nhân vật nào tham chánh với tư cách là đại diện cho Phật-giáo, thì con số đó mới có thể tiêu biểu được cho chủ-trương giao hảo với Phật-Giáo của chính phủ, hơn là căn cứ vào những nhân vật tuy theo đạo Phật, nhưng không thực sự là đại diện của Giáo-Hội Phật-Giáo.

Tuy vậy, với sự hiện diện của 16,5% nhân vật Cao-Đại, 8,5% của Hoà-Hảo và 8,5% của Công-giáo cũng chứng tỏ được chủ-trương "tạo sự thống nhất giữa tất cả những tôn giáo" mà Thủ-Tướng Quát đã tuyên bố (bảng 4).

Trình độ văn-hoá :

Các nhân vật nội các Phan-Huy-Quát tới 83% là tốt nghiệp đại-học, 5,5% bậc trung học và 10,5% tốt nghiệp trường Võ bị. Trong các vị tốt nghiệp bậc Đại-Học có 10 vị thuộc loại có bằng cấp Tiến Sĩ các loại. Trong 10 vị này chỉ có 2 vị là giáo sư đại học, là Ông Trần-Quang-Thuận và Ông Nguyễn-Văn-Tường.

(28) Hoàng-Xuân-Hào, "Phật-Giáo và chính-trị tại Việt-Nam ngày nay" Luận-An tiến Sĩ Luật (Saigon : Viện Đại-Học Saigon, 1972) p.264.

Cũng như 3 nội các trước đó, thành phần tốt nghiệp đại học chiếm đa số tuyệt đối (Bảng 5).

Đặc biệt là trong nội các này, không có vị nào được huấn-luyện ở Mỹ. Trái lại, tại các nước Âu-Mỹ khác, không kể Mỹ và Pháp có 15%. Có 20% được huấn-luyện tại Pháp và đồng nhất với 65% được huấn luyện tại Việt-Nam. Trong những vị được huấn-luyện ở Việt-Nam, có 3 vị học ở Đại-Học Hà-Nội, chiếm tỷ số 38% so với toàn thể nội các. Thủ-Tướng Phan-Huy-Quát cũng là cựu sinh-viên Đại-Học Hà-Nội (Phụ Bản 9).

Nghề-nghiệp :

Trong nội các Phan-Huy-Quát đồng nhất là giới chuyên nghiệp và nghề tự do, chiếm 77,77% so với toàn thể nội các. Trong số này, có 3 kỹ-sư, 2 luật-sư, 3 giáo sư và 6 bác-sĩ. Riêng giới bác-sĩ đã chiếm 33,33% so với toàn thể nội các, đó là lý do khiến có tác giả gọi nội các này là "nội các Bác sĩ" như đã nói ở trên. Giới kỹ giả, cũng như những nội các trước, đã không có mặt trong nội các.

Sau giới chuyên nghiệp và nghề tự do phải kể đến giới quân công chiếm 16,66% với 2 tướng lãnh và 1 công chức trong nội các. Giới doanh thương chiếm 5,55%. Giới nông dân vẫn không có mặt trong nội các.

Nhận xét về nghề nghiệp của nhân vật nội các Phan Huy-Quát ta thấy, có vài điểm đáng lưu ý, thứ nhất là có quá nhiều Bác-sĩ tham chánh, thứ hai là giới quân công có mặt quá ít. Chỉ có một nhân vật quân sự trong nội các, đó là tướng Nguyễn-Văn-Thiệu. Điểm nhận xét nữa là tỷ số của giới chuyên nghiệp và nghề tự do đã gia tăng nhiều hơn so với những nội các trước.

Giới quân công hiện diện quá ít vì lý do nội các được mở rộng căn bản chính-trị, theo chủ-trương của Bác-sĩ Quát. Giới Bác-sĩ đóng đảo trong nội các, có lẽ vì liên hệ nghề nghiệp với vị Thủ-Tướng, đã là lý do để các vị Bác-sĩ trở nên đồng chí với Bác-sĩ Thủ-Tướng (Bảng 8).

V. - NỘI-CÁC NGUYỄN-CAO-KỶ :

Ông Nguyễn-Cao-Kỷ là Thủ-Tướng trẻ tuổi nhất của Việt-Nam kể từ trước đến nay. Ông làm Thủ-Tướng vào lúc 35 tuổi. Vị Thủ-Tướng trẻ tuổi nhất của nước Nhật kể từ năm 1887 cho đến nay, là Thủ-Tướng TANAKA, thành lập nội các hồi năm 1972, vào lúc ông 54 tuổi, còn hơn ông Nguyễn-Cao-Kỷ vào lúc ông Kỷ làm Thủ-Tướng là 19 tuổi.

Là Thiếu-Tướng Tư-Lệnh Không-quân Việt-Nam Cộng-Hòa, có chân trong Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia và là phát ngôn viên cho Ủy-Ban này, Thiếu-Tướng Kỷ cũng là vị Tướng trẻ nhất trong 9 vị tướng lãnh thuộc Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia trên.

Thuở thiếu thời Thiếu-Tướng Nguyễn-Cao-Kỷ là học-sinh trường Trung-Học Chu-Văn-An ở Hà-Nội, một trường nổi tiếng, và là hậu thân của Trường Bưởi.

Nội các Nguyễn-Cao-Kỷ được thành lập do Sắc-Lệnh số 001-a/CT/LĐQG/SL ngày 19.6.1965, được cải tổ lần thứ nhất do Sắc-Lệnh số 249-a/CT/LĐQG/SL ngày 13.7.1966, cải tổ lần thứ hai do Sắc-lệnh số 387-CT/LĐQG/SL ngày 19.11.1966, cải tổ lần thứ Ba do Sắc-lệnh số 028-CT/LĐQG/SL ngày 28.1.1967 và lần cải tổ sau cùng do Sắc-Lệnh số 103 - a/CT/LĐQG/SL ngày 16.3.1967 (29).

Kể từ ngày thành lập và sau 4 lần cải tổ, nội các Nguyễn-Cao-Kỷ gồm 41 nhân vật tham chánh.

Giải pháp chính phủ quân nhân, được mệnh danh là Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-Uông do Thiếu-Tướng Nguyễn-Cao-Kỷ lãnh đạo, ra đời để giải quyết cuộc khủng hoảng do những chính-phủ dân sự gây ra. Lúc trước, thời nội các Trần-Văn-Hương I phải từ chức trước sự chống đối của Phật-Giáo gây nên do chính sách tách chính trị khỏi tôn giáo của Ông Hương chủ-trương. Lần sau, thời nội các Phan-Huy-Quát, cuộc khủng

(29) Thành phần nội các Nguyễn-Cao-Kỷ do Sắc-Lệnh số 001-a/CT/LĐQG/SL ngày 19.6.65 : Thiếu-Tướng Nguyễn-Cao-Kỷ (Chủ-Tịch UBHP/TU), BS Trần-Văn-Đo (TUV/NS) LS. Lê-Văn-Vi (TUV/TP) Thiếu-Tướng Nguyễn-Hữu-Có (TUV/Chiến-Tranh kiêm UV/QP), Ky-Sĩ Trương-Thái-Tôn (TUV/KTTC kiêm UV/KT BS Trần-Ngọc-Ninh (TUV/VHGD kiêm UV/GD), Thẩm Phan Trần-Minh-Tiết (UV/NV)

hoảng gây nên do sự tranh chấp nội bộ giữa những đảng phái tham chính.

Những cuộc khủng hoảng nội các liên tiếp gây ra đã chẳng ảnh hưởng gì đến vai trò lãnh đạo tối cao cũng như địa vị của các tướng lĩnh quân đội, vốn đứng ở bên ngoài và ở bên trên chính-phủ, trong đó các chính khách dân sự chẳng qua chỉ giữ việc đảm trách một vai trò theo ý muốn của các nhà lãnh đạo quân sự. Tuy vậy, dư luận dân chúng bắt đầu chán nản những bất ổn do Chính-phủ dân sự gây nên. Hơn nữa, cuộc chiến tranh với Cộng-Sản càng ngày càng gia tăng. Đó là tất cả những lý do khiến Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia tín nhiệm Thiếu-Tướng Nguyễn-Cao-Kỳ trong việc thành lập tân nội các.

Trong nội các Nguyễn-Cao-Kỳ có 16 vị đã từng tham gia những chính-phủ trước.

Riêng đối với nội các Phan-Huy-Quát, có 9 vị ở lại với nội các Nguyễn-Cao-Kỳ, đó là các ông : Trần-Văn-Đỗ, Ngô-Trọng-Anh, Bùi-Diễm, Nguyễn-Tân-Hồng, Trần-Văn-Kiến, Nguyễn-Văn-Tương, Bùi-Hữu-Tuấn, Tướng Linh-Quang-Viên, và Ông Lữ-Văn-Vi. Ông Lữ-Văn-Vi trước nữa, thời nội các Trần-Văn-Hương I đã có mặt rồi. Cũng trong nội các Trần-Văn-Hương I, người ta còn thấy 3 vị nữa xuất hiện trong nội các Nguyễn-Cao-Kỳ là các Ông Nguyễn-Hữu-Hùng, Nguyễn-Văn-Trường và Nguyễn-Lưu-Viên.

Ngoài ra, còn có một vị đã từng tham gia hai nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ và Nguyễn-Khánh, đó là Ông Âu-Trường-Thanh và 1 vị thời Ngô-Đình-Diễm là Bác-sĩ Trần-Văn-Đỗ.

LS Đinh-Trình-Chính (UV/TLC), Nguyễn-Tết-Ting (UV/XDNT), BS Nguyễn-Tân-Hồng (UV/TN) GS Trần-Văn-Kiến (UV/TQ) KS. Lâm-Văn-Trí (UV/CN), KS Ngô-Trọng-Anh (UV/GTCC) BS Nguyễn-Ba-Kha (UV/Y-Té) LS Trần-Ngọc-Liên (UV/XH), Q. Nguyễn-Khuân-Phong (UV/LP) Ô. Nguyễn-Văn-Trong (Thư ury Nội Vụ), KS. Bùi-Hữu-Thâu (Thư ury GTCC)

- Sắc lệnh số 249-a/CT/LĐQG/SL ngày 13.7.1966 sửa đổi thành phần UBHPTT Thiếu-Tướng Ng. Cao-Kỳ (Chu-Tịch UBHPTT) KS Trương-Thái-Tôn, Ô. Lê-Phước-Sang Ô. Nguyễn-Khuân-Phong và LS Đinh-Trình-Chính (4UV/Phụ-Ta CT), Trung-Tướng Nguyễn-Hữu-Co (Pho CT/UBHPTT kiêm TUV/Chiến-Tranh kiêm UV/Quốc-Phong) KS Trương Văn Thuận (UV/GTVT), BS Nguyễn-Tân-Hồng (UV/CCB), KS Vo-Long-Triệu (UV/Thanh Niên) BS Ng. Lưu-Viên (Pho CT/UBHPTT kiêm TUV/

Tuổi tác :

Người trẻ tuổi nhất trong nội các của Tướng Kỳ là Ông Nguyễn-Xuân-Phong, lúc đó mới 29 tuổi. Ông Phong quê ở Bạc-Liêu, tốt nghiệp Trường Chính-trị Oxford hồi năm 1959, không biết với bằng cấp gì không thấy bằng tiêu sử ghi rõ. Ông Phong lần đầu tiên tham gia nội các của Tướng Kỳ với chức vụ Ủy-Viên Lao-Động. Từ trước tới bây giờ, nói rõ hơn từ sau Cách-Mạng 63 đến năm 1965, chưa có nhân vật nào tham chánh với số tuổi ấy. Người già nhất là Bác-sĩ Trần-Văn-Đỗ quê ở Phú-Lý tỉnh Hà-Nam, 62 tuổi, đã từng là trưởng phái đoàn phe Quốc-Gia Việt-Nam tham dự hội-nghị Genève về Đông-Dương năm 1954. Chính Ông Đỗ là người đã khóc tại bản Hội-Nghị trước quyết định của các cường quốc về sự chia cắt Việt Nam ra làm hai miền, mà ngày nay trở thành hai quốc gia riêng biệt và thù-nghịch. Ông Đỗ cũng từng là Tổng-Trưởng Ngoại-giao đầu tiên trong nội các của Thủ-Tướng Ngô-Dinh-Diệm. Sự cách biệt giữa nhân vật già nhất và trẻ nhất của nội các là 33 năm. Sự cách biệt này cũng không quá lớn như nội các Trần-Văn-Hương I và Nội các Nguyễn-Khánh tới 36 năm (Bảng 2).

Với một Ông Thủ-Tướng mới 35 tuổi, một Ông Tổng-Trưởng trẻ nhất mới 29 tuổi và rất nhiều các vị khác cũng chỉ xấp xỉ tuổi của vị Thủ-Tướng, do đó, tuổi trung bình nội các của Tướng Kỳ xuống thấp nhất từ trước đến nay, với 41 tuổi.

VHXH), Ô. Nguyễn-Văn-Trương (UV/GD) KS Trần-Lưu-Cung (Thư-Ủy GD) BS Ng. Ba-Kha (UV/Y-Tè) LS. Trần-Ngọc-Liêng (UV/XH) BS Trần-Văn-Đỗ (TUV/NG) Ô. Bui-Diệm (UV/NG) Thiệu-Trung Nguyễn-Fac-Thắng (TUV/Xây Dựng) KS. Lâm Văn Trí (UV/CN/) KS Bui-Hưu-Tuan (UV/GC) Nguyễn-Văn-Trương (Đặc Ủy Hành Chánh) Âu-Trương-Thanh (UV/KT) GS. Trần Văn-Kiên (UV/TC) Nguyễn-Hưu-Hùng (UV/LĐ) Thiệu-Trung Linh-Quang-Viên (TUV/AN), Thiệu-Trung Nguyễn-Bao-Trị (TUV/Thông-Tin Chiêu-Hối) Ô. Mai-Văn Đại (Thư Ủy TT) Ô. Phạm-Anh (Thư Ủy Chiêu-Hối) Ô. Trần Minh-Tiết (TUV/TP), LS Lưu-Văn-Vi (TUV Đặc-trách Thanh Tra).

- Sắc-lệnh số 350-CT/LĐQG/SL ngày 11.10.1966 : Bác-sĩ Trần Lưu-Y thay BS Nguyễn Ba-Kha (UV/Y-Tè).

Sắc Lệnh số 387-CT/LĐQG/SL ngày 19.11.1966 : Các Ông Võ-Long, Triệu Nguyễn-Văn-Trương, và Trần-Ngọc Liêng từ chức. 2/- Sra coi lại thành phần UBHPTU, BS Nguyễn-Lưu-Viên (Pho CT/UBHPTU kiêm TUV/VHXH kiêm UV/VH) Trung Trương Đăng Văn-Quang (TUV/Kế-Hoạch và Phát-Triển), BS Nguyễn-Văn-Thọ (UV/GD) KS Trương-Thái-Tôn (UV/Phụ CT kiêm UV/Công Ky-Nghệ) Nguyễn-Kiên Thiên Ân (UV/Thương Mại) Nguyễn-Xuân-Phong (UV/XH), Đại-Ta Hồ-Văn-Dĩ Hình (UV/TN).

Về thang tuổi, lớp tuổi 31-40 đồng nhất, chiếm 5% trong nội các Nguyễn-Cao-Kỳ. Sau đó, lớp tuổi 41-50 chiếm hạng nhì với tỷ số 33%. Hai lớp tuổi 51-60 và 61-70 đều ít như nhau, với tỷ số 3%.

So về thang tuổi, nội các Nguyễn-Cao-Kỳ cũng là nội các trẻ nhất từ trước đến nay, lớp tuổi 31-40 đã tràn ngập nội các của Tưởng Kỳ với 55%. Không có nội các nào trước và sau nội các Nguyễn-Cao-Kỳ lại gồm nhiều người trẻ như vậy.

Như vậy, nội các này có 3 chủ trẻ là Thủ-Tướng trẻ, tuổi trung bình trẻ, và tỷ số lớn nhất trong nội các thuộc giới trẻ.

Địa-phương :

Cũng như tất cả những nội các sau CM.63, trừ nội các Phan-Huy-Quát, nội các Nguyễn-Cao-Kỳ đa số là người Nam, 54%.

Người Nam trong Nội các của Tưởng Kỳ có tỷ số lớn hơn so với nội các của Tưởng Khánh, và nội các Phan-Huy-Quát. Người Bắc thứ nhì với tỷ số 30% và sau chót là người Trung chỉ có 8%. Tỷ số người Trung trong nội các Nguyễn-Cao-Kỳ cũng ít như trong nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ với 7% (bảng 3).

- Sắc lệnh số 022-CT/LĐQG/SL ngày 23.1.1967 : Ông La-Thành-Nghệ thay Ông Trương-Thái-Tôn (UV/Công Ky-Nghệ).

- Sắc lệnh số 028-CT/LĐQG/SL ngày 28.1.1967. Thiếu-Tướng Nguyễn-Cao-Kỳ (CT/UBHPTƯ) BS Nguyễn-Lưu-Viên (Phụ CT), LS Đinh-Trình-Chính (UV/Phụ-Ta CT) BS. Trần-Văn-Đo (TUV/NG) Trần-Minh-Tiết (TUV/TP) Trung-Tướng Cao-Văn-Viên (TUV/QP), Thiếu-Tướng Linh-Quang-Viên (TUV/AN) Trung-Tướng Đặng Văn Quang (TUV/Kê-Hoạch và Phát-Triển) LS Lê-Văn-Vi (TUV Đạc-trách Thanh-Tra) Thiếu-Tướng Nguyễn-Dục-Thăng (TUV/XD) KS Lâm-Văn-Trí (UV/CN) KS. Bùi-Hữu-Tuan (UV/CC), Đại-Ta Hồ-Văn-Di-Hình (UV/TN) Nguyễn-Văn-Thương (UV/Hành-Chánh) KS. Trương-Thái-Tôn (TUV/KTTC kiêm UV/Phụ CT) Nguyễn-Kiến-Thiên-An (UV/TM) La-Thành-Nghệ (UV/CKN) GS. Trần Văn-Viên (UV/TC) Ng. Hữu-Hùng (UV/LĐ) KS. Trương-Văn-Thuan (UV/GTVT) Thiếu-Tướng Nguyễn-Bao-Trí (TUV/Thg Tin CH), Mai Văn-Đại (Thư Ủy TT), Phạm-Anh (Thư Ủy CH), BS. Nguyễn-Lưu-Viên (TUV/VHXH kiêm UV/VH) BS. Nguyễn-Văn-Thơ (UV/GD) KS Trần-Lưu-Cung (Thư Ủy GD) BS. Trần Lu-Y (UV/Y-Tê) Nguyễn-Xuân-Phong (UV/XH) BS Ng. Tân Hồng (UV/CCB)

- Sắc Lệnh số 103-a/CT/LĐQG/SL ngày 16.3.1967 : Ông Ng. Hữu-Hạnh (TUV/KTTC kiêm Thống Foc Ngân-Hàng Quốc-Gia) Ông Phạm-Kim-Ngọc (UV/Phụ-Ta Kinh-Tê).

Riêng người Bắc mặc dù chiếm tới 38%, vẫn chưa phải là nơi các có tỷ số người Bắc đông nhất, như tác giả Wurfel đã mô tả, để rồi do đó ông kết luận là số dĩ trong nơi các của Tướng Kỳ người Bắc chiếm tỷ số cao nhất so với những nơi các khác, chính vì Ông Kỳ là người Bắc. Thật ra, tác giả Wurfel đã thiếu sót khi đưa ra nhận xét này. (30) Như chúng ta đã thấy khi phân tích yếu tố địa phương của nơi các Phan-Huy-Quát, chính nơi các này mới là nơi các tràn ngập người Bắc với tỷ số 48% và hơn hẳn sự có mặt của người Nam, một sự kiện xảy ra độc nhất, từ sau CM. 63 đến thời nơi các Nguyễn Cao-Kỳ, và cho đến những nơi các sau tướng Kỳ nữa.

Riêng thành phần người Nam và người Bắc trong nơi các Nguyễn-Cao-Kỳ không có gì ngạc nhiên. Duy có điều là tỷ số người Trung quá ít, và có thể coi là thuộc vào loại nơi các có ít người Trung nhất kể từ sau CM. 63 đến thời nơi các Trần-Thiện-Khiêm. Ông Kỳ và Ông Thơ gặp nhau ở một điểm là đều không muốn có nhiều người Trung trong nơi các của mình.

Tôn Giáo :

Cũng như trong nơi các Phan-Huy-Quát, nơi các Nguyễn-Cao-Kỳ có 66,6% theo đạo Phật. Với tỷ số này, vẫn là tỷ số chúng ta đa số nhân viên nơi các đều theo đạo Phật. Tuy nhiên, so với những nơi các trước, thì nơi các Nguyễn-Cao-Kỳ có tỷ số Phật-Tử thấp nhất. Trái lại, Công giáo trong nơi các này chiếm 27,8%, đứng hàng thứ nhì, chỉ sau nơi các Nguyễn-Văn-Lộc, kế tiếp sau nơi các Kỳ, so với tỷ số người Công giáo trong tất cả những nơi các trước và sau nơi các Tướng Kỳ. Không có nhân vật Cao Đài hoặc các đạo nào khác trong nơi các này. Có một tỷ số nhỏ 5,6% là Hòa Hảo.

Tuy vậy, những tỷ số trên vẫn không hoàn toàn tiêu biểu được chân lý, vì trong số 41 nhân vật trong nơi các của Tướng Kỳ, ta chỉ biết được tôn giáo của 18 vị, còn 23 vị khác không biết theo đạo nào. (Bảng 4).

(30)

David Wurfel, Op. cit., p. 547.

Trình-độ Văn-Hoá :

Trong nội các Nguyễn-Cao-Kỳ không có nhân vật nào học lực Trung-Học. Tất cả đều tốt nghiệp Đại-Học và tốt nghiệp các trường võ bị, trong và ngoài nước (Bảng 5).

Những nhân vật tốt nghiệp đại học chiếm 77%, còn lại 23% là các nhân-vật quân sự tốt nghiệp ở các trường võ bị.

Trong số những nhân vật tốt nghiệp đại-học này, có 54% các vị đã tốt nghiệp đại học trong nước. Riêng Đại-Học Hà-Nội, chiếm tỷ số 19% với 8 vị, đó là các Ông Đình-Trình-Chính, Nguyễn-Tấn-Hồng, Trần-Văn-Kiến, Lâm-Văn-Trí, Nguyễn-Hữu-Hung, Mai-Văn-Đại, La-Thành-Nghệ, Nguyễn-Lưu-Viên (phụ bản 9).

Các vị được huân-luyện tại Pháp là 35%, tại Mỹ 5,5% và tại những nước Âu-Mỹ khác ngoài hai nước này là 5,5%. Cũng như những nơi các trước, nền giáo-dục Đại-Học tại Việt Nam trong đó có Viện Đại-Học Hà-Nội thời gian trước 1954, đã đào tạo phần lớn các nhân vật lãnh đạo trong ngành hành-pháp. Từ nơi các Nguyễn-Ngọc-Thơ đến nội các Nguyễn-Cao-Kỳ, luôn luôn bằng cấp trong nước chiếm ít nhất là 50% trong toàn thể nhân viên những nơi các, sau đó là đến bằng cấp do Pháp huân-luyện, cuối cùng mới là bằng cấp của người Mỹ.

Nghề-nghiệp :

Trong nội các Nguyễn-Cao-Kỳ, cũng như trong nội các Phan-Huy-Quát, giới chuyên nghiệp và nghề tự do đã chiếm đông đảo nhất, gồm 22 nhân vật hay tỷ số 55% trong số có 7 Kỳ-sư, 4 luật-sư, 8 bác-sĩ, 3 giáo sư, còn giới kỹ giả văn không có vị nào trong nội các này.

Giới nghề nghiệp đứng hàng thứ hai trong nội các này là giới quân công với tỷ số 35% gồm 8 quân nhân và 6 công-chức. Tỷ số giới quân nhân là 20%. Nếu nói về số lượng, thì với 8 quân nhân trong nội các Nguyễn-Cao-Kỳ, được coi là nội các có nhiều Tổng-Trưởng nhà binh nhất kể từ trước đến nay. Tuy vậy, về tỷ số giới quân nhân chỉ là 20% trong nội các này,

xem ra còn ít hơn so với những nội các trước, trừ nội các Phan-Huy-Quát.

Giới doanh thương đứng hàng thứ ba trong nội các với 10%. Giới nông dân không có vị nào.

Ta thấy giới chuyên nghiệp và nghề tự do có chiều hướng ngày càng gia tăng trong những nội các kể từ thời nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ trở đi.

VI. NỘI CÁC NGUYỄN-VĂN-LỘC :

Ông Nguyễn-Văn-Lộc sinh năm 1922, tại Vĩnh-Long. Đầu cử nhân Luật tại Đại-Học Montpellier năm 1954. Tốt nghiệp Học Viên Hành-Chánh và Tài-Chánh Montpellier năm 1955. Làm Luật-sư tại Saigon kể từ năm 1955. Ông cũng làm Giảng-Sư tại Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh Saigon năm 1955. Tháng 6/1966 Ông được cử làm Phó Chủ-Tịch Ủy-Ban soạn Thảo Luật Bầu Cử Ủy-Viên Hội-Đồng Dân Quân, tháng 6/1966. Chủ-Tịch Hội-Đồng Dân Quân, tháng 11/1966.

Luật-Sư Nguyễn-Văn-Lộc cũng là Tổng-Thư-Ký Hội Liên Trường.

Nội các Nguyễn-Văn-Lộc là nội các đầu tiên của nền Đệ Nhị Cộng-Hoa, được thành lập do Sắc-Lệnh số 105-TT/SL ngày 9.11.1967, gồm 27 nhân vật (31), trong đó, 12 nhân vật đã từng tham gia những nội các trước. Có 10 nhân vật trong số 12 vị này đã từng tham gia nội-các Nguyễn-Cao-Kỳ đó là các

(31) Thành phần nội các Nguyễn-Văn-Lộc : Ô.Ô. Nguyễn-Văn-Lộc (Thư-Tướng) Đoàn-Ba-Cang (Bộ Trưởng Phụ TT) Nguyễn-Văn-Trương (Bộ Trưởng Liên lạc QH) BS Trần-Văn-Đo (NG) Phạm-Đặng-Lâm (Thư-Trưởng NG) Trung-Tướng Nguyễn-Văn-Vỹ (QP) Huỳnh-Fúc-Rau (TP) Trung-Tướng Linh-Quang-Viên (NV) Trung-Tướng Nguyễn-Bao-Trị (XDNT) KS Tôn-Thất-Trình (CCDD và CN) Nguyễn-Xuân-Phong (Chiêu-Hối) Tăng-Kim-Đông (VHGD) KS Trần-Lý-Cung (Thư-Trưởng VHGD) Lê-Trọng-Vinh (Thư-Trưởng VHGD) Hồ-Thời-Sang (Thư-Trưởng VHGD) Bùi-Xuân-Bao (Thư-Trưởng VHGD) BS Trương-Thái-Tôn (KT) Nguyễn-Chanh-Lý (Thư-Trưởng TM) KS. Võ-Văn-Nhưng (Thư-Trưởng CKN) Lưu-Văn-Tĩnh (TC) KS. Lương-Thế-Siêu (GTVT), KS. Bùi-Đôn (Công-Chánh) BS Nguyễn-Phúc-Quê (XH và Ty Nạn Cộng-San) BS Trần-Lư-Y (Y-Tê) BS. Nguyễn-Tân-Hồng (CCB), Paul Murr (BTST) Phó Ba-Long (LP).

Ông Nguyễn-Văn-Tương, Trần-Văn-Đỗ, Nguyễn-Văn-Vỹ, Tướng Linh Quang-Viên, Trương-Thái-Tôn, Trần-Lưu-Cung, Tướng Nguyễn-Bảo Trị, Nguyễn-Xuân-Phong, Nguyễn-Tân-Hồng, Trần-Lữ-Y. Hai vị kia là Ông Lưu-Văn-Tính và Ông Phạm-Đặng-Lâm đã từng có mặt trong cả hai nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ và nội các Trần-Văn-Hương I. Ngoài ra, như ta đã biết Bác-sĩ Trần-Văn-Đỗ đã từng là Tổng-Trưởng thời nội các Ngô-Đình-Diệm.

Với sự ở lại đông đảo các nhân vật thuộc nội các của Tướng Kỳ trong nội các Nguyễn-Văn-Lộc, khiến nhiều người coi nội các Nguyễn-Văn-Lộc là nội các Nguyễn-Cao-Kỳ không có Ông Kỳ.

Tuổi tác :

Trong nội các Nguyễn-Văn-Lộc không có vị nào 30 hay dưới. Vị trẻ tuổi nhất 31 tuổi, cũng vẫn là Ông Nguyễn-Xuân-Phong, sau đó đến Kỹ-Sư Bưu-Đôn mới 32 tuổi rồi đến Ông Lê-Trọng-Vinh và Kỹ-sư Lương-Thế-Siêu cũng 33 tuổi. Vị già nhất vẫn là Bác-sĩ Trần-Văn-Đỗ. Cho nên sự cách biệt cũng như nội các Nguyễn-Cao-Kỳ, giữa nhân vật già nhất và trẻ nhất là 33 năm. Tuổi trung bình của nội các Nguyễn-Văn-Lộc là 42 tuổi. Nội các này cũng được coi là một nội các trẻ nhất, sau nội các của Tướng Kỳ. Tuy vậy, muốn coi một nội các đích thực là trẻ hay già cần phân tích thang tuổi nữa.

Về thang tuổi, lớp tuổi 31-40 cũng chiếm đa số với 48%. Như vậy, ta có đủ dữ kiện để kết luận nội các Nguyễn Văn Lộc trẻ nhất trong các nội các sau CM. 63, chỉ có già hơn nội các Tướng Kỳ chút đỉnh.

Lớp tuổi 41-50 chiếm 36%, lớp tuổi 51-60 chiếm 12% và lớp tuổi 61-70 chiếm 5%. Thang tuổi trên cho ta thấy cũng giống nội các của Tướng Kỳ, là số lượng đã tỷ lệ thuận với số tuổi, nghĩa là tuổi càng trẻ thì càng xuất hiện nhiều trong nội các Nguyễn-Văn-Lộc. Nội các Nguyễn-Khánh cũng có chiều hướng về tuổi tác như vậy (Bảng 2).

Sinh quán :

Người miền Nam vẫn chiếm đông đảo nhất, trong nội các Nguyễn-Văn-Lộc như hầu hết những nội các Việt-Nam Cộng-Hòa

sau CM. 63, với tỷ số 48%. Người Bắc chiếm hạng nhì về sự đông đảo, với 30%. Sau đó là người Trung với 18%. Điểm đặc biệt là trong nội các Nguyễn-Văn-Lộc, lần đầu tiên trong những nội các V.N.C.H. đã có một nhân vật thuộc giới sắc-tộc tham chánh. Đó là Ông Paul Nur, lãnh đạo một Bộ mới ra đời là Bộ Phát-Triển Sắc-Tộc. Vấn đề Sắc-Tộc, với sự ra đời của một Bộ trong nội các, chứng tỏ các nhà lãnh đạo V.N.C.H. đặc biệt quan tâm tới những người thiểu số kể từ đây (Bảng 3).

Kể từ thời nội các Trần-Văn-Hương I, luôn luôn thành phần tham chánh người Bắc đông đảo hơn người Trung, và luôn luôn ít hơn người Nam, trừ trong nội các Phan-Huy-Quát, một lần duy nhất là người Bắc chiếm đông nhất.

Tôn-giáo :

Nội các Nguyễn-Văn-Lộc không có nhân vật nào của Cao-Đại và Hòa-Hảo, chỉ gồm hai thành phần Phật-Giáo và Công giáo.

Như bất cứ nội các nào, Phật-giáo vẫn đông nhất, và đông hơn Công giáo ít nhất là gấp đôi (nội các Nguyễn-Cao Kỳ) và nhiều nhất là nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ với 80% là Phật Giáo.

Người ta thấy nội các Nguyễn-Văn-Lộc đã không quan tâm tới giáo phái Cao Đại và Hòa-Hảo.

Tuy nhiên, cũng như những nội các trước, dữ kiện về tôn-giáo của những nhân vật nội các thường thiếu sót, ở đây có 10 vị ta không có dữ kiện, chứng tỏ những kết luận ở trên về thành phần tôn giáo chỉ có giá trị tương đối mà thôi (bảng 4).

Trình-độ giáo-dục :

Trong nội các của Luật-sư Lộc, thành phần có học học bậc trung-học chỉ chiếm 7%. So với nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ, tỷ số ấy tới 20%. Có lẽ sự khác nhau đó là do căn bản giáo dục giữa hai vị Thủ-Tướng có khác nhau chăng. Ông Lộc tốt nghiệp đại học ở Pháp còn Ông Thơ chưa lên đến Đại-Học.

Giới tốt nghiệp đại học trong nội các Nguyễn-Văn-Lộc chiếm 82%, cũng là một tỷ số cao nhất so với tất cả các

nội các, trừ nội các Phan-Huy-Quát với 83% thuộc giới này Người ta thấy rõ ràng là cả hai vị Thủ-Tướng đều tốt nghiệp đại học, một Ông là Bác-sĩ, một Ông là Luật-sư đã là lý do khiến các nhân vật trong nội các của hai Ông có bằng cấp đại học đồng nhất so với những nội các khác sau CM. 63 (bảng 5).

Giới tốt nghiệp võ-bi chiếm 11%, một tỷ số thấp hơn hầu hết các nội các khác. Với tỷ số ít ỏi của giới có bằng cấp quân sự xuất hiện trong những nội các sau CM. 63, chúng ta giới quân sự không thích tham gia nội các. Có thể đây cũng là một chính sách của những nhà lãnh đạo quân sự cao cấp, những người luôn luôn nắm trong tay quyền lực chính trị cao nhất ở V.N. sau khi lật đổ được chế độ Ngô-Đình-Diệm.

Thường thì những người học ở ngoại quốc về đều có bằng cấp đại học. Và những vị có bằng cấp Trung-học chỉ học ở trong nước mà thôi.

Trong nội các Nguyễn-Văn-Lộc, tổng số các vị Tổng Bộ, Thủ Tướng có bằng cấp Việt-Nam chỉ chiếm 40% trong khi 48% là các nhân vật có bằng cấp của Pháp, 8% của Hoa-Kỳ và 4% của những nước khác. Đây là lần đầu tiên, các nhân vật khoa bảng bản xứ lại chiếm tỷ số thấp. Trong tất cả những nội các sau CM. 63, thành phần khoa bảng bản xứ đều chiếm trên 40%.

Đây cũng là lần đầu tiên bằng cấp Pháp lại chiếm tỷ số cao hơn bằng cấp Việt.

Điểm này có thể suy đoán lý do như sau : Thủ-Tướng Nguyễn-Văn-Lộc là người được giáo dục tại Pháp, có bằng cấp Đại-học Pháp. Ta cũng thấy một lần nữa, rằng nơi giáo-dục đã ảnh hưởng thế nào đối với một vị Thủ-Tướng trong quyết-định mời một nhân vật tham gia nội các của Ông.

Trong các vị được giáo-dục ở Việt-Nam, 4 vị tốt nghiệp Đại-Học Hà-Nội đó là các Ông Phạm-Đặng-Lâm, Huỳnh-Đức-Bửu, Nguyễn-Tân-Hồng và Nguyễn-Phúc-Quê. Hai vị trước tốt nghiệp Đại-Học Luật-Khoa, 2 vị sau tốt nghiệp Đại-học Y-Khoa (phụ bản 9).

Nghề-nghiệp :

Nội các Nguyễn-Văn-Lộc với 27 nhân vật trong đó 17 vị thuộc giới chuyên nghiệp và nghề tự do, 8 vị thuộc giới quân công, 2 vị thuộc giới doanh thương. Như vậy giới chuyên nghiệp và nghề tự do đã chiếm đa số trong nội các này, tính ra, tỷ số là 62,96%. Sau đó là giới quân công, tính ra, tỷ số là 29,62% Rồi đến giới doanh thương với 7,40%.

Trong giới chuyên-nghiệp và nghề tự do có 6 Kỹ-sư 1 luật-sư, 4 bác-sĩ, 6 giáo-sư, và không có vị kỹ giãnc.

Trong giới quân công, có 3 quân nhân và 5 công chức.

Giới doanh thương có 2 vị, trong khi giới nông dân không có vị nào.

Cho đến nội các này, kể từ sau CM. 63, giới chuyên nghiệp và nghề tự do vẫn luôn luôn đóng vai trò quan trọng trong ngành hành-pháp, trong khi giới doanh thương vẫn chỉ xuất hiện khiêm tốn và giới nông dân thì hoàn toàn xa lạ với chính quyền.

VII. NỘI CÁC TRẦN-VĂN-HƯƠNG II :

Tại Saigon, ngày 18.5.1968, có tin là chính-phủ Nguyễn-Văn-Lộc từ chức và cựu Thủ-Tướng Trần-Văn-Hương được Tổng-Thống Nguyễn-Văn-Thiệu mời lập nội các mới. Không có tin tức gì liên quan đến lý do sự từ chức của Thủ-Tướng Nguyễn Văn Lộc, một người được dư luận mô tả là thân với Phó Tổng-Thống Nguyễn-Cao-Kỳ. Cũng trong ngày này, trên Đại Truyền Hình Việt-Nam, Tổng-Thống Nguyễn-Văn-Thiệu tuyên bố : "trái với tin đồn, chính-phủ Trần-Văn-Hương không đặt điều kiện khó khăn, không kỳ thi Nam Bắc và chia rẽ tôn giáo, không đòi đòi các Tư-Lệnh Vung". Có thể lời tuyên bố của Tổng Thống Nguyễn-Văn-Thiệu nhằm trấn an các giới quân sự, chính-trị và tôn-giáo, mà trong quá khứ đã tỏ ra có rất nhiều áp lực với một nội các. Cuộc khủng hoảng chính-trị gây nên bởi sự chống đối của Phật-Giáo đối với nội-các Trần-Văn-Hương I thành lập vào ngày 4.11.1964, hẳn cũng chưa làm ai quên lãng. Giới chỉ huy

quân sự vẫn là một lực lượng đáng kể, nhất là đối với các chức vụ Tư-Lệnh Biệt-Khu Thủ-Đô, Tư-Lệnh Quân Đoàn III mà lực lượng dưới quyền những vị này có nhiệm vụ bảo đảm an-ninh cho Thủ-Đô Saigon. Tuy vậy, kể từ ngày 25.5.1968 là ngày nội các Trần-Văn-Hương II được thành lập do Sắc-Lệnh số 234-TT/SL của Tổng-Thống V.N.C.H. cho đến vài tháng sau đó, người ta thấy có sự thay đổi quan trọng trong giới chỉ huy quân sự, canh sát và hành chánh trong Vùng III C.T. như sau :

- Ngày 7.6.1968 : Đại-Tá Đổ-Kiến-Nhiều giữ chức Đô-Trưởng Saigon và Đại-Tá Văn-Văn-Già ra đi.

- Ngày 7.6.1968 : Đại-Tá Trần-Văn-Hai giữ chức Tổng Giám-Đốc Canh-Sát thay Thiếu-Tướng Nguyễn-Ngọc-Loan.

- Ngày 4.6.1968 : Thiếu-Tướng Nguyễn-Văn-Minh Tư-Lệnh Sư-Đoàn 21 BB được cử giữ chức Tư-Lệnh Biệt-Khu Thủ-Đô thay thế Trung-Tướng Lê-Nguyễn-Khang.

- Ngày 5.8.1968 : Trung-Tướng Đổ-Cao-Trí được cử làm Tư-Lệnh Quân Đoàn III và Vùng III Chiến-Thuật thay thế Trung-Tướng Lê-Nguyễn-Khang.

Nội các Trần-Văn-Hương II gồm 19 vị, trong đó có 1 Thủ-Tướng, 3 Quốc-Vụ-Khanh, 14 vị Tổng-Trưởng và 1 Thứ-Trưởng. Đến ngày 25.6.1968, thì Quốc-Vụ-Khanh Phan-Quang-Đán bị giải nhiệm do Sắc-Lệnh số 258-TT/SL vì lý do là đã "tổ lập trường trái Hiến Pháp và trái chính sách của Tổng-Thống và Hai viện đối với M.T.G.P.M.N." Được biết trước đó, ngày 4.6.1968, Bác-sĩ Đán, Quốc-Vụ-Khanh kiêm Tổng-Trưởng Chiêu-Hồi đã tuyên bố tại Hoa-Thịnh-Đốn với các ký giả là "Việt-Nam Cộng Hoà phải bắt đầu nói chuyện với M.T.G.P., vì hoặc phải giết hết V.C. hoặc phải nói chuyện với họ, nhưng giết hết họ là một việc rất khó". Như vậy nội các Trần-Văn-Hương II còn lại 18 vị cho đến ngày 21.6.1968, nội các này được cải tổ và Ông Nguyễn-Ngọc-An giữ chức Tổng-Trưởng Chiêu-Hồi thay Bác-sĩ Phan-Quang-Đán bị giải nhiệm.

Đến ngày 12.3.1969 nội các Trần-Văn-Hương II lại được tăng cường các nhân vật như sau :

- Ông Nguyễn-Văn-Vàng, Tổng-Trưởng X.D.N.T.

- Ông Lê-Minh-Liên, Tổng-Trưởng Giáo-Dục và Thanh-Niên.
- Ông Cao-Văn-Thân, Tổng-Trưởng Cải-Cách Điện-Địa và Canh-Nông.
- Ông Nguyễn-Thạch-Vân, Bộ-Trưởng Cựu-Chiến-Binh.
- Ông Võ-Hữu-Thủ, Bộ-Trưởng Đặc-Trách liên-lạc Quốc-Hội.
- Ông Nguyễn-Anh-Tuân, Thủ-Trưởng Tài-Chánh.

Như vậy, kể từ khi thành lập, và sau những lần cải tổ hoặc tăng cường, tổng cộng là 26 nhân vật đã tham gia nội các Trần-Văn-Hương II (32).

Trong 26 nhân vật này gồm có 12 vị đã từng xuất hiện trong những nội các kể từ sau Cách-Mạng 1.11.1963, trong đó : 5 vị tham chánh lần này là lần thứ hai, đó là các Ông Trần Thiên Khiêm, Paul Nur, Lương-Thế-Siêu, Vũ-Quốc-Thúc, Nguyễn-Văn-Vỹ, 3 vị tham chánh lần này là lần thứ 3 đó là các Ông Huỳnh-Văn-Đạo, Nguyễn-Văn-Thơ và Trần-Lữ-Y, 2 vị tham chánh lần này là lần thứ 4, đó là 2 Ông Đàm Sĩ-Hiến và Lưu-Văn-Tính. Sau hết, người tham chánh nhiều lần nhất trong nội các Trần-Văn-Hương II, phải kể đến Ông Trương-Thái-Tôn với 5 lần trước và lần này nữa là 6 lần.

Ta cũng thấy nếu so sánh với nội các Trần-Văn-Hương I tức là nội các thành lập vào ngày 4.11.1964 và cải tổ sau đó vào ngày 18.1.1965, ta thấy có 3 vị hội đồng đã cộng tác với Thủ-Tướng Hương và nay lại xuất hiện bên cạnh Ông Hương lần nữa, đó là các Ông Huỳnh-Văn-Đạo, Đàm-Sĩ-Hiến và Lưu-Văn-Tính. Đặc-biệt Ông Huỳnh-Văn-Đạo chỉ xuất hiện trong nội các khi nào Ông Trần-Văn-Hương làm Thủ-Tướng. Điều đó có thể diễn tả mối tương quan đặc biệt nào đó giữa Ông Đạo và Ông Hương.

Những nhân vật thuộc nội các Nguyễn-Văn-Lộc, còn ở lại với nội các Trần-Văn-Hương II là các Ông Paul Nur, Lương-Thế-Siêu, Lưu-Văn-Tính, Nguyễn-Văn-Vỹ, Trần-Lữ-Y và Trương-Thái-Tôn.

Tuổi tác :

Người nhiều tuổi nhất là Cựu Trần-Văn-Hương lúc đó đã 65 tuổi. Người trẻ nhất là Ông Nguyễn-Anh-Tuân mới có 33

(32) Thành phần nội các Trần-Văn-Hương II do SL số 234-TT/SL ngày 25.5.1968
Ô.Ô. Trần-Văn-Hương (Thủ-Trưởng), Mai-Thơ-Truyện (QVK) Phan-Quang-Dạp (QVK)
Vũ-Quốc-Thúc (QVK) Trần-Chánh-Thanh (NG) Trương-Trần-Thiên-Khiêm (NV) Trương
Nguyễn-Văn-Vỹ (QP + CCB) Lê-Văn-Thư (TP) BS. Ng. Văn Thơ (VHGD + TN) BS Trần-
Lữ-Y (Y-Tê KH và Cựu-Trợ) Lưu-Văn-Tính (TC) Tôn-Thất-Thiện (Thợ-Tin) Trương-
Thái-Tôn (CCDD + CN) Lương-Thế-Siêu (CC + GTVT) Đàm-Sĩ-Hiến (LP) Paul Nur
(PTST) Huỳnh-Văn-Đạo (Bộ-Trưởng Phụ TT) Đại-Ta Hoàng-Văn-Lạc (Thủ-Trưởng XDNT)
Tăng cường do SL số 106-TT/SL ngày 12.3.69: PT. Trần-Thiên-Khiêm (Pho TT đặc
trạch Bình Định XD kiêm Bộ NV) Vũ-Quốc-Thúc (QVK đặc trách kế-hoạch Hậu chiến)
Trương Ng. Văn-Vỹ (QP) Nguyễn-Văn-Vang (XDNT) Lê-Minh-Liên (GD và TN) Cao-Văn
Thân (CCDD và CN), Ng. Thanh-Vân (CCB), Võ-Hữu-Thủ (Bộ-Trưởng Liên Lạc QH)
Nguyễn-Anh-Tuân (Thủ-Trưởng Tài-Chánh).

tuổi và Ông Lương-Thế-Siêu hơn một tuổi, là người trẻ thứ hai sau Ông Tuấn. Giữa người già nhất và người trẻ nhất tính ra cách nhau 32 năm. Tuổi trung bình của nội các Trần-Văn-Hương là 47 tuổi.

Theo thang tuổi, nếu lớp tuổi 31-40 được coi là lớp tuổi chủ lực trong hai nội các trước của Tướng Kỳ và Ông Lộc thì nay tuổi trẻ có vẻ hơi xuống già trong nội các của cụ Trần-Văn-Hương II, với tỷ-số 21%. Lớp tuổi 41-50 chiếm 37% Lớp tuổi 51-60 chiếm 33% và lớp tuổi 61-70 chiếm 9%.

Cứ theo thang tuổi này, bậc tuổi 41-50 chiếm đa số, so với những bậc tuổi khác.

Do cả hai yếu tố tuổi trung bình và thang tuổi, ta thấy nội các Trần-Văn-Hương già hơn hai nội các trước.

So với nội các Trần-Văn-Hương I, lớp tuổi 41-50 cũng chiếm đông hơn lớp khác với 55%.

Chúng ta thấy cụ Trần-Văn-Hương thích những người đứng tuổi hơn là lớp trẻ (Bảng 2).

Địa-Phương :

Tỷ số người Nam trong nội các Trần-Văn-Hương II vẫn như hầu hết những nội các trước, chiếm đông nhất với 56% người Bắc vẫn đứng hạng nhì với 24%, người Trung sau đó với tỷ số 16%. Sau cùng là thành-phần Sắc-Tộc với 4%.

So sánh nội các Trần-Văn-Hương II, với nội các Trần-Văn-Hương I ta thấy :

- Trần-Văn-Hương I : 56% Nam, 29% Bắc, 15% Trung
- Trần-Văn-Hương II : 56% Nam, 24% Bắc, 16% Trung
và 4% Sắc-Tộc.

Tỷ số người Nam không thay đổi, tỷ số người Bắc và người Trung thay đổi chút ít. Rõ ràng là quan niệm về địa-phương của cụ Trần-Văn-Hương không hề thay đổi : Cụ không kỳ thị địa phương.

Những thay đổi trong guồng máy chính quyền sau ngày cụ tham chánh lần thứ hai có thể giải thích vì lý do chính-trị hơn là lý do địa phương (bảng 3).

Tôn Giáo :

Cũng như nội các Nguyễn-Văn-Lộc và nội các Trần-Văn-Hương I, nội các Trần-Văn-Hương II không có sự hiện diện của Giáo phái Cao-Đại và Hoà-Hảo, chỉ còn lại những thành phần Phật-Giáo và Công-Giáo. Dĩ nhiên Phật-Giáo lại vẫn đa số : Phật Giáo 82,4% và công giáo 17,6%.

Cũng như những nội các trước, sự thiếu dữ kiện về tôn-giáo của thành phần nội các khiến những con số trên không hoàn toàn đáng tin cậy, trái lại, nó chỉ phác họa một hình ảnh có tính cách tổng quát mà thôi (Bảng 4).

Trình-độ văn hoá :

Nội các Trần-Văn-Hương II có 27% chỉ có sức học bậc Trung-Học. Đó là tỷ số cao nhất so với những nội các khác. Trái lại, số người có bằng cấp Đại-Học trong nội các chiếm đông nhất với 61%. Nhưng tỷ số 61% lại vào loại thấp nhất so với những nội các trước. Nói khác đi, yếu tố văn bằng đại học không được cụ Hương đặt làm trọng như những vị Thủ-Tướng khác, mặc dù số người có văn bằng Đại học vẫn chiếm số đông trong nội các Trần-Văn-Hương II.

Bằng cấp quân sự chỉ chiếm 12%.

Trong số những nhân viên nội các Trần-Văn-Hương II, có 61% được giáo-dục tại Việt-Nam. Địa vị của nền giáo-dục bản xứ trong nội các sau khi bị hạ thấp ở nội các Nguyễn-Văn-Lộc lại trở về địa vị địa rất trội yếu ở tất cả những nội các.
cu nghĩa

Trong số những vị được huấn-luyện ở trong nước, riêng tại Đại-Học Hà-Nội có 5 vị. Trong 5 vị này có 2 vị sau đó đã đi ngoại quốc để lấy bằng cấp cao hơn, đó là 2 Ông Vũ-Quốc-Thúc và Phan-Quang-Đán, ngoài ra 3 vị kia là Ông Trần-Văn-Hương, Trần-Chánh-Thành, Đàm-Sĩ-Hiến.

Có một điểm đặc biệt ở đây ta cần nhận xét là, các vị khoa bảng Mỹ đã nhiều hơn các vị khoa bảng Pháp trong nội

các Trần-Văn-Hương II. Được huấn-luyện tại Pháp có 15% trong khi tại Mỹ 20%. Lần đầu tiên và duy nhất có sự ưu thế của bằng cấp Hoa-Kỳ trong các chính-phủ sau CM. 63.

Các nước Âu-Mỹ khác chỉ huấn-luyện có 4% nhân-viên trong nội các Trần-Văn-Hương II (Bảng 5 và 6).

Nghề-nghiệp :

Giới chuyên nghiệp và nghề tự do trong nội các Trần-Văn-Hương II bắt đầu giảm sút, chỉ có 9 vị hay tỷ số 39,3%, giới quân công lại chiếm đông đảo với 13 vị hay tỷ số 56,52%, giới doanh thương vẫn ít ỏi gồm 4,34% giới nông dân vẫn vắng mặt trong nội các.

Sở dĩ có sự gia tăng tỷ số của giới quân công trong nội các này, vì có tới 9 vị là công chức hay tỷ số 39,13%. Thành phần công chức, tính theo số lượng và theo tỷ số, đã chiếm đông đảo nhất trong nội các Trần-Văn-Hương II, kể từ sau CM. 63. Giới quân công luôn luôn chiếm địa-vị quan trọng trong những nội các sau CM. 63, hoặc đứng hàng đầu, hoặc đứng hạng thứ hai. Có 3 lần, giới quân công chiếm đa số đó là trong nội các Nguyễn-Ngọc-Thơ, nội các Trần-Văn-Hương I và nội các Trần-Văn-Hương II. Còn trong những nội các kia, giới chuyên nghiệp và nghề tự do chiếm đa số.

Điểm đặc biệt là trong hai nội các Trần-Văn-Hương I và Trần-Văn-Hương II giới quân công đều chiếm đa số, chứng tỏ Thủ-Tướng Trần-Văn-Hương đã có những quan hệ mật thiết với giới hoạt-động trong lãnh vực công, nhiều hơn là trong lãnh vực tư (Bảng 8).

VIII. NỘI CÁC TRẦN-THIỆN-KHIÊM

Nội các do Đại-Tướng Trần-Thiện-Khiêm lãnh đạo được bổ nhiệm bằng Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1.9.1969 của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hoa, gồm 1 Thủ-Tướng, 1 Phó Thủ-Tướng, 4 Quốc Vụ Khanh, 16 Tổng-Trưởng, 7 Thứ-Trưởng và 2 Bộ-Trưởng Tổng Cộng gồm 34 người. Trong số này 8 vị, tức là 1/4 tổng số, đã từng tham gia nội các Trần-Văn-Hương II.

Nội các ngày 1.9.1964 của Đại-Tướng Trần-Thiên-Khiêm đánh dấu lần đầu tiên trong nền Đệ Nhị Cộng-Hoa, quân nhân trở lại cầm quyền lãnh đạo nội các. Kể từ sau thời gian có cuộc Cách-Mạng 1963, Đại-Tướng Trần-Thiên-Khiêm là người quân nhân thứ 3 đã cầm đầu nội các, sau Đại-Tướng Nguyễn-Khánh vào năm 1964 và Thiếu-Tướng Nguyễn-Cao-Kỳ vào năm 1965. Được biết Đại-Tướng Trần-Thiên-Khiêm là người đã xuất hiện và nắm giữ vai trò quan trọng trong chính trường miền Nam, kể từ khi tham gia cuộc chỉnh lý cùng với Đại-Tướng Nguyễn-Khánh và Thiếu-Tướng Nguyễn-Văn-Thiệu vào ngày 30.1.1964 trong cố gắng loại bỏ Quốc-Trưởng Dương-Văn-Minh và các tướng lĩnh đã thực hiện cuộc Cách-Mạng ngày 1.11.1963 như các Tướng Trần-Văn-Đôn, Lê-Văn-Kim, Tôn-Thất-Đỉnh (33). Mỗi khi xuất hiện nội các do quân đội nắm quyền lãnh đạo thường đi tiếp sau những thời kỳ trong đó nhu-cầu một chính phủ mạnh là cần thiết, hoặc là để giải quyết cuộc khủng hoảng do chính-phủ dân sự gây nên. Nội các Nguyễn-Khánh được thành lập sau khi cuộc chỉnh lý thành công, lý do cuộc chỉnh lý này vẫn chỉ được hiểu như là để chống lại sự mạnh mẽ của khuynh hướng trung lập và thân Pháp của một số tướng lĩnh cầm đầu cuộc Cách-Mạng ngày 1.11.63. Nội các của Thiếu-Tướng Nguyễn-Cao-Kỳ đã ra đời để giải quyết cuộc khủng hoảng liên tiếp do các chính phủ dân sự gây nên. Nội các Trần-Văn-Hương I ngày 4.11.1964 không có bóng dáng các Bộ-Trưởng, Tổng-Trưởng có khuynh hướng đại diện Phật-Giáo, thêm vào đó chính-phủ Trần-Văn-Hương I lại chủ-trương tách rời chính-trị và tôn-giáo, nhưng trước áp lực của Phật-Giáo, nội các Trần-Văn-Hương I đã phải giải tán nhường lại cho Thủ-Tướng Phan-Huy-Quát với tân nội các thành lập ngày 16.2.1965. Bốn tháng sau, nội các Phan-Huy-Quát cũng đổ theo gót nội các Trần-Văn-Hương I, nhưng lần này ngược lại, lại có vẻ ưu ái Phật-Giáo mà gây sự phản nộ cho Công giáo, mở đầu cho phong trào chống đối của Công giáo. Như vậy giải pháp dân sự, do sự đòi hỏi của các tôn-giáo và đảng phái ở thời Nguyễn-Khánh, đã chỉ kéo dài trong 9 tháng von ven từ ngày 8.2.1964 đến ngày 4.11.1964.

Nội các Trần-Thiên-Khiêm đã được thành lập để đáp ứng một hoàn cảnh đặc biệt, không phải vì những bất ổn chính trị - hậu quả của giải-phân dân sự, nhưng là một hoàn cảnh

(33) Trần-Thị Hoài-Trần, Lục-Lượng Chính-Trị - Chính Đảng (Saigon 1972) p. 239.

trong đó tại quốc nội những trận giao tranh khốc liệt quốc công vẫn tiếp diễn và cộng-sản lại vừa thành lập một chính-phủ lấy tên là "Chính-phủ Cách-Mạng Lâm-Thời Cộng-Hoa Miền Nam Việt-Nam" để chính thức điều động cuộc chiến tranh quân sự và chính-trị chống lại V.N.C.H. và trên trường quốc-tế, áp lực của dư luận đã khiến Tổng-Thống Nixon quyết định một chính sách mới là chính sách Việt Hoá chiến tranh Việt-Nam, mở đầu bằng cuộc rút quân ngày 8.7.1969 của Tiểu-Đoàn 3/60 Sư-Đoàn 9 BB Hoa-Kỳ diễn ra tại Saigon.

Đó là những lý do mà nội các Trần-Văn-Hương II từ chức để nhường chỗ cho nội các quân nhân với nhiều khả năng hơn và chống cộng quyết liệt hơn ra đời, mà thông cáo ngày 22.8.1969 của Phủ Tổng-Thống đã xác định rõ ràng là "vì quyền lợi quốc-gia, Thủ-Tướng Trần-Văn-Hương đồng ý với Tổng Thống để quyết định chọn người thành lập nội các mới".

Đại-Tướng Trần-Thiên-Khiêm cho đến khi thành lập nội các 1.9.1969, có thể coi như là một trong những nhân vật quan trọng của chế độ Đế-Nhị Cộng-Hoa. Lần đầu tiên tham chánh với chức vụ Tổng-Trưởng Quốc-Phòng trong nội các Nguyễn Khánh ngày 8.2.1964, sau khi đã cùng Đại-Tướng Khánh và Thiếu-Tướng Nguyễn-Văn-Thiệu làm một cuộc chỉnh lý để loại Đại-Tướng Minh (34). Lần tham chánh thứ hai của Ông dưới thời nội các Trần-Văn-Hương I ngày 25.5.1968 với chức vụ Tổng-Trưởng Nội Vụ.

Nội các Trần-Thiên-Khiêm gồm 14 người đã từng tham chánh ít nhất từ hai lần trở lên, trong những chính-phủ trước kể từ sau Cách-Mạng 1963 đến thời Chính-Phủ Trần-Văn-Hương II. Trong số 14 vị này, chỉ có 1 vị đã có 5 lần tham chánh (Ông Đàm-Sĩ-Hiến) 2 vị có 4 lần tham chánh (Bác-sĩ Nguyễn-Lưu-Viên Kỹ-Sư Trần-Lưu-Cung), 5 vị đã có 3 lần tham chánh (Ông Paul Nur, BS Phan-Quang-Đán, Thạc-Sĩ Vũ-Quốc-Thức, Trung-Tướng Nguyễn-Văn-Vỹ, kể cả Đại-Tướng Khiêm) và các nhân vật đã từng tham chánh 2 lần là các Ông : BS Nguyễn-Thiên-Hỷ, Phạm-Kim-Ngọc, Mai-Thọ-Truyền, Lê-Văn-Thu, Cao-Văn-Thân và Nguyễn-Văn-Vàng.

(34) Trần-Thị Hoài-Trần, OP, cit, p. 240.

Nội các Trần-Thiên-Khiêm cải tổ ngày 12.6.1971 có thêm 4 nhân vật tham gia nội các này, do sắc-lệnh số 366-TT/SL ngày 12.6.1971. Cuộc cải tổ toàn diện sau cùng vào ngày 18.2.1974 do Sắc-Lệnh số 130-TT/SL. Trong cuộc cải tổ lần này gồm 11 nhân vật mới và 8 người cũ (35).

Về Tuổi tác :

Người ít tuổi nhất trong nội các Trần-Thiên-Khiêm là Ông Hà-Xuân-Trung, lúc đó mới 27 tuổi. Người cao tuổi nhất là Ông Mai-Thọ-Truyền 64 tuổi. Như vậy, giữa người già nhất và người trẻ nhất trong nội các này cách biệt nhau 37 tuổi, đó là sự cách biệt của nhiều thế hệ, một trở ngại rất lớn mỗi khi cần đạt được một sự thống nhất, sự thỏa hiệp hoàn toàn trong nội các. Tuổi trung bình của nội các này là 45.

Về thang tuổi, lớp tuổi 31-40 chiếm 25,5%, lớp tuổi 41-50 chiếm 41,4%, lớp tuổi 51-60 chiếm 26% và lớp tuổi 61-70 chiếm 4,6%.

Như vậy lớp tuổi 41-50 với tỷ số 41,4% đã là lớp tuổi chiếm đa số trong nội các Trần-Thiên-Khiêm (Bảng 2)

(35) Nội các Trần-Thiên-Khiêm do SL số 394-TT/SL ngày 1.9.69 gồm :
Ô.Ô. Đại-Tướng Trần-Thiên-Khiêm (Thủ-Tướng + Bộ NV) BS. Nguyễn-Lưu-Viên (Phó Thủ-Tướng) + Bộ GD) Mai-Thọ-Truyền (QVK/VH) Vu-Quốc-Thục (QVK/Tại-Thiết Phạt-Triển) BS Nguyễn-Tiến-Hy (QVK) BS. Phan-Quang-Dan (QVK) Trần-Văn-Lâm (NG) Trương Nguyễn-Văn-Vy (QP) Lê-Văn-Thư (TP) Phạm-Kim-Ngọc (KT) Nguyễn-Bích Huệ (TC) Trương Trần-Thanh-Phong (XDNT) Ngô-Khắc-Tĩnh (Thông-Tin) BS Hồ Văn Châm (Chiêu-Hỏi) Cao-Văn-Thân (Cải Cách Điện-Đi và Phát-Triển Nông-Nghiệp) Dương-Kịch-Nương (Công-Chanh), Trần Văn-Viên (Giáo Thống Đu-Điện), BS Trần-Minh-Tung (Y-Tê) BS Trần Nguyên Phiêu (XH) Đàm Sĩ-Hiếu (LD) Cựu Thiệu-Trọng Phạm-Văn-Dũng (CCE) Paul Nux (PTST) Nguyễn-Văn-Vang (Bộ-Trưởng Phủ Thủ-Tướng) Cao Văn-Trương (Bộ-Trưởng Liên-lạc QH) Phạm-Minh-Dương (Thủ-Trưởng Kinh-Tê), Trần Quý Nông (Thủ-Trưởng KT) Hà-Xuân-Trung (Thủ-Trưởng TC) Lê-Công-Chất (Thủ-Trưởng NV) Trần-Lưu-Cung (Thủ-Trưởng GD) BS. Nguyễn-Danh-Dan (Thủ-Trưởng GD), Lê-Trọng-Quạt (Thủ-Trưởng Thông Tin).

- Sắc lệnh số 366 -TT/SL ngày 12.6.71 : Ô.Ô. Đại-Tướng Trần Thiên-Khiêm (Thủ-Tướng + NV) BS. Nguyễn-Lưu-Viên (Phó TT) BS Phan-Quang-Dan (QVK/KHLA), Mai-Thọ-Truyền (QVK/VH) Nguyễn-Văn-Vang (Bộ-Trưởng Phủ TT) Cao-Văn-Trương (Bộ-Trưởng Liên-lạc Quốc-Hội) Trần-Văn-Lâm (NG) Trần-Kim-Phụng (Thủ-Trưởng NG), Lê-công-Chất (Thủ-Trưởng NV) Trương Ng. Văn Vy (QP)

Về địa-phương :

Nội các Trần-Thiên-Khiêm có một tỷ-số tương-đối khá đồng đều về địa phương khi bác gồm 37% là người Nam, 32% là người Bắc và 26% là người Trung. Trong đó có 5% thuộc sắc dân thuộc Cao-Nguyên Trung-Phan. Nếu nội các Nguyễn-Ngọc Thơ toàn gồm những nhân vật Nam vì Ông Thơ là người Nam đã biểu lộ sự kỳ thi địa phương, nếu nội các Ngô-Dinh-Diệm hầu hết gồm những người Trung vì Ông Diệm là người Trung, cũng đã biểu lộ sự kỳ thi địa phương, thì cái ưu điểm của nội các Trần-Thiên-Khiêm ta thấy rõ ràng là không kỳ thi địa phương.

Tính theo tỷ số, người Nam trong nội các Trần-Thiên-Khiêm dù vẫn chiếm phần đông hơn hai thành phần Trung và Bắc nhưng đó là tỷ số nhỏ nhất của thành phần người Nam so với tất cả những nội các sau CM.63, trừ nội các Phan-Huy-Quát tỷ số người Bắc lớn nhất, hơn cả người Nam thì không kể.

Người Trung trong nội các Trần-Thiên-Khiêm cũng chiếm tỷ-số lớn nhất chỉ đứng sau nội các của Tướng Khánh. Đối với thành phần người Bắc, trong nội các Trần-Thiên-Khiêm đã gia tăng hơn so với hai nội các trước (Bảng 3).

Tôn-Giáo :

Trong nội các của Tướng Trần-Thiên-Khiêm không thấy có các nhân-vật Cao-Dài và Hoà-Hảo. Đó là điều mà nội các này giống với hai nội các trước, nội các Trần-Văn-Hương II và nội

Lê-Yến-Thụ (TP) Ngô-Khắc-Tĩnh (GD), Phạm-Kim-Ngọc (KT) Phạm-Minh-Dương (Thư-Trương KT),

- Sắc lệnh số : 130-TT/SL ngày 18.2.1974 : Ông Ông Đại-Tổng Trần Thiên Khiêm (Thư-Trương + Bộ QP) BS Nguyễn-Lưu-Viên (Phó Thư-Trương) BS Phan-Quang Đạt (Phó Thư-Trương + Bộ XH và KHLA) Cựu Trung-Trương Trần-Văn-Đôn (Phó Thủ Trương Đắc trách PTQG) Dương-Dục-Thụy (TP) Lê-Công-Chất (NV) Ngô-Khắc-Tĩnh (GD) Châu-Kim-Nhân (TC) Nguyễn-Dục-Sương (TM/KN), Tôn-Thật-Trình (Cánh Nông) Dương-Kích-Nhương (Công-Chánh Giáo-Thông) Hoàng-Dục-Nha (Dân Vận Chiêu-Hồi) Huỳnh-Văn-Dương (Y-Tê) Đàm-Sĩ-Hiệu (LD) BS Hồ-Văn-Châm (CCB) Nay Luett (PTST) Bru-Viên (Bộ-Trương Phụ Thủ Trương), Bùi-Xuân-Bạc (Thư-Trương GD) Trần Quang Minh (Thư-Trương CN), Nguyễn Tiên Hằng (Tổng Ủy Kế-Hoạch).

các Nguyễn-Văn-Lộc. Thời Đệ II Cộng-Hòa bắt đầu thì hai tôn giáo này không còn thấy có mặt trong nội các nữa.

Riêng Phật-Giáo vẫn đông nhất với 79%, Công giáo 21% (Bảng 4)

Trình-độ văn-hoá :

Các nhân vật có bằng cấp đại-học chiếm phần lớn nhất trong nội các Trần-Thiên-Khiêm, tỷ số là 79%, chỉ có 10,5% là các nhân vật có bằng cấp trung học. Bằng cấp quân sự cũng có tỷ số 10,5%. Đại-khải thì bằng cấp Đại-Học vẫn chiếm ưu thế trong suốt những nội các sau CM. 63.

Về nơi giáo-dục của những nhân vật nội các Trần-Thiên-Khiêm, ta thấy tỷ-số các nhân vật được giáo dục ở VN chiếm rất ít so với tất cả những nội các trước, chỉ hơn chút đỉnh so với nội các Nguyễn-Văn-Lộc. Tỷ số các vị được huấn-luyện tại bản xứ là 41%. Thành phần bằng cấp Hoa-Kỳ lên cao nhất so với những nội các trước, với tỷ số 28%. Tuy vậy cũng chỉ xấp xỉ với bằng cấp Pháp với 29%. Còn lại là bằng cấp tại các nước Âu-Mỹ khác là 2%.

Trong số những nhân vật được giáo-dục trong nước, đã từng tốt nghiệp Đại-học Hà-Nội, ta đếm có 9 vị, tức là tỷ số 21% so với toàn thể nội các (Bảng 5 và 6).

Nghề-nghiệp :

Trong nội các Trần-Thiên-Khiêm, giới chuyên nghiệp và nghề tự-do chiếm đông nhất với 22 vị tức là tỷ-số 53,65%. Sau đó là giới quân công gồm 15 vị tức tỷ số 36,57%. Giới nghề nghiệp đứng hạng thứ ba trong nội các này là giới doanh thương gồm 4 vị hay 9,75%. Giới nông dân vẫn vắng mặt.

Ta thấy giới chuyên nghiệp và nghề tự do luôn luôn giữ vai trò quan trọng trong tất cả những nội các. Giới này sau khi giảm sút trong nội các Trần-Văn-Hương II với hạng thứ nhì sau giới quân công, thì trong nội các Trần-Thiên-Khiêm giới doanh thương và nghề tự do lại chiếm đông đảo nhất. Trong 22 nhân vật nội các thuộc giới này, có 8 kỹ-sư, 2 luật-sư,

10 bác-sĩ và Dược-sĩ, 2 giáo-su, còn ký-giá vẫn không có vị nào. Như vậy là trong suốt 8 nội các sau CM. 63, không có ký giá nào đã tham chánh. Nghề ký giá ở Việt-Nam hầu như không thể nào tham chánh được, một điều rất trái ngược ở Tây-Phương, rất nhiều các nhân vật tham chánh xuất thân là ký giá.

Giới quân công trong 15 vị gồm 4 quân nhân và 11 công chức. Trong khi sự tham chánh của giới quân nhân ở mức bình thường so với những nội các trước thì giới công chức có lẽ là giới tham chánh đông đảo nhất trong nội các này với 11 vị hay tỷ số 26,82%. Nếu nói về số lượng, kể từ sau CM. 63 đến nay, chưa nội các nào lại có số công chức tham gia đông đảo như vậy.

/// SỐNG NHẬN-VIỆT ĐÃ TĂNG THAM-GIA NỘI-CÁC TRƯỚC

NHỮNG NỘI CÁC TRƯỚC	THƠ	KHÁNH	HƯƠNG I	QUẤT	KỶ	LỘC	HƯƠNG II	KHẾM	8 NỘI-CÁC
Thời Báo-Đại	0	2	0	4	0	0	2	2	
NỘI-CÁC NỘI-ĐÌNH-DIỆM	2	0	0	1	1	1	1	0	
NỘI-CÁC NGUYỄN-NGỌC-THƠ	X	4	2	0	1	2	1	1	
NỘI-CÁC NGUYỄN-KHÁNH		X	2	2	1	0	2	1	
NỘI-CÁC TRẦN-VĂN-HƯƠNG I			X	2	4	2	3	2	
NỘI-CÁC PHAN-HUY-QUẬN				X	9	4	0	1	
NỘI-CÁC NGUYỄN-CAO-KỶ					X	10	2	3	
NỘI-CÁC NGUYỄN-VĂN-LỘC						X	6	5	
NỘI-CÁC TRẦN-VĂN-HƯƠNG II							X	9	
								X	
Nhận-vật cũ	2-13, 3%	6-28, 5%	4-19%	8-38%	13-32, 5%	12-44, 4%	13-50%	16-33, 6%	74-30%
Nhận-vật mới	13-86, 7	15-71, 5	17-81	13-62	28-67, 5	15-55, 6	13-50	31-66, 4	145-70
Tổng cộng mới nội các	15	21	21	21	41	27	26	47	219

TUỔI	THO	KHÁNH	HƯƠNG I	QUÁT	KỶ	LỘC	HƯƠNG II	KHIÊM	8 MỘT-CÁC
	Số %	Số %	Số %	Số %	Số %	Số %	Số %	Số %	Số %
30 trở xuống	0	1	0	0	2	0	0	1	4
31 - 40	5	5	5	6	18	12	5	11	67
41 - 50	7	4	11	5	11	9	9	18	74
51 - 60	3	3	4	5	1	3	8	11	38
61 - 70	0	1	1	4	1	1	2	2	12
Trên 70	0	0	0	0	0	0	0	0	0
100%	15	14	21	20	33	25	24	43	195
Không biết	0	7	0	1	8	2	2	4	24
Tổng cộng	15	21	21	21	41	27	26	47	219
Tuổi Trung bình	45	45	45	49	41	42	47	45	45
Tuổi trẻ nhất	32	30	35	31	29	31	33	27	31
Tuổi già nhất	55	66	62	67	62	64	65	64	63
Cách biệt giữa trẻ	23	36	30	36	33	33	32	37	32

TÔN - GIÁO	THC	KHÁNH	HƯNG I	QUẤT	KỶ	LỘC	HƯNG II	KHIÊM	8 MỖI CỬ
	SỐ	SỐ	SỐ	SỐ	SỐ	SỐ	SỐ	SỐ	SỐ
	%	%	%	%	%	%	%	%	%
Phật-Giáo	4	7	7	8	12	12	13	27	90
	80	70	77,5	66,5	66,6	70,6	82,4	79	75,3
Công-Giáo	1	2	2	1	5	5	4	6	26
	20	20	25,5	8,5	27,8	29,4	17,6	21	19,4
Cao-Đài	0	1	0	2	0	0	0	0	3
	0	10	0	16,5	0	0	0	0	3,4
Hòa-Hảo	0	0	0	1	5,6	0	0	0	2
	0	0	0	8,5	5,6	0	0	0	1,9
Tân-Lành	0	0	0	0	0	0	0	0	0
100%	5	10	9	12	18	17	17	33	121
Không biết	10	11	12	9	23	10	9	14	98
Tổng cộng	15	21	21	21	41	27	26	47	219

II HÌNH NGHĨ GIÁO DỤC

Bảng 5.

TRÌNH ĐỘ GIÁO-DỤC	THỜI SỐNG %	KHÁNH SỐ %	HƯƠNG I SỐ %	QUÁT SỐ %	KỶ SỐ %	LỘC SỐNG SỐ %	HƯƠNG II SỐ %	KHIDEM SỐ %	8 NỘI SỐ %	CÁC SỐ %									
Trung-Học	2	20	0	0	2	9	1	5,5	0	0	2	7	6	27	4	10,5	17	10	
Đại-Học + C.Đ. Kỹ-Suất	10	60	14	73,5	15	72	16	83	31	77	22	82	16	61	38	79	162	73,5	
Trường Võ-Bí	3	20	5	26,5	4	19	2	10,5	18	23	3	11	4	12	4	10,5	33	16,5	
100%	15	19	19	21	19	39	27	26	46	212	7	219	26	47	47				
Không biết	0	2	2	0	2	2	0	0	1	7									
Tổng cộng	15	21	21	21	21	41	27	26	47	219	7	219	26	47	47				

LIÊN QUAN GIỮA MÔI HỌC VÀ SINH QUẢN

BẢNG 7.

MÔI HỌC	NAM		TRUNG		BẾC		TỔNG	
	SỐ	%	SỐ	%	SỐ	%	SỐ	%
VIỆT-NAM Pháp (hay VN-Pháp) MỸ (hay VN-MỸ) Nơi khác	47	47	16	39	33	50	96(2)	52
	45	42	11	33	15	30	71	32
	7	8	6	18	9	15	24	11
	3	3	3	10	3	5	8	5
100%	102		36		60		199	
Không rõ	4		1		5 + 10(1)		20	
Tổng	107		37		75		219	

(1) 10 nhân vật không biết vừa sinh quản vừa nơi học

(2) Có sự khác biệt với chữ số với bảng 6, vì bảng này không kể các nhân vật sắc tộc.

)/ CHẾ - NGHIỆP NHÂN - VIÊN NỘI - CÁC

NGHỀ-NHIỆP	THO		KHÁNH		HƯƠNG I		QUẢNG		KỶ		LỘC		HƯƠNG II		KHIÊM		8 NỘI CÁC	
	Số	%	Số	%	Số	%	Số	%	Số	%	Số	%	Số	%	Số	%	Số	%
1-Viên chức chính phủ quân nhân Công chức	3	53,33	7	38,88	10	52,62	3	16,66	14	35	8	29,62	13	56,52	15	36,57	78	39
	3	20	5	27,77	4	29,05	2	11,11	8	20	3	11,11	4	17,39	4	9,75	33	16,5
	5	33,33	2	11,11	6	31,57	1	5,55	6	15	5	18,51	9	39,13	11	26,82	45	22,5
2-Chuyên-nghiệp và nghề tự do Kỹ-Sư-Kiến-Trúc-Sư Luật-Sư Bác-Sĩ- Dược sĩ Giáo-Sư Kỹ Giả	6	40	8	44,44	8	42,08	14	71,77	22	55	17	62,96	9	39,13	22	53,65	106	53
	3	20	1	5,05	1	5,26	3	16,66	7	17,50	6	22,22	3	13,04	8	19,51	32	16
	1	6,66	1	5,05	3	15,78	2	11,11	4	10	1	3,70	1	4,34	2	4,78	15	7,5
	1	6,66	4	22,22	2	10,52	6	33,33	8	20	4	14,81	3	13,04	10	24,39	38	19
	1	6,66	2	11,11	2	10,52	3	16,66	3	7,50	6	22,22	2	8,69	2	4,78	21	10,5
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3-Doanh thương	1	6,66	3	16,66	1	5,26	1	5,55	4	10	2	7,40	1	4,34	4	9,75	17	8,5
4-Mông dân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
100% Không biết Tổng cộng	15		18		19		18		40		27		23		41		201	
	0		3		2		3		1		0		3		6		18	
	15		21		21		21		41		27		26		47		219	

CHI NH - ĐẢNG

Bảng 9.

ĐẢNG PHÁT	THƠ	KHÁNH	HƯƠNG I	QUẬT	KỶ	LỘC	HƯƠNG II	KHIÊM	8 MỘT-CÁC
V.N.Q.D.Đ.		2		3					5
Đạt-Việt Q.D.Đ.								2	15
Phong-Trao Q.C.C.T		3		5	5				0
VNQG Độc Lập đảng							1	1	2
Đang Dân chủ								2	2
L.L. Nhân-dân kiến quốc								1	1
Tập-Đoàn Công dân								1	1
Phong-trào Cách-Mạng Q.G.							1	1	2
Mặt trận Cứu nguy D.T.								2	2
Nhân Xá cách mạng đảng								1	1
Không đảng phái	15	12	21	12	34	27	23	32	176
100%	15	17	21	20	39	27	25	43	407
Không rõ	0	4	0	1	2	0	1	4	12
Tổng cộng	15	21	21	21	41	27	26	47	219

QUẢNG CÁO HỘI TỎA AN

Bảng 10.

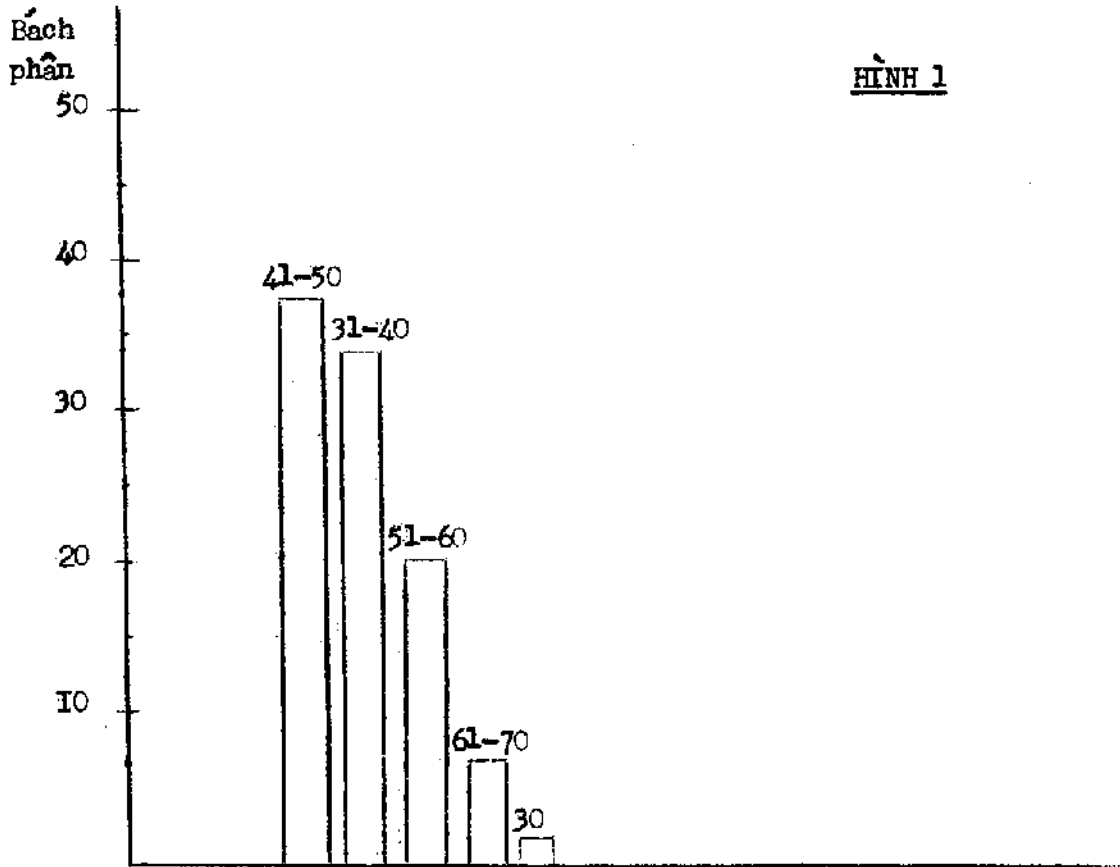
HỘI TỎA AN	THU	KHÁNH	PHONG I	QUÁT	KỶ	LỘC	PHONG II	KHIÊM	8 MỘT-CÁC
Hội Liên-Trường Par Romana VN	0 1	0 1	0 1	0 0	1 2	3 2	2 1	1 1	7 9
Hội Ái-Hữu SVSQ/K. Trưng bị	0	0	0	1	3	1	0	0	5
Hội Cựu Sinh Viên QHHC	0	0	0	0	0	0	0	2	2
Hội Cựu HS TĐ Mỹ-Thơ	0	0	3	0	1	1	1	0	6
Tổng L.Đ. Lạc-Đồng V.N.	0	1	1	0	0	0	1	1	4
Không Hội Đoàn	14	17	16	18	31	19	19	40	174
100%	15	19	21	19	38	26	24	45	207
Không ro	0	2	0	2	3	1	2	2	12
Tổng cộng	15	21	21	21	41	27	26	47	219

II AN SỰ VÀ QUÂN SỰ TRONG 8 NỘI OÁO

Bảng 11.

DÂN-SỰ VÀ QUÂN SỰ	THƠ số %	KHÁNH số %	HƯƠNG I số %	QUẤT số %	MỸ số %	LỘC số %	HƯƠNG II số %	KHIÊM số %	8 NỘI OÁO số %
- Dân sự	12 80	16 74	17 80	19 90	33 77	24 89	23 88	43 90	186 85,4
- Quân-sự	3 20	5 26	4 20	2 10	8 23	3 11	4 12	4 10	33 14,6
Tổng cộng	15	21	21	21	41	27	26	47	219

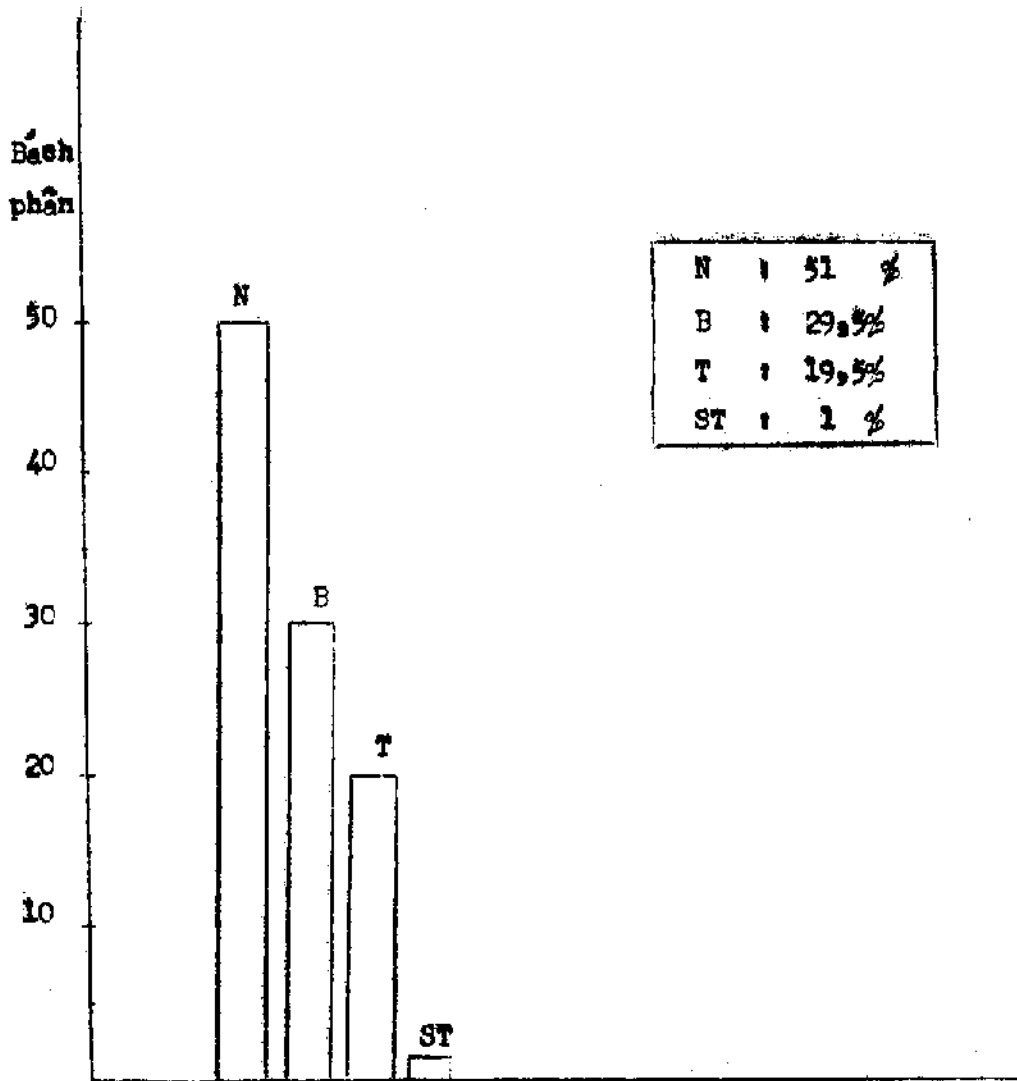
D) / HÌNH LỚP TUỔI TRONG 8 NƠI - CẤP



Lớp 41-50	: 37,5%
31-40	: 34 %
51-60	: 20 %
61-70	: 6,5%
30 trở xuống	: 2 %

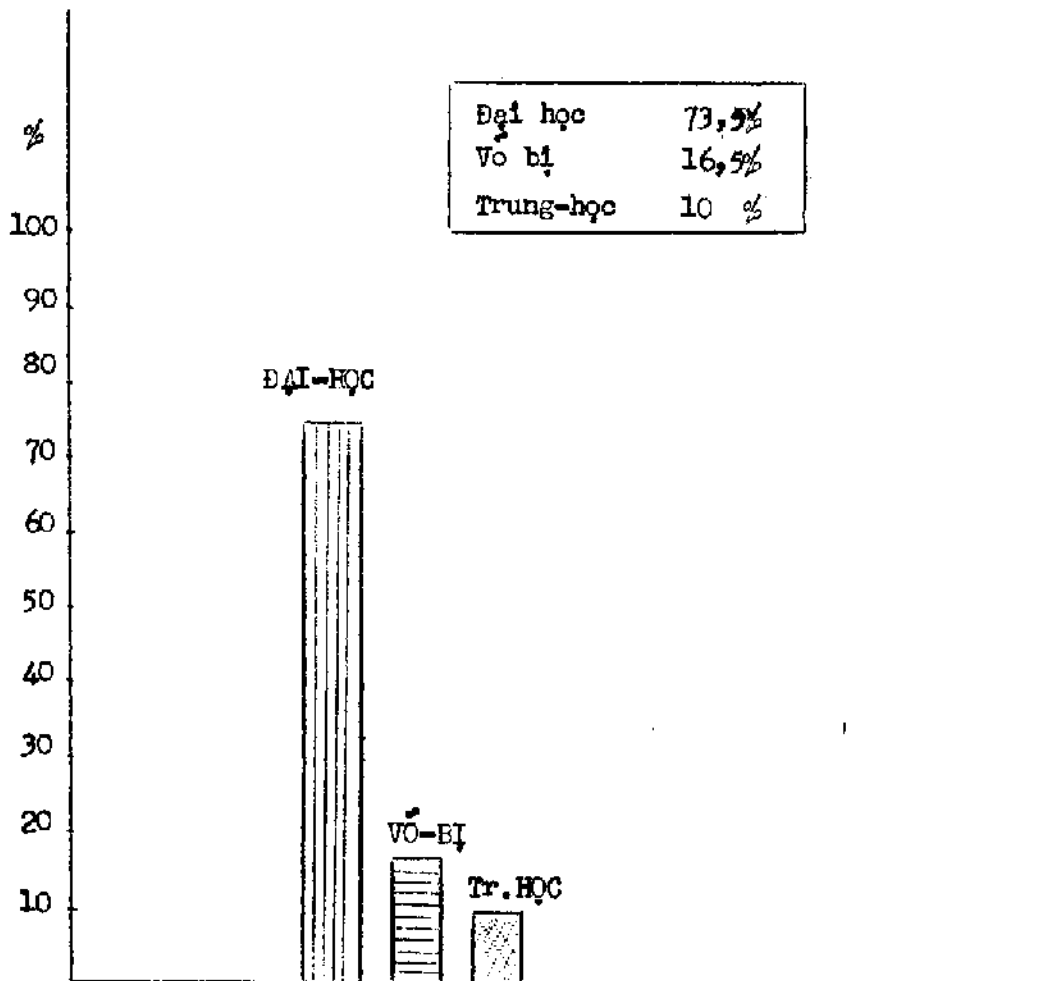
/// HÌNH QUẢN GÁC NHÂN VẬT TRONG 8 NỘI GÁC

HÌNH 2



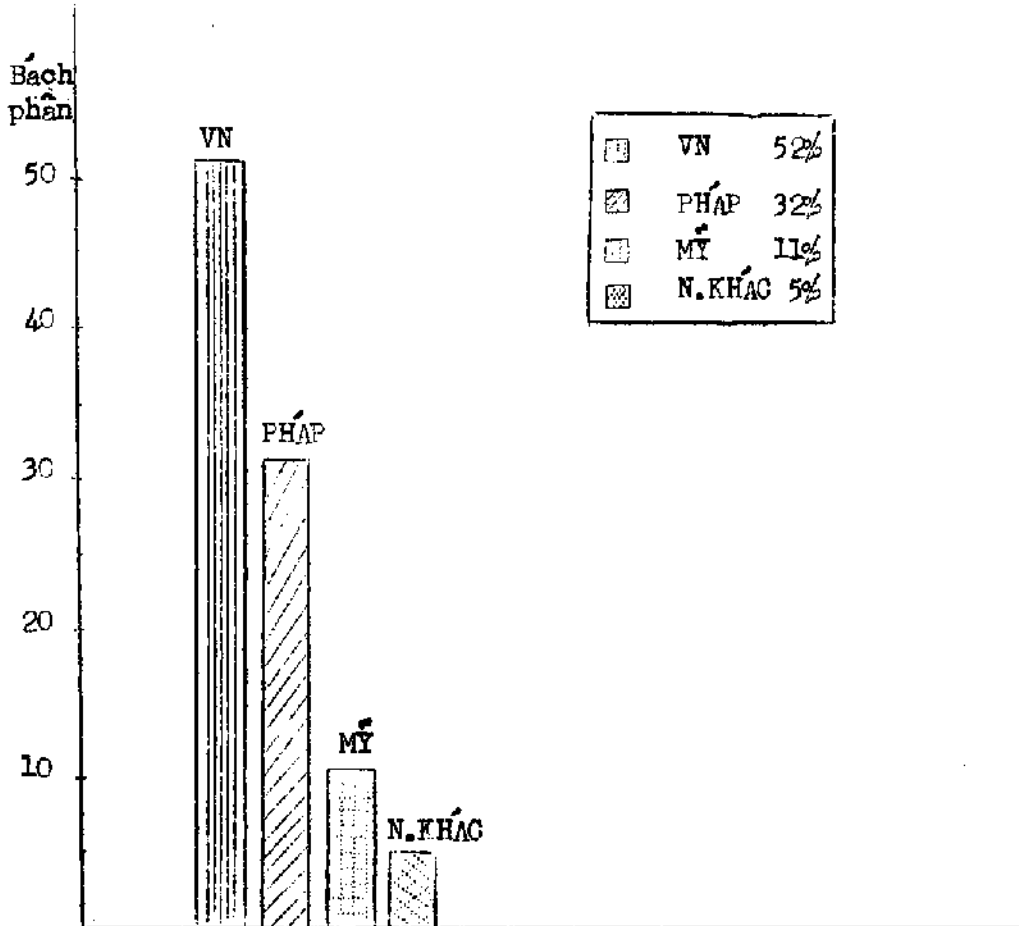
/// HÌNH ĐỒ GIÁC-ĐUG 8 NỘI-CÁC

HÌNH 3



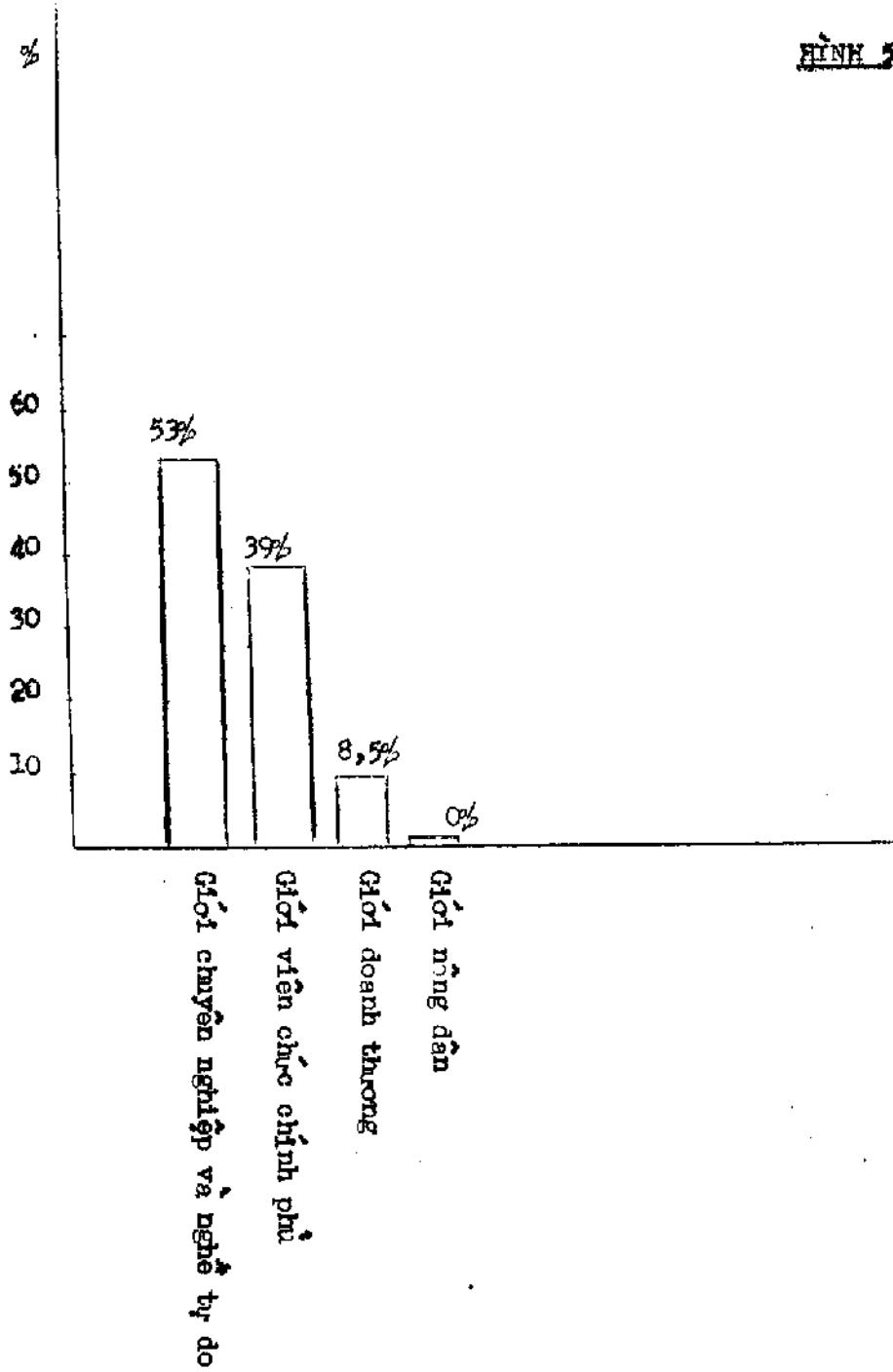
D/ OI GIÁO - DỤC

HÌNH 4



1) / CHẾ - NGHIỆP

HÌNH 5



PHẦN II



NHÌN CHUNG 8 NỘI CÁC

Nếu cuộc nghiên-cứu chỉ chấm dứt sau phần phân-tích những dữ-kiện, nó sẽ chỉ cung-cấp cho chúng ta những hiểu biết vụn-vặt và lẻ-tẻ. Những kiến-thức vụn-vặt và lẻ-tẻ ấy sẽ trở nên hữu-dụng, nếu chúng ta biết phối-hợp lại trong một cái nhìn tổng-quát. Đó là ý-nghĩa công việc chúng ta làm ở phần này.

Chúng tôi không hoàn-toàn hy-vọng sẽ đưa ra những định-luật thật chính-xác liên-quan đến những nội-các sau Cách-Mạng 63. Vì, trước hết những dữ-kiện còn thiếu-sót rất nhiều; hơn nữa những con tính mà chúng tôi thực-hiện cũng có thể sai lầm chút ít. Nhưng chúng tôi hy-vọng, một cái nhìn tổng-quát sẽ cho chúng ta một vài ý-niệm rõ-rệt những sự-kiện như tuổi-tác, tôn-giáo, trình-độ văn-hóa... của những thành-nhân thuộc 8 nội-các này, chúng biến-đổi ra sao và vì những lý-do gì. Để làm nổi bật những thay-đổi ấy, chúng tôi hoàn-toàn dựa vào công việc đối-chiếu giữa những nội-các này với nhau, và nếu có thể những nội-các các nước khác, đặc-biệt là nội-các của Cộng-San Việt-Nam.

I-NHỮNG NHÂN-VẬT LÃNH-ĐẠO NỘI-CÁC SAU CÁCH-MẠNG 63.-

Kể từ sau Cách-Mạng 63, hơn mười năm qua, có tất cả 8 nội-các dưới sự lãnh-đạo của 7 vị Thủ-Tướng, lần-lượt kế tiếp nhau điều-hành guồng máy quốc-gia (Cụ TRẦN-VĂN-HƯƠNG lần đầu lên nội-các vào tháng 11.1964 và lần thứ hai vào tháng 5.1968) trong khoảng thời gian hơn mười năm này, tính trung-bình, cứ hơn một năm lại có một Chính-Phủ mới được

thành-lập. Tuy vậy, trên thực-tế, nhiều Chính-Phủ chỉ kéo dài có vài tháng. Trường-hợp nội-các NGUYỄN-NGOC-THƠ chỉ kéo dài 3 tháng, kể từ tháng 11.1963 đến tháng 2.1964, Nội-các TRẦN-VĂN-HƯƠNG I cũng chỉ có 3 tháng, kể từ tháng 11.1964 đến tháng 2.1965, và nội-các PHAN-HUY-QUÁT kéo dài 4 tháng, kể từ tháng 2.1965 đến tháng 6.1965. Thời gian ngắn ngủi của mỗi nội-các trên đây đã diễn-tả lại những sự rối ren bất ổn của thời gian sau Cách-Mạng 63 gây nên do những mâu-thuẫn và xung-đột nhau giữa những tôn-giáo và chính-đảng.

Trong 7 vị Thủ-Tướng, có 3 vị là quân-nhân và 4 vị là dân-sự. Các vị tướng lãnh lãnh-đạo nội-các đó là các tướng NGUYỄN-KHÁNH, NGUYỄN-CAO-KỶ và TRẦN-THIỆN-KHIÊM. Trong 7 vị Thủ-Tướng này, chỉ có hai vị đã tốt-nghiệp Đại-Học đó là Bác Sĩ PHAN-HUY-QUÁT, Đại-Học Hà-Nội và Luật-Sư NGUYỄN-VĂN-LỘC, Đại-Học Montbellier (Pháp), một vị xuất thân là công-chức đó là Ông NGUYỄN-NGOC-THƠ và một vị xuất thân là Giáo-Chức đó là Cụ TRẦN-VĂN-HƯƠNG.

Những nội-các của Nhật-Bản kể từ năm 1887 đến nay không có vị nào có căn-bản nghề-nghiệp như các Vị Thủ-Tướng Việt-Nam, trừ ra, có một vị cũng là Luật-Sư, đó là Thủ-Tướng KATAYAMA thành-lập tháng 5.1947 (36). Đa số các vị Thủ-Tướng Việt-Nam xuất thân từ lãnh-vực công, trái lại nhiều vị Thủ-Tướng Nhật bước vào chính-trường từ những lãnh-vực tư.

Trong 7 vị Thủ-Tướng Việt-Nam, chỉ có một vị là lãnh-tụ chính-đảng, đó là Bác-sĩ PHAN-HUY-QUÁT, thuộc thành phần Đại-Việt. Trong 11 Vị Thủ-Tướng Nhật từ năm 1887 đến nay chỉ có 4 vị xuất thân là một chính-trị-gia chuyên-nghiệp đó là Ông HATOYAMA.

Về tuổi-tác, vị Thủ-Tướng trẻ nhất của Việt-Nam

Cộng-Hòa là Thủ-Tướng NGUYỄN-CAO-KỶ, 35 tuổi. Thủ-Tướng trẻ nhất của Nhật khi tham chánh đã 54 tuổi, đó là Ông TANAKA. Thủ-Tướng già nhất của Việt-Nam khi tham chánh được 65 tuổi đó là Cụ TRẦN-VAN-HƯƠNG, lập nội-các lần thứ hai hồi tháng 5.1968. Trong khi đó, vị Thủ-Tướng già nhất của Nhật-Bản khi tham chánh là 72 tuổi, đó là Thủ-Tướng ISHIBASHI, lập nội-các vào khoảng tháng 12.1956. So ra, tuổi trung-bình của các Thủ-Tướng Việt-Nam là 51 tuổi và tuổi trung-bình của những Thủ-Tướng Nhật là 63 tuổi. Các nhân-vật Cộng-Sản Bắc-Việt trong Bộ-chính-trị thuộc Ủy-Ban Trung-Ương Đảng trẻ nhất cũng đã 57 tuổi đó là tướng VAN-TIẾN-DŨNG, già nhất là Ông HOÀNG-VAN-HOAN 69 tuổi. Tuổi trung-bình của những nhân-vật này là 63 tuổi (37).

Xem vậy, ta thấy các Thủ-Tướng Việt-Nam quá trẻ. Mà quan-niệm của người Việt-Nam thường lại tỏ ra tôn-kính những người già cả hơn là người trẻ. Những nhân-vật có tuổi thường nhờ các kinh-nghiệm hoạt-động và những thành-tích trong quá-khứ của họ để bảo-đảm những hoạt-động trong hiện-tại. Còn những nhân-vật trẻ thì làm gì có quá-khứ, làm gì có thành-tích hoạt-động? Đó là lý-do mà có tác-giả cho rằng tầng lớp ưu-tú chính-trị Việt-Nam là sản-phẩm của chế-độ thực-dân, của chiến-tranh và của cách-mạng (38) nghĩa là của thời cuộc.

II-NHỮNG NHÂN-VẬT THAM-CHÁNH NHIỀU LẦN NHẤT.-

Trong hơn mười năm qua, kể từ sau Cách-Mạng 63, Miền Nam Việt-Nam liên-tiếp được lãnh-đạo bởi 8 nội-các do 7 vị Thủ-Tướng cầm đầu (Cụ TRẦN-VAN-HƯƠNG hai lần làm Thủ-Tướng), với 219 chiếc ghế Tổng-Bộ-Thủ-Trưởng do 154 nhân-vật thay nhau nắm giữ. Nếu kể luôn cả những lần cải tổ, thay

(37) Phụ bản 6.

(38) David Wurfel, Op.Cit., trang 528.

đổi thành-phần mà cứ dăm ba tháng một nội-các lại thực-hiện thì có vị đã xuất-hiện tới 7 lần, đó là trường-hợp của Ông ĐAM-SĨ-HIỆN, như chúng ta đã đề-cập ở phần trên. Ngoài ra, các vị sau đây luôn luôn hiện-diện trong một nội-các mới thành-lập, hoặc trong một cuộc cải-tổ thành-phần một nội-các cũ, đó là các Ông TRƯƠNG-THÁI-TÔN, NGUYỄN-LƯU-VIỆN, TRẦN-VĂN ĐỖ, TRẦN-THIỆN-KHIÊM, NGUYỄN-VĂN-TUÔNG, TRẦN-LƯU-CUNG, NGUYỄN TẤN-HỒNG, PHẠM-ĐĂNG-LÂM, LƯU-VĂN-TÍNH, BUI-HỮU-TUẤN, LƯU-VĂN-VY, NGUYỄN-VĂN-VỸ, HỒ-VĂN-CHÂM, LÊ-CÔNG-CHẤT, PHẠM-KIM-NGỌC, PHẠM-MINH-DƯƠNG, PAUL NUR, NGÔ-KHẮC-TÍNH, CAO-VĂN-THÂN, LÊ-VĂN-THU, MAI-THO-TRUYỀN, NGUYỄN-VĂN-THƠ, NGUYỄN-BẢO-TRÍ, LÂM-VĂN-TRÍ, TRẦN-MINH-TIỆT, ÂU-TRƯỜNG-THANH, NGUYỄN-VĂN-VÀNG, TRẦN-LỮ-Y, LINH-QUANG-VIỆN và VŨ-QUỐC-THỨC. Đó là những nhân vật đã từng xuất hiện ít nhất 3 lần. Ngoài ra, phải kể đến 39 vị khác có 2 lần tham chánh (bảng 1)

Tổng cộng có 71 vị đã tham chánh ít nhất là 2 lần. Có thể nói 71 vị này là nền tảng của những chính quyền sau Cách-Mạng 63. Một cuộc nghiên-cứu riêng rẽ về những nhân-vật này, chắc-chắn sẽ soi sáng rất nhiều khía cạnh liên-quan đến giới cầm-quyền tại Miền Nam Việt-Nam. Nhưng rất lấy làm tiếc là có nhiều điều chúng ta không thể tìm hiểu được, vì nó chưa đi hẳn vào quá-khứ. Tuy nhiên, trường-hợp Ông ĐAM-SĨ-HIỆN xuất hiện nhiều lần với chức Tổng-Trưởng Lao-Động hoặc Xã-Hội ta có thể giải-thích bằng chính khuynh-hướng chính-trị của Ông. Ông HIỆN là Phó Chủ-Tịch Tổng Liên-Đoàn Lao-Công Việt-Nam năm 1959-1964, Chủ-Tịch Liên-Đoàn Chiến-Hữu Nghiệp-Đoàn Á-Châu 1963-1964. Ông là một nhân-vật rất hoạt-động trong giới nghiệp-đoàn. Và, Tổng Liên-Đoàn Lao-Công Việt-Nam là một tổ-chức nghiệp-đoàn lớn nhất ở Việt-Nam Cộng-Hoa hiện nay, với 460.000 đoàn-viên, gồm có 422 nghiệp-đoàn hội-viên trực-thuộc.

Được biết, cũng như Công-Giáo Việt-Nam, Tổng Liên Đoàn Lao-Công Việt-Nam áp-dụng "chính-sách có mặt" ở chính quyền, và luôn luôn vận-động đưa người tham-gia nội-các,

nắm giữ Bộ Lao-Động (39).

Gần đây, các vi lãnh-đạo Tổng Liên-Đoàn Lao-Công lại đứng ra thành-lập một chính-đảng lấy tên là Đảng Công Nông Việt-Nam, và được coi như một công cụ chính-trị cho giới lao-động.

Có thể coi trường-hợp Ông ĐÀM-SĨ-HIỆN làm Tổng-Trưởng Lao-Động qua nhiều nội các ở Việt-Nam Cộng-Hòa, giống như trường-hợp Bộ-Trưởng Lao-Động NGUYỄN-VĂN-TẠO của Chính-Phủ Bắc-Việt từ nhiều năm nay. Ông TẠO tuy làm Bộ-Trưởng Lao Động của Công-Sản Bắc-Việt, nhưng thật ra tất cả mọi hoạt-động lao-động đều do HOÀNG-QUỐC-VIỆT chi-phối núp sau danh-nghĩa Tổng Liên-Đoàn Lao-Động của Công-Sản Bắc-Việt. Tại miền Nam, con người đứng sau lưng Ông ĐÀM-SĨ-HIỆN là Ông TRẦN-QUỐC-BỬU Chủ-Tịch của Tổng Liên-Đoàn Lao-Công đồng thời của Đảng Công-Nông.

Ngoài Ông ĐÀM-SĨ-HIỆN, những nhân-vật khác hầu hết không thuộc chính đảng nào. Chỉ có Ông HỒ-VĂN-CHÂM thuộc Đại Việt Quốc-Dân-Đảng. Ông TRƯƠNG-THÁI-TÔN thì thuộc Hội Liên-Trưởng và Bác-Sĩ NGUYỄN-LƯU-VIỆN thuộc nhóm trí-thức Caravelle. Tóm lại, hầu hết không tham gia chính đảng, nhưng bước vào nội các từ những đoàn-thể áp-lực.

III-VỀ TUỔI-TÁC.-

Trong 219 nhân-vật thuộc 8 nội-các sau Cách-Mạng 63, ta chỉ có những dữ-kiện về tuổi-tác của 195 vị, 24 vị kia đã không tìm kiếm được (bảng 2).

Tuổi trung-bình của nội-các, cao nhất là 49 tuổi với nội-các PHAN-HUY-QUÁT, thấp nhất là 41 tuổi với nội-

(39) Trần-Thị-Hoài-Trần, lực-lượng chính-trị - Đoàn thể áp lực - (Saigon 1974) tr. 137.

các NGUYỄN-CAO-KỶ. Tuổi trung-bình của tất cả 8 nội các khoảng 45 tuổi. Sự cách biệt tuổi tác trong mỗi nội các thường thường đều trên 30 năm. Nhưng trường-hợp nội-các NGUYỄN-NGOC-THƠ, sự cách biệt ấy chỉ có 23 năm. Sự cách-biệt tuổi tác giữa những người trong cùng một nội các càng ít bao nhiêu, thì sự cảm thông đạt được mỗi khi cần thiết, lại dễ xảy ra bấy nhiêu. Hơn nữa, trường-hợp đó còn chứng tỏ là rất có thể những thành-phần nội-các này đã có một căn bản bằng hữu từ trước khi tham chính. Nhưng cũng vì vậy, nó lại giảm thiểu đi, tính-cách đại-diện rộng-rãi giữa nhiều tầng lớp. Những nội-các không để ý đến sự cách biệt tuổi tác giữa những thành-phần tham-chính, dù cho sự cách-biệt ấy đến vài thế-hệ, như tất cả những nội-các trừ nội-các NGUYỄN-NGOC-THƠ, đã chứng tỏ rằng khi thành-lập, vì Thủ-Tướng đã phải chấp-nhận rất nhiều khuynh-hướng từ rất nhiều những đoàn-thể áp-lực, hay từ những mối tương-quan khác.

Trong trường-hợp chính-phủ Cách-Mạng Lâm-Thời của Cộng-Sản, sự cách-biệt này lên đến 43 tuổi. Đó là sự cách-biệt giữa cụ NGUYỄN-ĐOÀ 73 tuổi và Ông HỒ-HỮU-NHỆT 30 tuổi (40). Sự cách-biệt của nhiều thế-hệ trong chính phủ của Việt-Cộng có chủ-đích là nhằm tạo được sự cảm thông và sự ủng hộ từ nhiều lớp tuổi từ già đến trẻ, trong quần chúng.

Chúng tôi gọi là lớp tuổi chủ-lực, lớp tuổi chiếm đông đảo nhất trong một nội các. Trong 8 nội các, khi thì lớp tuổi chủ lực ở vào lớp 31-40, khi ở vào lớp 41-50. Lớp tuổi chủ-lực có lẽ thay đổi tùy theo tuổi tác của vị Thủ-Tướng. Những vị Thủ-Tướng trẻ như tướng NGUYỄN-CAO-KỶ, 35 tuổi, NGUYỄN-VAN-LỘC 43 tuổi, và tướng NGUYỄN-KHÁNH khoảng 40, khi lập nội-các, đã đưa đến việc nâng tuổi chủ-lực lên lớp tuổi 31-40. Lớp tuổi này ở nội các NGUYỄN-KHÁNH

chiếm 35%, ở nội các NGUYỄN-CAO-KỶ 55%, và ở nội-các NGUYỄN-VAN-LỘC chiếm 48%. Mặc dù trong 3 nội-các này, lớp tuổi 41-50 cũng không kém là bao nhiêu và đứng hạng thứ nhì.

Khi những vị Thủ-Tướng có tuổi khá cao như NGUYỄN NGOC-THO', TRẦN-VAN-HƯƠNG, thì lớp tuổi chủ-lực lại hạ xuống lớp tuổi 41-50. Cả hai nội-các TRẦN-VAN-HƯƠNG I và TRẦN-VAN-HƯƠNG II, tuổi chủ-lực đều là lớp tuổi 41-50.

Nói chung, lớp tuổi tham chánh qua 8 nội các sau Cách-Mạng 63, đông đảo nhất là lớp 41-50 với 37,5%, rồi đến lớp 31-40 với 34%, kế đó là lớp 51-60 với 20%. Lớp tuổi 61-70 chỉ có 7%. Riêng lớp tuổi trẻ 30 trở xuống, qua 8 nội các, chỉ chiếm tỷ số 2%. Như vậy, trường-hợp những nhân-vật quá trẻ tham-gia nội-các là những trường-hợp hết sức đặc-biệt, chắc-chắn phải do những thế-lực rất mạnh từ ngoài đẩy vào nội-các. Những nhân-vật quá trẻ này khi tham-gia nội-các tuổi từ 30 trở xuống, là các Ông TRẦN-QUANG-THUẬN trong nội các NGUYỄN-KHÁNH, Ông NGUYỄN-XUÂN-PHONG trong nội-các NGUYỄN-CAO-KỶ và Ông HÀ-XUÂN-TRUNG trong nội-các TRẦN-THIỆN KHIÊM (hình1).

Trường-hợp Ông TRẦN-QUANG-THUẬN được biết là một nhân-vật tham chánh với tư cách đại-diện cho Phật-Giáo. Còn hai Ông NGUYỄN-XUÂN-PHONG và HÀ-XUÂN-TRUNG thì lý-do chưa được rõ.(41).

(41) Nhiều người đưa ra giả thuyết là Ông Thủ-Tướng HÀ-XUÂN-TRUNG được giữ lại làm Tổng-Trưởng Tài-Chánh sau khi Ông NGUYỄN-BÍCH HUỆ ra khỏi Bộ Tài-Chánh vì gia đình ở PV của Ông TRUNG đã giúp nhiều tài chánh cho Hành Pháp, suốt từ thời Phụ-Tá NGUYỄN-CAO-THUNG còn sống. Ông HÀ-XUÂN-TRUNG, sau khi mất chức Tổng-Trưởng Tài-Chánh tiếp theo những khủng hoảng về thuế trị gia tăng đã xin đi Hoa-Kỳ học thêm.

Còn Ông NGUYỄN-XUÂN PHONG hiện làm Trưởng Phái-Đoàn VNCH tại Hội Nghị La Celle Saint Cloud.

Một điều cần ghi nhận thêm là ở Việt-Nam, hoàn toàn không có vị nào ở lớp tuổi 70 tham chánh. Ngay cái tuổi dưới 70 đã quá ít rồi. Trong khi đó, Chính-Phủ Cách Mạng Lâm-Thời của Việt-Cộng có vị đã 73 tuổi. Lớp tuổi chủ lực trong Chính-Phủ Cách-Mạng Lâm-Thời của Việt-Cộng là lớp 41-50 với tỷ số 37%, cũng giống như lớp tuổi chủ-lực qua 8 nội-các Việt-Nam Cộng-Hòa, sau đó là lớp 51-60 với 33%, và lớp 61-70 với 18%. Lớp tuổi quá già, trên 70, lớp tuổi quá trẻ, 30 trở xuống và lớp tuổi 31-40 đều bằng nhau và ít nhất với tỷ số 4%. Rõ-ràng, như ta vừa nói, lớp tuổi quá già và quá trẻ trong Chính-Phủ Cách-Mạng Lâm-Thời của Việt-Cộng, chỉ được hiện-hữu vì lý do mưu tìm sự cảm thông và hỗ-trợ của mọi tầng lớp già trẻ trong quần chúng.

Lớp tuổi trẻ 31-40 trong Chính-Phủ Cách-Mạng Lâm-Thời nếu chỉ là lớp tuổi để làm cảnh cho vui, thì trái lại đó là lớp tuổi chủ-lực trong nhiều nội-các của Việt-Nam Cộng-Hòa, và qua 8 nội-các cũng là lớp tuổi quan-trọng thứ hai sau lớp 41-50 (phụ-bản 1).

IV-VỀ SINH-QUÁN.-

Thường thường, người ta coi sinh quán là yếu-tố để phân-biệt một người thuộc địa-phương nào. Nhưng riêng yếu-tố này, đôi khi cũng chưa phải là yếu-tố khiến ta quyết định địa-phương của một nhân-vật. Người ta còn căn cứ vào giọng nói để phân-biệt địa-phương của người đó. Tuy vậy cả hai yếu-tố sinh-quán và giọng nói, trong nhiều trường-hợp không giúp ta truy-lùng được gốc gác địa-phương của một nhân-vật. Lúc đó, ta chỉ còn cách tìm hiểu gốc gác của chính cha mẹ, gia-đình của nhân-vật đó. Chúng tôi đã dùng cả 3 tiêu chuẩn trên để tìm hiểu nguồn-gốc địa-phương của các nhân-vật nội-các.

Tinh-thần địa-phương đã chi-phối rất nặng-nề trong sinh-hoạt chính-trị tại Việt-Nam Cộng-Hòa. Chúng ta hãy tìm hiểu sơ qua lý-do của sự kỳ thị này.

Trước hết, về địa-lý hình thể nước Việt-Nam, với phong-thổ rất khác biệt nhau. Miền Nam gần xích-đạo khí-hậu nóng bức. Miền Bắc một năm bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông thay đổi rõ-rệt. Miền Trung luôn luôn bão lụt, lại có gió Lào nóng bức. Khí-hậu đã làm tâm-hồn con người khác nhau. Sự phong-phú về tài-nguyên thiên-nhiên đem đến những sự phát-triển khác nhau của mỗi miền, cũng thay đổi tâm-hồn con người.

Ngoài ra, về lịch-sử Việt-Nam, chúng ta thấy cái khối lương thuận-nhất của người Việt-Nam ngày càng mất đi, có lẽ bắt đầu từ những cuộc Nam tiến chiếm đóng và đồng hóa các lân quốc ở phương Nam. Kích thước đất đai ngày càng dài thêm, đường giao-thông trắc-trở, phương-tiện truyền-thông yếu kém đã là nguyên-do sự cách biệt giữa người ở lại và kẻ ra đi chinh-phục. Người ở lại, giữ nguyên phong-tục và tập-quan cổ-truyền. Kẻ ra đi có thể tự do hơn khi phải tôn-trọng hay dẹp bỏ những tập-tục kia. Thêm vào đó, nếu kẻ đi chinh-phục ảnh hưởng văn-hóa của mình đến dân địa-phương, thì ngược lại, dân địa-phương cũng ảnh-hưởng ngược lại họ. Ngôn-ngữ của người Việt miền Nam có rất nhiều âm mượn của người Chăm. Văn-hóa của dân bản-xứ đã ảnh hưởng đến ngôn-ngữ, tập-quan, tác-phong và ngay cả đến nhân sinh quan của người Việt miền Nam, khiến cho ngày càng xa cách với khối người Việt còn ở lại trong vùng châu-thổ sông Hồng-Hà. Theo quan-điểm của Nhà Xã-Hội-Học P. HAUSER, thì sự thay đổi về hình thể xã-hội, đã biến đổi sâu xa bản-chất con người, ảnh hưởng đến tác-phong con người cũng như đến tổ-chức xã-hội.

Ngoài ra, những sự phân chia đất nước Việt-Nam trong lịch sử có thể cũng đã là nguyên-do khiến sự cách biệt địa-phương gia tăng. Cuộc Trịnh-Nguyễn phân tranh kéo dài hàng thế-kỷ đã là sự phân chia đầu tiên người Việt-Nam ra thành "người đường ngoài" và "người đường trong".

Sau đó, dưới Triều Tây-Son, đất nước lại chia làm ba. Anh em Nguyễn-Huệ, Nguyễn-Nhạc và Nguyễn-Lữ mỗi người chiếm giữ một vùng.

Tuy vậy, nếu chỉ với những lý-do địa-lý và lịch-sử trên đây, không dễ gì đã làm cho người Việt-Nam kỳ thị địa-phương nhau. Sự kỳ thị địa-phương có thể là hậu quả và công-trình của chính sách cai-trị thâm độc của người Pháp sau khi đặt chân lên và đô hộ nước ta gần một trăm năm.

Cho nên ngoài lý do địa-lý, lịch-sử phải kể đến lý-do chính-trị, gây nên do chính-sách cai-trị của Pháp, đã kết-hợp nhau làm gia-tăng sâu sắc vấn-đề kỳ thị Trung Nam Bắc.

Chính sự phân chia nước Việt-Nam thành ba kỳ, với chính sách chia để trị của thực dân Pháp, đã đào sâu thêm những sự chia rẽ địa phương đã có từ trước, mà ảnh hưởng còn sâu xa đến ngày nay. Mỗi miền bị cai-trị theo một chế-độ riêng biệt bằng những luật-lệ riêng biệt. Đồng thời sự phát-triển kinh-tế mỗi miền lại không đồng đều. Đó là những yếu-tố gia-trọng cho những sự khác biệt địa-phương. Sau Thế Chiến Thứ Hai, thực dân Pháp còn tìm cách phát-động phong-trào tự-trị ở miền Nam để chống lại phong-trào quốc-gia đòi độc-lập thống-nhất.

Dẫu sao thì sự kỳ thị địa-phương cũng không ảnh-hưởng gì đến tinh thần ái quốc của giới sĩ-phu 3 miền, trong suốt thời kỳ hợp-tác chặt-chẽ trong các phong-trào chống ngoại xâm.

Sự kỳ thị ấy được thể-hiện ở những mức độ thấp hơn, nó chỉ nhối những phe nhóm địa-phương trong việc kiểm-soát chính-quyền và bộ máy hành chính. Ta sẽ thấy tinh-thần địa-phương ảnh hưởng trên chính sách nhân sự của các nhân vật lãnh-đạo nội-các. Ngoài gia-đình, thì địa-phương là một yếu tố khiến người ta có thể suy đoán được mức độ của sự trung-thành. Hiện-tượng kỳ thị địa-phương thường xảy ra trong hàng ngũ những tầng lớp ưu tú hơn là trong đám bình-dân.

Trong suốt 8 nội-các sau Cách-Mạng 63, người ta luôn luôn thấy thành-phần người Nam chiếm tỷ số lớn nhất so với

hai thành phần người Trung và người Bắc, bất kể vị Thủ-Tướng là người miền nào. Điều đó không diễn-tà được sự kỳ-thị địa-phương, mà chỉ chứng tỏ là các vị Thủ-Tướng đều thừa nhận vai trò quan-trọng của người Nam trong sinh-hoạt chính-trị tại miền Nam Việt-Nam (bảng 3).

Tuy vậy, nếu có sự chênh-lệch quá đáng giữa những thành phần địa-phương thì mới có thể tố cáo sự kỳ thị này. Trường-hợp duy nhất này là trường-hợp nội-các NGUYỄN-NGOC-THO' với tỷ số 86% là người Nam, khiến cho ta có cảm tưởng đó là một thứ Chính-Fru Nam-Kỳ tự-trị của thời thuộc-địa trước kia. Mặc dầu tất cả những nội-các sau Cách-Mạng 63, trong đó các vị Thủ-Tướng là người Nam, thì luôn luôn người Nam trong nội-các phải chiếm đa số, nhưng không bao giờ lại chiếm đa số đến mức hầu như bỏ quên hẳn hai thành-phần địa-phương Trung và Bắc như trong nội-các của Ông NGUYỄN-NGOC-THO'.

Tác giả DAVID WURFEL giải-thích trường-hợp này như một phản-ứng lại thái-độ kỳ thị mà Ông NGÕ-DINH-DIEM đã có đối với người Nam khi toàn-thể nội các đầu tiên của Ông DIEM không có bóng dáng một nhân-vật nào người Nam. Tác giả cũng nhận xét rằng không có một nội-các nào sau nội-các của Ông DIEM mà lại có nhiều người Trung như nội-các DIEM vì Ông DIEM là người Trung (42), để mô tả sự kỳ thị địa-phương của Ông DIEM.

Có điều ta không thể giải-thích được là luôn luôn trong tất cả những nội-các sau Cách-Mạng 63, tỷ số người Trung đứng sau chót, trừ ra với nội-các NGUYỄN-KHÁNH, người Trung đứng thứ nhì sau người Nam. Ngay cả trong nội-các HAN HUY-QUÁT, một nhân-vật quê ở Hà-Tĩnh, thành-phần người Trung vẫn ít nhất. Chúng tôi tạm giải-thích cái lý do mà trong hầu

(42) David Wurfel, Op.Cit., tr. 537.

hết những nội-các sau Cách-Mạng 63, tỷ số tham chính của Người Trung đều sau người Nam và người Bắc, vì thành-phần ưu-tú chính-trị gốc miền Trung thường không tụ tập ở Thủ-đô Saigon đông đảo như người Bắc, trái lại họ phân tán và sinh hoạt rải-rác khắp các tỉnh miền Trung nhất là tại Huế và Đà-Nẵng.

Tất ra, cái lối nhìn vào tỷ số thành-phần địa-phương để quyết-định một nội-các nào đó có sự kỳ thi Trung Nam Bắc cũng là lối nhìn có phần phiến diện. Thành phần dân số của 3 miền Trung, Nam, Bắc sinh sống tại Việt-Nam Cộng-Hoa, tổng số những tầng lớp ưu tú của 3 miền, sẽ là những yếu-tố bổ-túc thêm cho quyết-định trên, Chẳng hạn, chúng ta hãy để ý đến thành-phần dân số 3 miền Trung-Nam-Bắc sống tại Việt-Nam Cộng-Hoa. Nếu trong 19 triệu dân, trong đó đa số là dân miền Nam và dân miền Trung, thì với khoảng trên một triệu người Bắc di cư mà có mặt qua 8 nội-các với tỷ số là 29,5%, thì đó lại là tỷ số quá lớn. Và tỷ số 51% người Nam qua 8 nội-các này dù lớn nhất, nhưng chưa tương xứng với khối dân miền Nam đông đảo hiện nay. Tỷ số 19,5% người Trung qua 8 nội-các, dù là dân miền Trung cũng rất đông, quả nhiên là tỷ số quá thấp. Còn địa-vị của đồng bào sắc-tộc thiểu-số, với 1% trong những nội-các sau Cách-Mạng 63, chỉ có ý-nghĩa một sự có mặt cho đẹp lòng dân sắc-tộc, và cũng để tránh được những mặc cảm và chống đối của người Thượng như trong phong trào Fulro nổi lên hồi tháng 9.1964 ở Ban-Mê-Thuột. Những sắc-dân khác, như Chăm, Miên hoặc Việt gốc Hoa không thấy có mặt trong những nội-các sau Cách-Mạng 1963.

Trong tất cả 8 nội-các, chỉ có nội-các TRẦN-THIỆN-KHIÊM có một tỷ-lệ về địa-phương tương đối khá đồng đều, với 37% Nam, 32% Bắc, 26% Trung và 5% sắc-tộc.

Một vài tác-giả đã ghi nhận rằng từ năm 1966, sự kỳ thi địa-phương trong giới chính-trị Việt-Nam đã được báo giới và chính giới Hoa-Kỳ đặc-biệt chú-ý, nhất là với cuộc khủng-hoảng nội-các trước khi có Hội-Nghị Ma Ní 1966 và cuộc ám sát Ông TRẦN-VAN-VAN sau đó. Thời gian này là lúc

các giới tỏ ra quan-ngại trước sức mạnh của tình cảm địa-phương. Người ta cũng còn nhớ cuộc trắc-nghiệm của Ông SCIGLIANO về 186 công-chức vào năm 1961 đã tiết-lộ có một sự lẫn át rõ-rệt có tính cách kết-hợp giữa người Bắc và người Trung, đối với người Nam, dù rằng hai phần ba dân số Việt-Nam Cộng-Hòa là người Nam (43) được biết thời gian mà sự kỳ thi địa-phương trong hàng ngũ giới ưu-tú chánh-trị ở Saigon trở nên trầm-trọng hơn nhất, là vào giữa lúc nội các NGUYỄN-CAO-KỶ. Tinh-thần kỳ thi địa-phương ấy âm ỉ và lại trở nên trầm-trọng hơn vào thời Nội-các TRẦN-VĂN-HƯƠNG II vào năm 1968, đến nỗi, ngày 18.5.1968, Tổng-Thống NGUYỄN-VĂN-THIỆU phải xuất hiện trên Đài Truyền-Hình Việt-Nam và tuyên-bố thanh-minh cho Thủ-Tướng HUÔNG là nội-các TRẦN-VĂN-HƯƠNG (II) không kỳ thi Nam Bắc (44).

Về phía Chính-Phủ Cách-Mạng Lâm-Thời của Việt Cộng chúng ta cũng nghe nói có sự kỳ thi giữa thành-phần cán-bộ cao cấp miền Bắc và miền Nam trong giới lãnh-đạo Cộng-Sản ở miền Nam. Tuy vậy, chúng ta thiếu dữ-kiện về việc này.

Tuy vậy, thành-phần địa-phương trong Chính-Phủ Cách-Mạng Lâm-Thời này 80% là gốc miền Nam, 16% gốc miền Trung chỉ có 4% gốc miền Bắc (Phụ bản 2).

V-VỀ TRÌNH-ĐỘ VĂN-HÓA

Trong những nội-các sau Cách-Mạng 63 không còn thấy bóng dáng của những nhà Nho thuần-túy. Thời NGÔ-ĐÌNH-DIỆM, tỷ-lệ giới này trong nội-các là 8% (45). Giới Nho Học tại

(43) Robert Scigliano, 'South Vietnam: Nation under Stress', Boston 1963, tr. 51.

(44) Đoàn thêm, 1968. Việc từng ngày, trang 87.

(45) Jerry Mack Silverman, "Political Elites in South VN : A national and Prowncial compar ison", tạp chí Asian Survey, tháng 4/1970, Vol I, số 4, trang 294.

Trung-Hoa, vào năm 1924 chiếm tỷ số 25% trong Chính-Phủ, và đến năm 1945 tỷ số ấy xuống chỉ còn 3,6% (46). Vấn-đề đào tạo tầng lớp khoa-băng nho học ở Việt-Nam được chấm dứt vào năm 1918 nghĩa là đã 56 năm nay. Những nhà Nho cuối cùng có lẽ chỉ hiện diện trong nội-các của Ông NGŨ-ĐÌNH-DIỆM. Nhiều người cũng cho rằng trường-hợp Cụ MAI-THỌ-TRUYỀN và Cụ TRẦN-VĂN-HƯƠNG cũng được coi là những nhà Nho cuối cùng. Nhưng thật ra, Cụ MAI-THỌ-TRUYỀN dù được tiếng là uyên-thâm Nho học nhưng cụ lại được giáo-dục tại một trường học Pháp, theo chương-trình Pháp đó là trường Chasseloup Laubert ở Saigon. Vả lại, nay thì Cụ MAI đã qua đời rồi. Còn Cụ TRẦN-VĂN-HƯƠNG vào khoa thi Hương cuối cùng của Triều Nguyễn, năm 1918, cụ mới có 15 tuổi. Hơn nữa, sự bãi bỏ việc học chữ Nho tại Nam-Kỳ được người Pháp thực hiện ngay từ năm 1862 khi họ bắt đầu chiếm đóng tại đây. Có lẽ Cụ NGUYỄN-ĐOÀ trong Chính-Phủ Cách Mạng Lâm-Thời của Việt-Cộng với số tuổi nay đã 78, Cụ PHAN-KẾ-TOẠI trong Chính-Phủ Cộng-Sản Bắc-Việt nay đã 82 tuổi và một nhà Nho nữa không rõ tuổi là HOÀNG-MINH-GIÁM bút hiệu là CHU-THIÊN trong Chính-Phủ Cộng-Sản Bắc-Việt mới được coi là những nhà Nho sau cùng tham chánh của phía bên kia.

Với thời gian, tầng lớp ưu tú cổ-truyền đã lui dần vào dĩ vãng, nhường lại cho tầng lớp ưu tú mới mà tại quốc-nội, năm 1918, năm thành lập Viện Đại-Học Hà-Nội là năm đánh dấu một kỷ-nguyên mới của nền giáo-dục ảnh-hưởng Tây-Phương, nền giáo-dục đã đào tạo ra họ.

Trong tất cả 8 nội-các, giới tốt-nghiệp Đại-Học và Cao-Đẳng Kỹ-Thuật, đều chiếm đa số với 73,5% trong thành-phần các nội-các. Tỷ số của giới này lên cao nhất trong hai nội các PHAN-HUY-QUÁT với 83% và nội-các NGUYỄN-VĂN-LỘC với 82%. Bác-Sĩ QUÁT và Luật-Sư LỘC là 2 vị Thủ-Tướng duy nhất trong số 7 vị Thủ-Tướng, đã tốt-nghiệp Đại-Học. Có thể nói

(46) Harold D. Lasswell, Op.Cit., tr.455.

đó là lý-do khiến nội-các của hai Ông đồng đảo giới Khoa-bảng Đại-học, hơn tất cả những nội-các còn lại (xem bảng 5).

Thành-phần có học-lực bậc Trung-học trong tất cả 8 nội các chiếm ít nhất, so với giới khoa-bảng đại-học và giới võ-bị, với tỷ-số 10%. Tuy vậy, trong hai nội các mà giới này chiếm số đông nhất, so với những nội các khác, là nội-các TRẦN-VAN-HUONG II với 27% và nội-các NGUYỄN-NGOC-THO với 20%. Được biết hai vị Thủ-Tướng này không thuộc giới khoa bảng đại-học. Có thể nói đó là lý-do khiến hai Ông không quá đặt nặng vào tiêu chuẩn bằng cấp đại-học, mà quên hẳn những giới khác tuy bằng cấp thấp hơn, nhưng có thể có khả năng không khác gì giới khoa-bảng đại-học (hình 3).

Dù sao thì hai trường-hợp này - trường-hợp nhiều thành-phần khoa-bảng đại-học nhất, và trường-hợp nhiều thành phần có học lực trung-học nhất, với sự trùng-hợp của một trường-hợp là hai vị Thủ-Tướng đều có bằng cấp Đại-Học và trường-hợp kia hai vị Thủ-Tướng không có bằng-cấp đại-học, khiến ta có thể kết-luận là bằng cấp văn-hóa một vị Thủ-Tướng đạt được rất liên-hệ đến sự lựa chọn một nhân-vật có hay không có bằng cấp văn hóa cao tham gia nội-các của mình.

Giới tốt-nghiệp võ-bị ở đây gồm các sĩ-quan cao cấp trong quân-đội, đã hiện-diện trong tất cả những nội-các sau Cách-Mạng 63 với tỷ số 16,5%. Đó là tỷ số quá ít so với Nam Hàn những năm sau chiến-tranh với hơn một phần ba hay trên 30%, trong tổng số 119 những nhân-vật nội các Nam-Hàn có nghề-nghiệp là quân-đội (47). Như vậy, vai trò của giới quân-sự trong những nội-các tại Việt-Nam còn ít quan-trọng hơn giới quân-sự Đại-Hàn, trong những nội các vào thời kỳ 1952-1962. Giới quân-sự ở Việt-Nam thích đứng ở bên ngoài mà cai-trị, đó là điều khác biệt giữa hai chế-độ quân-nhân ở Saigon và Hán Thành.

(47) David. Wurfel, Op.Cit., tr. 542.

So sánh thành-phần quân-sự qua 8 nội-các, ta thấy tỷ số giới này đồng nhất trong những nội-các NGUYỄN-NGOC-THO' với 20%, nội-các NGUYỄN-KHÁNH với 26,5% và nội các NGUYỄN-CAO-KỶ với 23%. Sự đồng đảo ấy được giải-thích bằng những thời kỳ vàng son của quân-đội hoặc là sau một cuộc cách-mạng (nội-các NGUYỄN-NGOC-THO'), hoặc là sau một cuộc chỉnh lý (nội-các NGUYỄN-KHÁNH), hoặc là sau những thất-bại liên-tiếp do giải-pháp chính-phủ dân-sự gây nên làm xáo trộn trật-tự xã-hội dọn đường cho quân-đội hùng-dũng và đầy tự tin trở lại chính-trường (nội-các NGUYỄN-CAO-KỶ).

Về giới lãnh-đạo quân-sự tại Việt-Nam sau Cách-Mạng 63, tác-giả WURFEL đã đưa ra nhận xét là tất cả những nhân-vật quân-sự trong những nội-các từ sau Cách-Mạng 63, đều đã từng phục-vụ dưới quyền chỉ-huy của người Pháp trước năm 1954. So với Nam-Hàn, dù tướng PHÁC-CHÍNH-HY và những sĩ-quan cao cấp khác của Cao-Ly đã từng phục vụ trong những lực lượng của người Nhật, nhưng công vụ của họ, đã chấm dứt từ gần mười năm trước so với các tướng lãnh Việt-Nam chỉ mới thôi phục vụ cho Pháp từ năm 1954. Ông WURFEL cũng nói rõ là không vị tướng lãnh Cao-Ly nào trước kia đã được lệnh đàn áp những người quốc-gia Cao-Ly. Thành-phần Việt-Nam trên cũng không thể so sánh với Sĩ-Quan Nam-Dương là những người đã nhận nhiều huy-chương chiến-đấu chống lại thực dân Âu-Châu.

Xem như vậy, Ông WURFEL có ý chê bai cái quá-trình của các vị tướng lãnh Việt-Nam là đều đã phục-vụ cho thực-dân.

Tóm lại, về trình-độ văn-hóa hầu hết các nhân-vật nội-các Việt-Nam sau Cách-Mạng 63 đều tốt-nghiệp đại-học hoặc Cao-Đẳng Kỹ-Thuật, một số rất nhỏ chỉ có sức học trung học. Ngoài ra, với một tỷ số không quá nhiều, như nhiều nước có chế-độ quân-nhân, sự hiện-diện của quân-nhân trong những nội-các sau Cách-Mạng 63 chỉ chiếm 16,5% (xem hình 3)

Trong số 219 nhân-vật thuộc 8 nội-các mà ta nghiên

cứu nguồn gốc căn-bản giáo-dục của họ, nghĩa là nơi họ được học tập để trở nên những phần tử ưu tú của xã-hội, ta không có trong tay những dữ-kiện về loại này của 13 nhân-vật. Chỉ còn 206 vi ta có thể nghiên-cứu (bảng 6).

Trong số những vi đã tham gia 8 nội các, 52% là những vi được giáo-dục hoàn toàn ở trong nước, 32% được giáo dục tại Pháp hoàn toàn hoặc là trước học ở trong nước sau sang Pháp để hoàn tất việc học, và chỉ có 11% những vi được giáo dục ở Mỹ hay vừa ở trong nước vừa ở Mỹ. Những nước khác như Bỉ, Thụy-Sĩ, Anh Quốc, Nhật-Bản, Trung-Hoa chỉ huấn-luyện để chiếm được tỷ số 5% trong những nhân-vật nội các Việt-Nam Cộng-Hòa (xem bảng 6).

Trong tất cả 8 nội-các, ít nhất là một nửa trở lên là các nhân-vật đã được giáo-dục tại bản-xứ. Cụ TRẦN-VAN-HƯƠNG và Bác-Sĩ PHAN-HUY-QUÁT là hai vị Thủ-Tướng ưa chuộng bằng cấp Việt-Nam hơn hết. Chỉ riêng Thủ-Tướng NGUYỄN-VAN-LỘC, là trường-hợp duy nhất, trong đó nội-các của ông thành phần được giáo-dục ở Việt-Nam lại chiếm ít hơn nhất so với những nội-các khác, và ít hơn so với thành-phần được giáo-dục tại Pháp trong cùng nội-các này. Ta biết rằng Thủ-Tướng LỘC là một nhà khoa-bảng Pháp, trong khi Thủ-Tướng HƯƠNG và Thủ-Tướng QUÁT học tại Đại-Học Hà-Nội. Như vậy, có lẽ nơi mà vị Thủ-Tướng được giáo-dục đã ảnh-hưởng rất nhiều trong công việc thành lập nội-các của Ông. Luật-Sư LỘC học ở Tây, nội-các của Ông tràn-ngập các nhà Khoa-Bảng Pháp. Cụ-HƯƠNG và Bác-Sĩ QUÁT học trong nước, tại trường Đại-Học Hà-Nội, nên nội-các của hai vị này cũng tràn-ngập những vi khoa-bảng bản-xứ. Sự kiện này cũng có thể dùng để giải-thích tại sao nội-các PHAN-HUY-QUÁT lại tràn-ngập người Bắc, tới 48%. Đó là tỷ số đồng nhất của người Bắc trong 8 nội các sau Cách-Mạng 63 (xem bảng 3).

Nội-Các PHAN-HUY-QUÁT có tới 40% là các nhân-vật tốt-nghiệp tại Đại-Học Hà-Nội. Và người Bắc thường học ngay ở Đại-Học Hà-Nội và ít khi đi du học Pháp như người Nam. Riêng Đại-Học Hà-Nội đã sản-xuất được 26% trong tỷ số các

nhân-vật được giáo-dục tại nước nhà trong 8 nội-các, như ta nói ở trên với tỷ số 52%. Như vậy có nghĩa là, nếu một nửa số nhân-vật thuộc 8 nội-các sau Cách-Mạng 63 được giáo dục tại bản xứ, thì riêng Đại-Học Hà-Nội sản-xuất một nửa trong số đó, nửa còn lại được giáo-dục tại Saigon và những nơi khác trong nước (phụ-bản 9); Nếu bảng cấp Việt-Nam luôn luôn không quá chênh-lệch nhau trong tất cả những nội-các, thì bảng cấp Pháp, trừ trường-hợp trong nội-các của Thủ-Tướng LỘC cũng luôn luôn không chênh-lệch nhau quá đáng. Trái lại, bảng cấp Mỹ trong những nội-các trội xụt bất thường. Có hai nội các là nội-các NGUYỄN-NGỌC-THƠ và nội-các PHAN-HUY QUAT hoàn toàn vắng bóng các nhân-vật khoa-bảng Mỹ. Các nhân vật khoa bảng Mỹ luôn luôn phải nhường bước trước các nhân-vật khoa-bảng Pháp trong suốt 8 nội-các. Tuy vậy, địa-vị của nền giáo-dục tại Mỹ quốc bỗng lên cao nhất, gần ngang hàng với Pháp, trong nội-các TRẦN-THIỆN-KHIÊM, với tỷ số 28% trong khi bảng cấp Pháp 29%. Có thể nói nội-các TRẦN-THIỆN-KHIÊM là nội-các đầu tiên mà các nhà khoa-bảng Mỹ đã chiếm được ưu thế quan-trọng ngang hàng với các nhà khoa-bảng Pháp. Với tỷ số có 5%, tỏ ra ảnh-hưởng văn-hóa của các nước khác trong 8 nội-các Việt-Nam Cộng-Hòa rất là khiêm-tốn, và không đáng kể so với ảnh-hưởng đang lên của người Mỹ và ảnh-hưởng vẫn còn trội yếu của người Pháp.

Thật ra, muốn nhận rõ được ảnh hưởng của nền văn-hóa Pháp tại nước này, không phải chỉ căn cứ riêng vào tỷ số các nhà khoa bảng Pháp trong 8 nội các sau Cách-Mạng 63. Trái-lại, ta phải lưu ý rằng tỷ số 52% các nhà khoa bảng bản xứ trong những nội các này, cũng là sản-phẩm của nền giáo-dục của người Pháp tại đây, vì tất cả các trường Đại-Học, ở Việt-Nam - nơi đào tạo các phân tử ưu tú trên, đều rập theo khuôn mẫu của các Đại-Học Mẫu-quốc trước kia. Cho mãi tới gần đây, các trường Đại-Học mới dùng tiếng Việt thay tiếng Pháp làm chuyên ngữ, và chương-trình huấn-luyện có thay đổi do ảnh-hưởng của nền văn-hóa Mỹ do các nhà khoa-bảng từ Mỹ trở về đem lại, nhưng sự thay đổi ấy cũng chẳng là bao. Xem thế ta mới thấy ảnh hưởng văn-hóa Pháp sâu xa tới mức nào tại xã-hội Việt-Nam, mặc dù người Pháp đã ra đi hai chục năm nay (hình 4).

Tóm lại, ta thấy trong 8 nội-các kể từ sau Cách-Mạng 63 đến nay ảnh-hưởng của nền văn-hóa Pháp, đến từ các nhà khoa-bảng Pháp hay từ các nhà khoa-bảng Việt được đào tạo do các trường Đại-học bản xứ rập khuôn các Đại-Học Pháp, là 1 thứ ảnh hưởng trội yếu nhất, nó bao trùm và lấn át tất cả những ảnh-hưởng khác (hình 4).

Ngoài ra, chúng ta cũng nên chú ý rằng giữa sinh quán của một nhân-vật nội-các và nơi học của người này cũng có một mối tương quan rõ-rệt. Ta thấy trong 219 nhân-vật thuộc 8 nội-các, trừ 20 vị không biết rõ nơi học hoặc sinh quán, còn lại 199 vị kia, thì 96 vị học tại Việt-Nam, 71 vị học tại Pháp, 24 vị học tại Mỹ và 8 vị học ở những nơi khác hay tính theo tỷ số như ở trên là 52% khoa bảng bản xứ, 32% khoa-bảng Pháp, 11% khoa bảng Mỹ và 5% khoa-bảng thuộc những quốc-gia Âu-Mỹ khác kể cả Nhật-Bản.

Ta thấy 50% các nhân-vật người Bắc học tại Việt-Nam, 30% học tại Pháp, 15% học tại Mỹ và 5% tại nước khác,

Người Trung trong những nội-các này, thì 39% học trong nước, 33% học tại Pháp, 18% học tại Mỹ và 10% học tại nước khác,

Còn các phần tử ưu tú người Nam trong 8 nội các này, có 47% học tại Việt-Nam, 42% học tại Pháp, 8% học tại Mỹ và 3% học tại nơi khác.

Ta thấy rằng mặc dầu cả ba miền, đều du học Pháp nhiều hơn là Mỹ, nhưng so sánh riêng trong tỷ số đi Mỹ của 3 miền Trung Nam Bắc, ta thấy người Nam ít đi Mỹ nhất với 8%, người Trung đi Mỹ nhiều nhất, 18%. Có thể giải-thích sự-kiện này, là người Nam có lẽ còn chịu ảnh-hưởng sâu đậm văn-hóa Pháp, chưa đoạn tuyệt được với người Pháp do đó, không ưa Mỹ. Trong khi đó, ảnh-hưởng của Văn-hóa Pháp đối với người Trung và người Bắc không quá nặng-nề như với người Nam nên họ thích du học Mỹ hơn người Nam.

Nhiều tác giả cũng đồng ý về điểm này. Ông WURFEL khi phân-tích vai nôi-các Việt-Nam trong khoảng thời gian từ 1962 đến 1965, đã thừa nhận có sự liên quan giữa địa-phương và giáo-duc. Tuy vậy, Ông lại quan-niệm địa-phương với một ý-nghĩa chính-trị. Ông chỉ chia ra Nam và Bắc : Người Nam bao gồm luôn cả Nam Trung Phần và người Bắc bao gồm Bắc Trung Phần. Cuộc nghiên-cứu của Ông đưa đến kết-quả là quá nửa số người Nam đã được du học ở Pháp, trong khi không đến 15% người Bắc đã du học Pháp. Không đến một nửa số người Bắc du học ở ngoại quốc, và trong số người Bắc du học ngoại quốc thì một nửa là đi Mỹ. Vào thời-kỳ 1962-1965 tác giả thấy không có nhân-vật nôi-các người Nam nào đã có căn bản giáo-duc ở Hoa-Kỳ. Theo tác giả, trong nhón quan của người Nam thì người Bắc quá mật-thiết với người Mỹ và trong nhón quan của người Bắc thì người Nam lại quá thân Pháp (48).

Sự phân chia ra hai thành phần Nam và Bắc này cũng khám phá ra vài điều có giá-trị ở trên, nhưng tiếc rằng đã bỏ qua mối tương quan của người Trung với nơi học, như chúng ta thấy (bảng 7), người Trung có một tỷ số du học Mỹ là 18%, là tỷ số cao nhất so với người Bắc 15% và người Nam 8%.

So với Chính-Phủ Cách-Mạng Lâm-Thời của Việt-Cộng, trước hết ta thấy trong chính phủ Việt-Cộng, tỷ số có học lực bậc Trung-Học chỉ là 6%, tỷ số nhân-viên có học lực Đại học hay Cao-Đẳng chuyên-nghiệp là 81% và quân-đội có tỷ số là 13% (phụ bản 3). Nếu sự hiện-diện của giới quân-sự trong 8 nôi các của Việt-Nam Cộng-Hòa là 16,5% được giải-thích như một dấu hiệu của chế-độ quân-nhân tại đây, thì sự hiện-diện của giới quân-sự trong Chính-Phủ Cách-Mạng Lâm-Thời của Việt Cộng với tỷ số 13% đã nói lên tầm quan-trọng của giới quân-

(48) David Wurfel, Op.Cit., tr. 545.

sự trong một chính-phủ đang phải lãnh-đạo một cuộc chiến-tranh.

Hai mô-thức nội-các Việt-Nam Cộng-Hòa và Việt-Cộng có một cái gì rất tương đồng : cả hai đều tràn ngập giới khoa bảng đại-học, rất ít giới trung-học, có sự hiện-diện không quá đáng của giới quân-nhân.

Có một điểm tương đồng nữa, là cả hai mô thức nội các này đều tràn ngập ảnh-hưởng văn-hóa của Pháp. Cũng như những nội các Việt-Nam Cộng-Hòa ảnh hưởng của văn-hóa Pháp được bao gồm hai thành-phần : thành-phần khoa-bảng Pháp và thành phần khoa bảng bản xứ. Nếu một nửa trong số những nhà khoa bảng bản xứ trong những nội các Việt-Nam Cộng-Hòa được đào tạo bởi viện Đại-Học Hà-Nội thì trong Chính-Phủ Cách-Mạng Lâm-Thời riêng Đại-Học Hà-Nội đã đào tạo 50% trong tổng số nhân vật trong Chính-phủ của Việt-Cộng, 15% được đào tạo tại những nơi khác trong xứ. Ta thấy như vậy là 65% nhân-viên Chính-Phủ Cách-Mạng Lâm-Thời được giáo-dục ở trong nước, còn lại 35% là các nhà khoa bảng Pháp. Nội các Việt-Nam Cộng Hòa chiếm 32% các nhà khoa bảng Pháp. Các nhân-vật trong Chính-Phủ Cách-Mạng Lâm-Thời của Việt-Cộng, nguyên là sinh-viên các phân khoa thuộc Viện Đại-Học Hà-Nội gồm có các ông HUYNH-TẤN-PHÁT, PHÙNG-VAN-CUNG, TRẦN-BỒU-KIỆM, LƯU-HỮU-HƯỚC, NGUYỄN-NGỌC-THƯỜNG, LÊ-VAN-TRÍ, HỒ-TRUNG-HUỆ. Các nhân vật khoa bảng Pháp trong Chính-Phủ Cách-Mạng Lâm-Thời là vị NGUYỄN-VAN-KIỆT, CAO-VAN-BÓN, ĐƯƠNG-QUỲNH-HOÀ, TRƯƠNG-NHƯ-TOÀN.

Cộng chung cả hai giới khoa bảng Pháp và giới khoa bảng bản xứ, trong nội các Việt-Nam Cộng-Hòa là 84%, trong Chính-Phủ Cách-Mạng Lâm-Thời là 100%. Vì trong Chính-Phủ Cách-Mạng Lâm-Thời không có nhân-vật nào thuộc giới khoa-bảng Mỹ hoặc các nước khác.

Nếu ảnh hưởng của nền giáo-dục Pháp rất nặng nề trong những nội-các Việt-Nam Cộng-Hòa, thì ảnh-hưởng ấy hoàn toàn bao trùm trong Chính-Phủ Cách-Mạng Lâm-Thời của Việt-Cộng (phụ bản 3 và phụ bản 8).

VI-VỀ NGHỀ-NHIỆP

Khi phân-tích nghề-nghiệp nhân-viên nội-các Việt-Nam, vài tác giả (49) đã chia ra những loại nghề-nghiệp như sau :

1)- Giới chính-trị :

Giới này gồm những nhân-vật đã từng tham-gia những nội-các trước và những dân-biểu, nghị-sĩ.

2)- Giới viên-chức Chính-Phủ :

Gồm quân-nhân và những công-chức thuộc các cấp:

- * Tổng thư ký, Tổng giám đốc
- * Tỉnh-Trưởng hoặc tương đương
- * Công chức thấp.

3)- Giới chuyên-nghiệp :

Gồm giáo chức, luật-sư và thám-phán.

4)- Giới doanh-thương và nghề tự do :

Gồm kỹ-giả, bác-sĩ, nha sĩ, giới ngân hàng và doanh thương.

5)- Giới đồng ruộng :

Gồm các nông dân và nhân sĩ.

Chúng tôi đã không đồng ý cách phân chia nghề-nghiệp như trên, trước hết vì:

- Con đường tham chánh trong những nội các sau Cách-Mạng 63, trước Hiến-Pháp 1.4.1967 chưa có những cơ chế lập-pháp, sau Hiến-Pháp 1.4.1967 chỉ có vài trường-hợp theo

(49) David Wurfel, Op.Cit., p.538 và Jerry M. Silverman, Op.Cit., p.297.

đó một nhân vật bước vào mọi-các qua ngã đường lập-pháp. Đó là trường hợp các Thượng-Nghị-Sĩ TRẦN-VAN-HƯƠNG, TRẦN-VAN-LÂM, TRẦN-CHÁNH-THÀNH. Tóm lại, rất ít các vị tham-gia một nội các xuất thân là dân biểu hoặc Nghị-sĩ.

- Trong giới "viên chức chính-phủ", chỉ nên phân biệt hai giới công-chức và quân-nhân cho tiện, thay vì phân chia ra 3 loại công chức như trên.

- "Giới chuyên-nghiệp" là giới dùng kiến-thức riêng của mình làm nghề sinh nhai phải kể thêm các nghề y-sĩ, nha-sĩ, dược-sĩ, kỹ-sư, kiến-trúc-sư. Ngoài ra, giới thăm-phán nên xếp vào giới hoạt-động trong lãnh-vực công đù cho họ là thăm-phán quân sự hay dân sự.

- Ngoài ra, sự bao gồm nông dân và nhân sĩ vào "giới đồng ruộng" không hợp-ly, vì nhân-sĩ không xuất thân từ đồng ruộng, tất cả đều là những thị dân. Phần đông đều sinh sống bằng những nghề-nghiệp riêng. Và lại, nhân-sĩ không phải là một nghề. Nhân sĩ chỉ là những nhân vật có tiếng tăm và được dư luận kính nể hơn những người thường mà thôi.

Với sự bất đồng ý kiến trên, chúng tôi phân chia các nghề-nghiệp ra làm 4 loại :

1. Loại viên chức chính phủ, gồm công chức và quân nhân.
2. Loại chuyên-nghiệp và nghề tự do, gồm kỹ-sư, luật-sư, bác-sĩ, dược-sĩ, giáo-sư, kỹ giả.
3. Loại doanh-thương gồm các doanh gia, công thương kỹ-nghệ gia và giới ngân-hàng.
4. Loại nông gia, gồm nhà nông.

Nhìn chung 4 loại nghề-nghiệp trên, ta thấy ngay trong tất cả 8 nội các, hoàn toàn không có sự hiện diện của giới nông dân, mặc dù nông dân được coi như chiếm tới 80% dân số tại Việt-Nam Cộng-Hòa.

Chúng ta thấy rằng lòng dân là thành phần đa số và căn bản của xã-hội Việt-Nam. Sự an ninh xã-hội xưa nay dựa trên sự liên-kết giữa thành phần trí-thức lãnh-đạo và nông dân nuôi sống xã-hội. Lịch sử Việt-Nam cho thấy chìa khóa của sức mạnh quốc-gia xưa nay nằm nơi sự liên-kết giữa hai thành-phần đó. Sự liên-kết ấy đã thực-hiện trước đây giữa lớp sĩ-phu và nông-dân. Nhưng từ khi văn-hóa Tây-Hương xâm nhập, đào tạo ra một tầng lớp ưu tú mới, sự liên-kết đã tan rã giữa nông dân lao-động và lớp ưu tú Âu hóa.

Chính sự mất liên lạc và phối hợp đó giải-thích sự khủng hoảng lãnh đạo hiện nay : sự bất-lực của tầng lớp ưu tú thành-thị. Xã-hội Việt-Nam chỉ có thể tìm lại sự hòa-hợp xã-hội, và sự ổn định chính-trị khi lớp trí-thức biết lập lại nhịp cầu thông-đạt và gieo rắc lại được trong lòng nông-dân lý-tưởng quốc-gia dân-tộc mà chính người trí-thức phải là những đại-diện chân-thành và lãnh-đạo sự thực-hiện (50). Tác giả ROBERT SHAPLEN cũng đã phát hiện được sự cô lập về tam-ly của tầng lớp ưu tú mới với giới thôn quê (51).

Ta thấy sự mất liên lạc giữa đa số nông-dân với tầng lớp ưu tú mới được thể hiện rõ ràng qua những nội các từ sau Cách-mạng 1963 đến nay, với sự vắng bóng hoàn toàn của thành phần nông-dân trong nội-các.

Đồng đảo nhất trong những nội-các này, là giới chuyên-nghiệp và nghề tự do, chiếm tỷ số 53% trong toàn thể 8 nội các. Sau đó, đứng hàng thứ nhì là giới quân công với tỷ số 39%. Giới doanh thương chỉ chiếm 8,5%. Sự xuất hiện của giới doanh thương chỉ rất khiêm-tốn như vậy trong 8 nội các, chứng tỏ thế-lực của giới tư bản tại Việt-Nam cũng rất là khiêm tốn trên chính-trường.

(50) Trần-Thị-Hoài-Trần. *Op. Cit.*, tr. 147.

(51) Robert Shaplen, *The Lost Revolution* (New-York : Harper & Row, 1965) p. 253.

Nói riêng từng nghề, thì nghề tham chánh đông đảo nhất là công chức với tỷ số 22,5%. Sau đó là nghề bác-sĩ với tỷ số 19%, rồi đến nghề nha binh với tỷ số 16,5% và nghề kỹ-sư với 16%.

Đó là những nghề-nghiệp đem lại nhiều triển-vọng nhất, trên những con đường dẫn một nhân-vật tới nội-các.

Trong khi đó, nghề kỹ-giá, chưa bao giờ trong mười năm qua đã có mặt trong nội-các.

Điều đó đã chứng tỏ là uy tín của nghề này đã chẳng có là bao trong giới chính-quyền. Có thể giới cầm-quyền đã quan-niệm lệch-lạc về nghề kỹ-giá, nhưng cũng có thể phản động những người hành nghề này tại Việt-Nam đã không chứng tỏ được tài ba của mình để có thể đảm đở được cái quan-niệm mà mọi người đã gán ghép cho họ là "nhà báo nói lão ăn tiền". Trái lại, ở các nước Âu-Mỹ, kỹ giá là một nghề có nhiều uy-tín khiến họ tham chánh rất dễ dàng.

VII-TÔN-GIÁO

Đoàn-thể áp-lực mạnh nhất trong chính-trường miền Nam phải kể đến tôn-giáo. Trước tình-trạng sinh-hoạt chính đảng yếu kém, đã thúc đẩy các tôn-giáo thi đua nhau áp lực lên chính-quyền; xa hơn nữa, đã đưa người vào nội-các. Tình trạng này kéo dài từ sau Cách-Mạng 63 với nhiều cuộc tranh chấp có khi gây đổ máu.

Xã-hội Việt-Nam là xã-hội nhiều đạo giáo với những tôn giáo như Phật-Giáo, Công-Giáo, Cao-Đài, Hoà-Hảo, Tin-Lành, Bahai...

Tuy vậy, trong suốt 8 nội các từ sau Cách-Mạng 63 đến nay, theo những dữ-kiện chúng ta có, ta thấy không có nhân-vật nội-các nào thuộc các đạo Tin-Lành, Bahai. Chúng ta chỉ thấy các tín đồ Phật-Giáo, Công-Giáo, Cao-Đài và Hoà

Hầu là có mặt trong những nội-các này.

Trong tất cả những nội-các này, tin-đồ Phật-Giáo được kê như luôn luôn hiện-diện đông đảo, ít nhất cũng từ 66% trở lên. Trong nội các NGUYỄN-NGOC-THO, 80% là Phật-Giáo, mặc dù tỷ số tính được này không đáng tin cậy cho lắm, vì thiếu nhiều dữ-kiện. Tính trung-bình trong suốt 8 nội-các, tỷ số của Phật-Giáo là 77,8%. Phật-Giáo đứng nhất sau đó đến Công-Giáo 17% qua 8 nội-các. Thời nội-các NGUYỄN-NGOC-THO chỉ ghi nhận được một nhân-vật Công-Giáo là Ông TRẦN-NGOC-OANH. Những nội-các về sau đó, Công-Giáo luôn luôn có mặt. Trong nội-các NGUYỄN-VAN-LỘC, Công-Giáo chiếm tỷ số đứng nhất so với những nội-các khác. Trong nội-các NGUYỄN-CAO-KY Công-Giáo chiếm tỷ số 27,8%, đứng thứ nhì sau nội-các NGUYỄN-VAN-LỘC, trùng hợp với sự-khiến là tỷ số Phật-Giáo trong nội-các của Tướng KY tương thấp nhất so với tất cả những nội các khác với 66,5% (bảng 4).

Sau Phật-Giáo, sau Công-Giáo là Cao-Dài, chiếm tỷ số 3,4% và Hòa-Hảo chiếm tỷ số 1,9% trong 8 nội các sau C.M. 63. Khi Cao-Dài xuất hiện trong nội các NGUYỄN-KHÁNH thì Hòa-Hảo không có mặt ở đây và khi Hòa-Hảo xuất hiện trong nội các NGUYỄN-CAO-KY thì Cao-Dài lại không có mặt ở đây. Hai tôn giáo này chỉ cùng xuất hiện với nhau trong 4 tháng ngắn ngủi trong thời nội-các PHAN-HUY-QUÁT. Ông PHAN-HUY-QUÁT chủ-trương mở rộng căn bản của nội các cho các thành phần đảng phái và tôn giáo.

Ngoài ra, trong tất cả những nội các còn lại, hai tôn giáo Cao-Dài và Hòa-Hảo đều không có mặt. Sự hiện-diện của Phật-Giáo dù đông đảo, nhưng cũng không được coi là hoàn-toàn có tính cách chính-trị, vì sự đông đảo này chỉ tiêu biểu cho thành phần đông đảo của dân chúng Phật-Tử, trong dân số của Việt-Nam Cộng-Hòa.

Chúng ta cũng cần xác-định lại tính chất đa số của Phật-Giáo trong dân số Việt-Nam Cộng-Hòa.

Đạo Phật, Đạo Lão và Đạo Khổng được gọi là Tam-Giáo, đã thịnh hành trong xã-hội Việt-Nam cổ-truyền. Ngoài Tam Giáo, người Việt-Nam còn chấp ghép tục bái vật và đa thần giáo cổ sơ, thành một thứ tôn-giáo đặc-biệt. Cho nên, nếu chỉ xét về mặt thuần-lý của từng tôn-giáo một, ta thấy tín-ngưỡng của người Việt-Nam không có tính cách đơn thuần. Nhưng nếu xét về mặt xã-hội thì ta thấy tất cả tín-ngưỡng của người Việt-Nam đều bao hàm một cái gì nhất-trí, bằng sự chi-phối thái-độ của mỗi người đối với các vị thần linh và các vị giáo tổ. Họ nhận-thức rằng trong vũ-trụ những lực lượng âm u vẫn thường phát-hiện, có thể nguy hại tới họ, tới cuộc sống hàng ngày của họ nên họ tìm cách ngăn ngừa. Song không rõ các lực-lượng âm-thâm tác-động ra sao, nên họ phải giải-quyết bằng tế lễ để cầu yên-hòa. Đối với họ, Ông Thánh nào cũng thiêng, Ông Thần nào cũng mạnh, Phật-Tổ, Lão-Tổ, Khổng Tử đều là bậc thánh cả. Bởi vậy, họ phải kiêng sợ mà lễ bái để cầu lợi lộc ngay tại trong kiếp này hơn là cuộc đời mai sau (52).

Tóm lại tôn giáo cổ-truyền của người Việt-Nam mà ta gọi là Phật Giáo, thực ra là sự kết-hợp của cả Tam-Giáo gồm Phật, Lão và Khổng Giáo, hòa hợp với những niềm tin sợ ở các vị thần linh, đã là một thứ đạo giáo đặc biệt mà phần lớn dân-tộc Việt-Nam sống theo thứ đạo này. Khi ta nói Phật Giáo ở đây được hiểu theo thứ tín-ngưỡng tổng-hợp đó. Và ta thấy gần 80% dân Việt-Nam là Phật-Giáo, vì vậy, trong 8 nội các sau Cách-Mạng 63, tỷ số 77,8% đã tiêu biểu cho tập-thể Phật-Tử đông đảo trong xã-hội Việt-Nam. Có lẽ Phật tử trong những nội các này không hoàn toàn được coi như là đại-diện cho những quyền-lợi của Giáo-Hội Phật-Giáo như những tín-đồ thuộc tôn giáo khác.

Trái lại, sự hiện-diện của những nhân-vật Cao-Đại

(52) Lương-Dục-Thiếp, Xã-Hội Việt-Nam, Saigon 1971, trang 188.

và Hòa-Hảo trong nội các thường được coi như có tính chất chính-trị nhiều hơn - là đại-diện của tôn-giáo mình với tư cách là một đoàn-thể áp-lực.

Trường-hợp Phật-Giáo và Công-Giáo, nếu chỉ nhìn vào thành phần những nhà-viên nội các trong đó Phật-Tử và tín-đồ Công-Giáo tham-gia, ta sẽ khó nhất hiện được trung-thực những cuộc vận-động của hai tôn-giáo này. Đó là lý do khiến chúng ta cần phải trình bày rõ ràng hơn về những cuộc vận-động chính-trị của Phật-Giáo và Công-Giáo trong những năm qua.

Phật-Giáo

Trong chính-trường miền Nam, Phật-Giáo luôn luôn là một đoàn thể áp lực mạnh nhất. Người ta có thể phân chia hoạt-động của Phật-Giáo ra làm hai giai đoạn trước và sau Hiến-Pháp 1.4.1967.

1. Từ sau Cách-Mạng 63 đến ngày 1.4.67, Việt-Nam Cộng-Hòa đã trải qua một thời kỳ bất ổn chính-trị vô cùng đến tột với 5 Chính-Phủ liên-tiếp thay nhau cầm quyền, hậu thuẫn tôn giáo đã trở nên cần-chiết cho sự tồn tại của mọi chính quyền và do đó tạo cho giới tăng sĩ ưu thế đặc biệt trên chính-trường. Người ta được nghe câu đồng dao trong những năm bất ổn ấy như sau "nhất Mỹ, nhì Sư, Tam Cha, tứ Tướng", từ của miệng nhiều người, đã nói lên trung thực nhất, các thế-lực chi phối chính-trường miền Nam, đặc-biệt là Phật-Giáo. Trong hoàn cảnh ấy, Phật-Giáo đã tác-động sức mạnh vào sự vận chuyển guồng máy quốc-gia khiến các Chính-phủ phải khổ công đối phó. Trong giai đoạn này, hai Chính-phủ chủ-trương cương quyết chống đối mọi yêu-sách của Phật-Giáo là Chính-Phủ TRẦN-VĂN-HUÔNG I và Chính-Phủ NGUYỄN-CAO KỶ. Ba Chính-phủ hòa với Phật-Giáo là Chính-Phủ NGUYỄN-NGỌC THƠ, NGUYỄN-KHÁNH và HẠN-HUY-QUÁT. Thời nội-các NGUYỄN-NGỌC THƠ : hai hệ-thống chính quyền và giáo quyền Phật-Giáo đều thoát thai sau cuộc Cách-Mạng 63 mà họ đóng vai-trò chủ-động nên hai bên đã cùng nhau hưởng được mọi "tuần trăng mật" khá

êm đẹp. Trung-Tướng DUONG-VAN-MINH và Thủ-Tướng NGUYEN-NGOC THO đều tuyên-bố tự do tín-ngưỡng. Riêng Thủ-Tướng THO còn chủ-trương dùng các lực lượng tôn-giáo để chiến-thắng Cộng Sản. Dự-luận hồi đó đồn rằng Ông sẽ trao miền này cho Đạo này, miền kia cho Đạo kia (53).

Thời nội các NGUYEN-KHANH, Phật-Giáo tự cho mình bị trả thù. Thực ra tướng NGUYEN-KHANH, đã cố chỉnh-phục cảm tình của giới tăng sư Phật-tử bằng cách cấp ngân khoản 20 triệu đồng để xây trụ-sở Viện Hóa-Đạo và các cơ sở khác của Giáo-Hội, thiết-lập ngành Tuyên-Úy Phật-Giáo trong các đơn-vị quân-lực. Nhưng rồi chính Phật-Giáo đã đứng lên đá đảo tướng KHANH vì hiềm hờa độc tài.

Nội-các TRAN-VAN-HUONG I ra đời ngày 4.11.64, là nội các đầu tiên đã "dám cương-trực" (54) tách rời chính-trị khỏi tôn-giáo. Chính sách này bị Phật-Giáo phản ứng dữ dội. Mức độ dữ dội càng gia tăng khi chính phủ công nhận tổ chức "Tổng Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam" do một số sư-tăng lãnh-đạo các giáo phái cổ-truyền tại miền Nam, từ bỏ Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất, đứng ra thành-lập riêng biệt. Các vị lãnh-đạo Phật-Giáo tố cáo chính phủ đã phá hoại nền thống nhất của Phật-Giáo và tố cáo luôn "người Mỹ phải chịu trách-nhiệm về việc duy-trì Chính-Phủ TRAN-VAN HUONG chống lại nguyện-vọng của nhân-dân và Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam". Không lùi bước trước áp lực của Phật-Giáo, Thủ-Tướng TRAN-VAN-HUONG kêu gọi mọi người dân "lãnh trách-nhiệm trước tình thế, tránh các vụ sách-dộng". Ông còn lên án những người gây xáo-trộn là "lũ lưu-manh cạo đầu rồi mặc sắc phục tăng ni" và "những trò khỉ của cinema" (55). Cuối cùng, ông phải ra đi và Viện Hóa-Đạo đình chỉ mọi hoạt-động đấu tranh.

(53), (54) Hoàng-Xuân-Hào, Op. Cit., tr. 363.

(55) Đoàn-Thêm, 1965 Việc Tăng Ngày, trang 20.

Chính-phủ PHAN-HUY-QUÁT đã giữ mối giao hảo với Phật-Giáo. Cuộc giao hảo này được thể-hiện bằng sự hiện-diện của 15 người Phật-Giáo trong tổng số 21 người, trong nội các. Và các tôn giáo Công-Giáo, Cao-Đài, Hòa-Hảo chỉ có 4 vị (56). Thật ra, như chúng ta đã thấy, tỷ số đồng-đạo của Phật-Giáo trong những nội các không hoàn toàn mang ý nghĩa ưu thế của Phật-Giáo trong chính-quyền, vì tất cả 8 nội các Việt-Nam Cộng-Hòa sau cách-mạng 63 đều đa số là Phật-Giáo, kể cả những nội các chống lại một cách mãnh liệt những yêu sách của Phật-Giáo, như nội các TRẦN-VAN-HƯƠNG I, nội các NGUYỄN-CAO-KỶ. Vậy, sự giao hảo này chỉ nên được nhận định qua sự hiện diện của những nhân-vật được dư luận nhìn nhận là đại diện chính-trị của Phật-Giáo. Nhân-vật ấy trong nội các PHAN-HUY-QUÁT là Ông TRẦN-QUANG-THUẬN và Ông NGÔ-TRUNG-ANH. Mối tương quan tốt đẹp giữa Phật-Giáo và chính quyền khiến Phật-Giáo lên án nặng nề cuộc đảo chánh hụt nhằm lật đổ nội các PHAN-HUY-QUÁT, do các sĩ quan và chính khách Công Giáo chủ mưu, do Đại-Tá PHẠM-NGOC-THẢO cầm đầu, xảy ra vào ngày 19.2.1965 (57).

Sự đoàn-kết giữa Phật-Giáo và chính quyền đã bị Công-Giáo, Cao-Đài và Hòa-Hảo phá vỡ và tìm cách lật đổ Ông PHAN-HUY-QUÁT mà họ tố cáo là "gây chia rẽ và không chống Cộng thực sự". Kết quả là nội các PHAN-HUY-QUÁT phải ra đi, trao quyền lại cho quân-đội do tướng NGUYỄN-CAO-KỶ đứng ra thành lập nội các.

Chính-phủ NGUYỄN-CAO-KỶ được coi là bền vững nhất trong thời kỳ bất ổn này vì đã kéo dài nhất, so với những chính-phủ trước. Nhưng những cuộc tranh đấu của Phật-Giáo lại tái diễn quyết-liệt, đòi hỏi dân chủ, bầu cử Quốc-Hội Lập-Hiến, đòi hỏi hủy bỏ Sắc-Lệnh số 23/67 phê chuẩn Hiến

(56) Hoàng-Xuân-Hào, Op. Cit., tr. 364

(57) Đoàn-Thêm, 1965 Việc Tình Ngày, trang 34.

Chương thứ hai và kết quả các cuộc bầu cử Tổng-Thống và Thượng-Viện năm 1967.

Tất cả các cuộc đấu tranh của Phật-Giáo trong thời kỳ này đều thất bại trước sự đối phó cương quyết của phe quân nhân lãnh đạo chính quyền.

Cuộc tranh đấu năm 1966 của Phật-Giáo được gọi là vụ "biến động miền Trung" hoàn toàn bị thất bại. Chính quyền đã tách hẳn tôn giáo ra ngoài chính-trị, một chủ-trương mà nội các TRẦN-VAN-HUÔNG I làm không nổi, và chính quyền đã chứng tỏ rằng cuộc tranh đấu năm 1966 hoàn toàn có tính cách chính-trị vì Phật-Giáo sau này đòi các tướng Thiệu và Kỳ từ chức. Cuộc tranh đấu của Phật-Giáo thất bại và Thượng-Toạ TRI-QUANG bị chính quyền quân-đội đưa từ Đà-Nẵng vào Saigon vào ngày 21.6.66.

Đầu năm 1967, người ta lại ghi nhận được ba cuộc vận-động của Phật-Giáo đó là đòi hủy bỏ Hiến-Chương Phật-Giáo do Sắc-Luật 23/67 chuẩn-y, hủy bỏ kết quả bầu cử Tổng Thống và Thượng-Nghị-Viện, hủy bỏ việc xét xử vụ biến-động miền Trung. Nhưng những cuộc vận-động này của Phật-Giáo đều thất-bại, trước sự đối phó cương quyết của giới cầm-quyền quân sự (58).

2. Hoạt-động của Phật-Giáo sau ngày thành-lập Đệ Nhị Cộng-Hòa.

Thời Đệ-Nhị Cộng-Hòa, chỉ còn Phật-Giáo AN-QUANG hoạt-động chính-trị. Mặc dù tới nay chính quyền vẫn không nhìn nhận tính cách hợp pháp của Giáo-Hội AN-QUANG, trong thực tế hai bên vẫn phải sống chung với nhau.

Về phần AN-QUANG, họ đã phủ-nhận tất cả mọi định

(58) Hoàng-Xuân-Hào, Op. Cit., trang 370.

chế của nền Đệ-Nhi Cộng-Hòa. Nhưng từ cuộc bầu cử Bán Hàn Thượng Viện ngày 30.8.70, AN-QUANG đã chấp nhận khung cảnh pháp lý của chế độ hiện tại, qua việc chính-thức đưa Liên Danh Hoa-Sen ra tranh cử và Liên-Danh này đã về đầu, mặc dù Hiến-Chương Phật-Giáo 1967 mà họ đòi hủy vẫn còn nguyên vẹn.

Kể từ sau nội các NGUYỄN-CAO-KỶ về sau, người ta không ghi nhận được những khuôn mặt của Phật-Giáo trong nội các. Sự đoàn tuyệt giữa Phật-Giáo và chánh quyền có thể được đánh dấu bằng việc không có đại diện của Phật-Giáo trong Ủy Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia tăng cường thêm 10 nhân sĩ vào ngày 6.6.66 (59).

Công-Giáo

Cũng như Phật-Giáo, Công giáo tích cực vận-động chính-trị nhằm đưa người vào Hành-Pháp.

Cuộc vận-động chính-trị đầu tiên của Công-giáo, kể từ sau Cách-Mạng 1963, đã đem đến thành công khi nội các HIAN-HUY-QUÁT phải ra đi. Lý do bất tín nhiệm chính-phủ HIAN-HUY-QUÁT được lực lượng Đại-Đoàn-Kết do Linh-Mục HOÀNG-QUYNH làm Chủ-Tịch đệ-trình trước Quốc-Trưởng PHAN-KHẮC-SUU ngày 26.5.65 như sau :

- Sự thành lập chính-phủ HIAN-HUY-QUÁT là bất hợp

-
- (59) UBLĐQG được thành-lập do Quyết-Định số 3/UBLĐQG ngày 14.6.65 gồm 1 Chủ-Tịch (Trung-Trương Nguyễn-Văn-Thiệu), 1 Ủy-Viên Hành-Pháp (Thiếu-Trương Nguyễn-Cao-Kỷ), một Tổng-Tho-Kỷ (Trung-Trương Phạm-Xuân-Chiếu), với Tổng-Trương Quốc-Phong, Tổng-Tham-Mưu-Trương, Các Tư-Lệnh Vùng CT, và Tư-Lệnh Biệt-Khu Thủ-Đô. Mười nhân vật được tăng cường vào năm 1966 là các Ông Trần-Văn-Đỗ, Phạm-Hữu-Chương, Phan-Khoang (VNQĐĐ), Nguyễn-Văn-Huyền (Công-Giáo), Vũ-Ngọc-Trần (Công-Giáo), Trần-Văn-Ấn (Cao-Đài), Văn-thành-Cao (Cao-Đài), Nguyễn-Lưu-Viên, Quán-Hữu-Kim (Hòa-Hào) và Huỳnh-Văn-Nhiệm (Hòa-Hào).

pháp và bất chính vì lý do Tướng KHÁNH lạm quyền chỉ-định.

- Bản dự-thảo quy-chế tôn-giáo của chính-phủ QUÁT có tính-cách độc-tại và nhằm tiêu diệt căn bản tự do tín-ngưỡng và tự do hành đạo của tôn-giáo.

- Chính-phủ PHAN-HUY-QUÁT không đẩy mạnh được công cuộc chống Cộng, cấu-kết với thực dân Pháp và trung-lập làm lợi cho Cộng-Sản.

Trong việc đấu-tranh chống chính-phủ PHAN-HUY-QUÁT Công-Giáo đã lôi kéo được một số đông các lực-lượng khác như Cao-Đài, Hòa-Hảo, và sự hỗ-trợ của Quốc-Trưởng PHAN-KHẮC-SUU. Công-Giáo đã thành công trong việc lật đổ chính-Phủ PHAN-HUY QUÁT.

Sau đó, Công-Giáo cũng thành công trong việc đưa người của mình vào Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia tăng cường ngày 6.6.66 (Chú-thích số 5a).

Ta thấy tỷ số 8,5% nhân-vật Công-Giáo trong nội-các PHAN-HUY-QUÁT đã tăng lên 27,8% trong nội các NGUYỄN-CAO-KY, có thể diễn tả được vai thế của Công giáo đã gia tăng so với những nội các sau ngày Cách-Mạng 63. Dần dần những nhân-vật Công-Giáo thời Đệ-Nhất Cộng-Hòa đã tìm được lại địa vị cũ của mình, kể từ nội các TRẦN-VAN-HƯƠNG II với Ông TRẦN-CHÁNH-THÀNH và đông đảo hơn trong nội-các TRẦN-THIỆN KHIÊM (bảng 9).

VIII-CHÍNH-ĐẢNG

Để có một cái nhìn tổng quát về các khuynh hướng chính-trị của những nhân-vật nội các sau Cách-Mạng 63, thiết tưởng một trong những công việc chính của chúng ta là cần phải duyệt xét lại sự sinh hoạt của chính đảng trong thời-gian này.

Cách-Mạng 63 đã thổi một luồng gió mới trong cuộc

sinh-hoạt chính-đảng tại miền Nam. Các chính đảng trước kia từng bị đàn áp dưới thời Đệ-Nhất Cộng-Hòa phải rút vào bóng tối, nay nhộn-nhip trở về hoạt-động công-khai. Các lãnh-tụ chính đảng bị giam giữ nay được trả tự do, phải lưu vong nay hồi hương, tất cả từng bừng hoạt-động trở lại.

I/- Phân-loại chính đảng :

A. Sự phân-loại chính đảng theo tiêu chuẩn pháp lý.

Kể từ sau Cách-Mạng 63 đến nay, người ta có thể chia sinh-hoạt chính-đảng thành 3 thời-kỳ :

- giai đoạn từ 1.11.1963 đến 19.6.1969
- giai đoạn từ 19.6.1969 đến 28.3.1973
- từ 28.3.1973 đến nay.

1)- Giai-đoạn từ 1.11.63 đến 19.6.69 :
giai đoạn này chính-trường miền Nam rất hỗn-loạn với các cuộc đảo chính, chỉnh lý và thay đổi nội các liên-tiếp xảy ra trong đó quân-đội và tôn giáo đã đóng vai trò hết sức quan-trọng. Các chính đảng chưa kịp phục hồi, tổ chức lại hàng ngũ, mà lại phân-hóa trầm-trọng không thể đóng được vai-trò của mình trên chính-trường.

Thời kỳ này có một sự lạm phát chính-đảng. Tài-liệu của Sở Kiểm-Soát thuộc Tổng-Bộ An-Ninh năm 1967 cho biết có tất cả 230 đảng, gồm có:

* a. Các đoàn thể chính-trị đã có nghị-định cho phép hoạt-động theo tiêu chuẩn dự số 10 (5 đoàn thể):

- 1- Đảng Xã-Hội Việt-Nam (CỔ-VAN-HAI, DINH-VŨ-TOÀN)
- 2- Đảng Việt-Nam Phục-Quốc (NGUYỄN-THÀNH-PHƯƠNG, TRẦN-VAN-CHIÊU, NGUYỄN-DUY-TÀI).
- 3- Việt-Nam Cách-Mạng Đồng-Minh-Hội (NGUYỄN-ĐANG-ĐỆ).
- 4- Mặt-Trận Quốc-Gia Kháng-Chiến Việt-Nam (TRƯỜNG LUÔNG-THIỆN).

5- Phong-trào Hòa-Bình Thế-Giới Xây-Dựng Chính-
Phủ Liên-Bang Thế-Giới (NGUYỄN-HỮU, LÂM-VĂN-TẾT).

* b. Các đoàn-thể chính-trị có khai-báo và được cấp giấy
biên nhận tính đến ngày 31.5.1967 (33 đoàn-thể)

- 1- Mặt-Trận Nhân-Dân Cứu-Quốc
- 2- Đảng Dân-Chủ
- 3- Tổ-Chức Toàn-Quốc Cách-Mạng Quốc-Gia
- 4- Mặt-Trận Tranh-Đấu Tự-Do
- 5- Thanh-Niên Dân-Chủ Việt-Nam
- 6- Việt-Nam Quốc-Dân Đảng (3 hệ phái)
- 7- Mặt-Trận Quốc-Gia Liên-Hiệp
- 8- Phong-Trào Bình-Dân
- 9- Hội-Cựu Quân-Nhân Yêu nước
- 10- Phong-Trào Thanh-Niên Cách-Mạng Tiên-Phong
- 11- Khối Dân-Chủ
- 12- Tập-Đoàn Cựu Chiến-Sĩ Hòa-Hảo Dân-Xã
- 13- Khối Xã-Hội Dân-Chủ
- 14- Quốc Chính Đại Hiệp Đoàn
- 15- Mặt Trận Dân Tộc Tự Quyết
- 16- Lực lượng Quốc Gia Thống Nhất
- 17- Liên-Minh Dân Chủ
- 18- Tập-Đoàn Quốc-Gia Dân Chủ
- 19- Liên-Minh Á-Châu Chống Cộng Chi Hội V.N.
- 20- Đảng Quốc-Dân Liên-Hiệp
- 21- Lực-Lượng Bảo-Vệ Tự-Do
- 22- Lực-lượng Thanh-Niên Cách-Mạng Thống-Nhất
- 23- Lực-Lượng Đại-Đoàn-Kết
- 24- Mặt Trận Lý-Tướng Hữu Thần Việt-Nam
- 25- Lực-Lượng Liên-Hiệp Quốc-Dân Cách-Mạng
- 26- Lực-Lượng Thanh-Niên Cách-Mạng Việt-Nam
- 27- Đảng Dân-Chủ Thiên-Chúa-Giáo
- 28- Mặt-Trận Quốc-Gia Cứu Quốc
- 29- Phong-Trào Phục-Hưng Miền Nam
- 30- Chiến-Đoàn Nhân-Văn
- 31- Lực-Lượng Công-Dân Việt-Nam Di Cư
- 32- Hội Cựu Chiến-Sĩ Cao-Đài và Liên-Minh
- 33- Khối Đoàn-Kết Dân-Tộc thiểu số Việt-Nam

* c. Các đoàn thể không được cấp biên nhận dù có khai báo: gồm 24 đoàn thể.

* d. Các đoàn thể hoạt-động bất hợp pháp, nghĩa là không khai báo: Gồm 168 đoàn thể, tính đến năm 1967.

Con số chính đảng này chỉ có vài chính đảng có thực lực mà thôi, bằng chứng là trong kỳ bầu cử Quốc-Hội Lập-Hiến ngày 11.9.66, dù có 62 đoàn thể được cấp phép, chỉ có 2 đảng Việt-Nam Quốc-Dân Đảng và Đại-Việt Quốc-Dân-Đảng đưa được người vào Quốc-Hội Lập-Hiến. Việt-Nam Quốc-Dân Đảng được 8 ghế, Đại-Việt Quốc-Dân Đảng được khoảng 15 ghế.

2)- Giai đoạn từ 19.6.1969 đến 28.3.1973
Sau khi Sắc-Luật số 09/69 được ban hành ngày 19.6.69, tất cả các chính-đảng đã có từ trước về mặt pháp-ly, nay được coi như không có. Quy chế này dễ dãi hơn trong việc lập đảng nhưng cũng đặt một số điều-kiện để hạn chế bớt, đồng thời để tạo đảng phái có thực lực.

Con số chính đảng cho đến cuối năm 1972, được hợp thức-hóa gồm có :

- 1- Việt-Nam Nhân-Xã Cách-Mạng Đảng (TRƯỜNG-CÔNG-CỬU)
- 2- Lực-Lượng Đại-Đoàn-Kết (NGUYỄN-GIA-HIẾN)
- 3- Đại-Việt Cách-Mạng (HÀ-THỨC-KÝ)
- 4- Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng Xứ Bộ Miền Nam (NGUYỄN-HÒA-HIỆP).
- 5- Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng (VŨ-HỒNG-KHANH)
- 6- Mặt Trận Cứu Nguy Dân-Tộc (TRẦN-VAN-ĐƠN)
- 7- Phong-Trào Quốc-Gia Cấp-Tiến (NGUYỄN-NGOC-HUY)
- 8- Tập-Đoàn Cựu Chiến-Sĩ Hòa-Hảo Dân-Xã (LÂM-THÀNH-NGUYỄN).
- 9- Liên-Minh Phục-Việt Quốc-gia (BUI-VAN-SÉT)
- 10- Phong-Trào Tân-Dân (NGUYỄN-THÀNH-VINH)
- 11- Lực-Lượng Tự-Do Dân-Chủ (NGUYỄN-VAN-HƯƠNG)
- 12- Phong-Trào Phục-Hưng Miền Nam (NGUYỄN-KHẮC-THÀNH)
- 13- Phong-Trào Tân-Dân Xã-Hội Việt-Nam (NGUYỄN-BÁ-LUÔNG).

- 14- Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng Thống-Nhất (NGUYỄN-ĐÌNH-LƯỢNG)
- 15- Lực-Lượng Dân-Chủ Việt-Nam (NGUYỄN-VAN-NGAI)
- 16- Lực-Lượng Dân-Chủ Xã-Hội Phật-Giáo (VŨ-QUỐC-THÔNG)
- 17- Nhân-Văn Cách-Mạng (ĐÌNH-SƠN)
- 18- Đảng Công-Nông Việt-Nam (TRẦN-QUỐC-BŨU, NGUYỄN-BÁ-CĂN)
- 19- Chánh-Đảng Cộng-Hòa Đại-Chúng (TRẦN-CHÁNH-THÀNH)
- 20- Việt-Nam Dân-Chủ Xã-Hội Đảng Thống-Nhất (HUỖNH-HỮU-PHÍ).
- 21- Việt-Nam Hưng-Quốc-Đảng (HOÀNG-CƠ-BÌNH)
- 22- Lực-Lượng Nhân-Dân Kiến-Quốc (LÊ-TRUNG-QUÁT)
- 23- Việt-Nam Dân-Chủ Xã-Hội Đảng (TRÌNH-QUỐC-KHÁNH)

Ngoài 23 đảng được hợp thức hóa trên còn có 3 đảng được cấp phái lai đó là:

- * Lực-Lượng Quốc-Gia Tiến-Bộ
- * Khối Đoàn-Kết Dân-Tộc Thiểu-Số Việt-Nam (VÔNG-A-SÁNG, KSORT ROT, TÔN-ÁI-LIÊNG).
- * Đảng Dân-Chủ.

Một số đảng không đủ điều-kiện phải giải tán.

3)- Giai đoạn từ 28.3.1973 đến nay: Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 27.12.1972 ban hành sắc-luật số 060-TT/SLU sửa đổi lại một số điều-khoản hợp thức hóa chính đảng. Theo sắc-luật này, thời hạn chót để những chính đảng được hợp thức hóa theo luật số 9/69 có thể điều chỉnh tình-trạng cho phù hợp với những điều-kiện mới là ngày 28.3.1973.

Theo những điều-kiện mới này, cho đến nay chỉ có những đảng Dân-Chủ của Tổng-Thống NGUYỄN-VAN-THIẾU là được hợp thức hóa do Nghị-Định số 135-ENV/KS/14 ngày 24.3.1973. Ngoài ra, có 2 Liên-Minh Chính đảng nữa cũng đã được cấp phái lai :

- * Đảng Tự do
- * Liên-Minh Dân-Chủ Xã-Hội.

Đảng Dân-Chủ ra mắt ngày 29.3.1973 tại Saigon.

Đảng Tự do có khuynh hướng Thiên-Chúa-Giáo là tập hợp của Lực-Lượng Đại-Đoàn-Kết, Khối Quốc-Dân Đồng Tiến và Nhân-Xã Đảng.

Còn Liên-Minh Dân-Chủ Xã-Hội là tập hợp của Phong Trào Quốc-Gia Cấp Tiến, Công Nông, Hòa Hảo và Cao Đài.

B. Sự phân-loại chính đảng theo tiêu chuẩn thực tế :

Nhiều học giả đã phải công nhận việc nhận diện các đảng phái rất là phức tạp, khó khăn vì đảng thường dựa trên nhiều yếu tố. Nhưng trong nhu cầu làm sáng tỏ sinh hoạt chính đảng, chúng ta lại cố gắng phân loại theo một tiêu chuẩn khác dựa trên thực tế.

Chúng ta hãy phân biệt :

- * Đảng cá nhân, đảng cảnh ngộ.
- * Đảng khuynh hướng
- * Đảng dựa trên đoàn thể quyền lợi.

* 1. Các đảng cá nhân, đảng cảnh ngộ:

Đặc tính chính đảng cá nhân là sự kết hợp xung quanh một cá nhân. Đảng cảnh ngộ là đảng phát sinh từ một tình trạng đặc biệt và nhất thời của lịch sử.

Đảng cá nhân

Phong-Trào Tân Xã-Hội Việt-Nam của NGUYỄN-BÁ-LƯƠNG,
Việt-Nam Hưng-Quốc-Đảng của Hoàng-Cơ-Bình v.v...

Đảng cảnh ngộ

Mặt trận Cứu Nguy Dân-Tộc của TRẦN-VAN-ĐƠN
(Thành lập hội biến cố Tết Mậu-Thân)

Lực-Lượng Tự-Do Dân-Chủ của NGUYỄN-VAN-HƯƠNG
(Đã chuẩn bị thành lập Mặt-Trận Quốc-Gia Dân-Chủ Xã-Hội).

* 2. Đảng khuynh hướng :

Yếu tố chủ yếu ở đây là đảng dựa trên một khuynh hướng chính-trị.

• Hệ-phái Việt-Nam Quốc-Dân Đảng :

VNQDD xứ Bộ Miền Bắc	của VŨ-HỒNG-KHANH
VNQDD xứ Bộ Miền Nam	của NGUYỄN-HÒA-HIỆP
VNQDD Thống-Nhất	của NGUYỄN-ĐÌNH-LƯỢNG.

Ngoài ra, còn có những hệ phái Việt-Nam Quốc-Dân Đảng Trung-Ương Cải tiến, Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng Trung-Ương Lâm Thời, Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng Chủ-Lực, Việt-Nam Quốc-Dân Đảng xứ Bộ Miền Trung, Việt-Nam Quốc-Dân Đảng biệt bộ NGUYỄN TUÔNG-TAM, Việt-Nam Quốc-Dân Đảng Liên Tỉnh Miền Trung.

• Khuynh hướng Đại-Việt Quốc-Dân đảng :

- Đại-Việt Cách Mạng đảng của HÀ-THỨC-KÝ, HOÀNG XUÂN-TÒU.
- Lực-Lượng Dân-Chủ Việt-Nam của NGUYỄN-VAN-NGAI
- Hồng-Trào Quốc-Gia Cấp-Tiến của NGUYỄN-NGỌC-HUY
- Đại-Việt Nguyên-Thủy của TRẦN-VAN-XUÂN.
- Đại-Việt Thống-Nhất của NGUYỄN-ĐÌNH-LUYỆN

• Khuynh hướng đảng Cần-Lao cũ:

- Việt-Nam Nhân-Xã Cách Mạng đảng của TRƯƠNG-CÔNG-CỪ
- Chánh-Đảng Cộng-Hòa Đại chúng của TRẦN-CHÁNH-THÀNH.
- Lực-Lượng Nhân-Dân Kiến-Quốc của LÊ-TRỌNG-QUÁT

• Khuynh hướng chủ-trương trung-lập, liên-hiệp :

- Lực lượng Quốc-Gia Tiên-Bộ của TRẦN-NGỌC-LIÊNG và BÀ NGÔ-BÁ-THÀNH.

Yếu tố nhân vật trong các đảng này rất quan-trọng thể hiện qua sự phân hóa các đảng thành nhiều hệ phái, mỗi hệ phái đặt dưới sự lãnh đạo của một lãnh tụ và có một địa bàn hoạt-dộng riêng.

* 3. Các đảng dựa trên các đoàn thể quyền lợi

o Các đảng dựa trên các đoàn thể tôn giáo :

Giáo-Phái Cao-Đài (60)

Đảng Cộng-Hòa Xã-Hội của VAN-THÀNH-CAO
Mặt Trận Quốc-Gia Kháng Chiến của NGUYỄN-THÀNH-
HUƠNG
Phong-Trào Tân-Dân của NGUYỄN-THÀNH-VINH

Giáo-Phái Hòa-Hảo :

Việt-Nam Dân-Chủ Xã-Hội (Dân Xã đảng) TRINH-QUỐC-
KHÁNH
Tập Đoàn Cựu Chiến Sĩ Hòa Hảo LÂM-THÀNH-NGUYỄN
VN Dân-Chủ Xã-Hội Đảng Thống Nhất HUYNH HỮU PHI

Thiên-Chùa-Giáo :

Lực Lượng Đại-Đoàn-Kết (Công Giáo Hồ Nai) NGUYỄN
GIA-HIẾN
Và những đảng khuynh hướng Cần-Lao Nhân-Vị.

Phật Giáo (V.N.Q.T.):

Lực Lượng Dân Chủ Xã Hội Phật-Giáo V.N. VŨ QUỐC
THÔNG.

o Các đảng dựa trên Nghiệp-đoàn :

Đảng Công Nông V.N. (dựa trên Tổng Liên-Đoàn Lao
Công Việt-Nam). Ông TRẦN-QUỐC-BỬU.

o Các đảng dựa trên chủng tộc :

Khởi Đoàn-Kết Dân-Tộc Thiểu-Số VN VÒNG-A-SÁNG
KSORT ROT
TÔN-ÁI-LIÊNG

(60) Các đảng này không có phát-dai hoạt-dộng.

o Các Đảng dựa trên địa phương :

Phong-trào Phục-Hưng Miền-Nam

NGUYỄN-KHẮC-THÀNH.

II. Sự tham gia chính quyền của các chính đảng :

Mục tiêu tối hậu của chính đảng là chiếm chính-quyền. Tại những quốc gia theo chế-độ nghị-viện, chính đảng chiếm đa số tại Quốc-Hội sẽ chiếm được quyền Hành Pháp để thi-hành chính sách của mình. Vì chỉ có hành-pháp mới là nơi có đầy đủ phương tiện hữu hiệu hơn hết để thực hiện chính sách. Tại Việt-Nam, trong dĩ vãng người ta thấy các chính đảng có lần đã nắm được chính quyền qua hình thức chính phủ liên-hiệp với Việt-Minh. Nhưng chính-phủ này chẳng sống được lâu. Các chính đảng quốc gia lần lần bị Cộng Sản lấn át và loại trừ ra khỏi chính phủ.

Đến thời Đệ Nhất Cộng-Hòa thì Tổng-Thống NGŨ-DÌNH-DIỆM lại chủ-trương đàn áp các đảng phái đối lập, cho nên sự tham gia vào hành pháp của các chính đảng coi như không có, vì lúc ấy chỉ có một hệ-thống chính đảng duy nhất là đảng Cần-Lao Nhân-Vị - một tổ chức chìm và Phong-Trào Cách Mạng Quốc-Gia - một tổ chức nổi, do những phần tử trí thức trung kiên với chế độ NGŨ-DÌNH-DIỆM, lãnh-đạo.

Sau Cách-Mạng 1.11.1963, các chính đảng quốc gia được coi như có một không khí dễ thở hơn. Tuy nhiên với chính phủ NGUYỄN-NGOC-THO, là một "Chính-phủ chuyên-viên" cho nên các chính đảng lại không có cơ hội để nắm giữ hay tham gia chính quyền. "Chính phủ chuyên viên" ấy lại sụp đổ do cuộc chỉnh lý của 3 tướng NGUYỄN-KHÁNH, TRẦN-THIỆN-KHIÊM và NGUYỄN-VĂN-THIỆU (61). Các tướng lãnh chủ trương phối - hợp quân-đội và các đảng phái quốc-gia. Do đó, trong chính phủ NGUYỄN-KHÁNH thành lập ngày 8.2.1964, ta thấy, có sự tham gia của các lãnh tụ Đại-Việt Quốc-Dân-Đảng như các Ông

(61), Trần-Thị-Hoài-Trần, Op. Cit., trang 240.

NGUYỄN-TÔN-HOÀN mới ở hải ngoại về làm Phó Thủ-Tướng đặc-trách Bình-Dinh với Ông NGUYỄN-NGOC-HUY làm Đồng-Lý Văn-Phòng, Bác-Sĩ PHAN-HUY-QUÁT làm Tổng-Trưởng Ngoại-Giao, Ông Hà Thúc-Ký làm Tổng-Trưởng Nội-Vụ. Cũng trong nội các đó, có sự hiện diện của một lãnh tụ Việt-Nam Quốc-Dân Đảng là Ông PHAM-THÁI làm Tổng-Trưởng Thông-Tin.

Tuy vậy, thành-phần đảng phái trong nội các NGUYỄN KHÁNH, vẫn chỉ chiếm phần nhỏ so với thành phần không đảng phái (bảng 9).

Sự cộng-tác giữa đảng Đại-Việt và giới tướng lĩnh không được lâu dài. Lý do là có sự tranh chấp giữa đảng Đại-Việt và tướng NGUYỄN-KHÁNH trong việc kiểm soát guồng máy chính quyền cũng như việc bổ nhiệm các chức vụ chỉ huy hành chánh (62). Việc này đã đưa đến sự từ chức của Ông HÀ-THỨC-KÝ và sau đó hai Ông NGUYỄN-TÔN-HOÀN và Giáo-Sư NGUYỄN-NGOC-HUY phải ra đi.

Cuộc hợp tác giữa chính đảng và quân-đội tan vỡ khiến cho nội các sau đó là nội các TRẦN-VAN-HƯƠNG I, không còn bóng dáng các lãnh tụ chính đảng.

Trong nội các PHAN-HUY-QUÁT thành lập ngày 16.2.1965 có sự tham gia của Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng với Luật-Sư TRẦN-VAN-TUYÊN ở chức vụ Phó Thủ-Tướng phụ-trách kế-hoạch, Ông NGUYỄN-HÒA-HIỆP Tổng-Trưởng Nội-Vụ, Ông NGUYỄN-VAN-VINH Tổng-Trưởng Kinh-Tế. Ông PHAN-HUY-QUÁT là một lãnh tụ Đại-Việt. Các nhân vật thuộc Đại-Việt Quốc-Dân đảng tham-gia nội các này gồm có các Ông Bác-sĩ NGUYỄN-TIẾN-HỠ, Bác-Sĩ NGUYỄN-TANG-NGUYỄN, Giáo-Sư TRẦN-VAN-KIỆN, Bác-Sĩ NGUYỄN TẤN-HỒNG (63)

(62) Trần-Thị-Hoài-Trần, Op. Cit., trang 241.

(63) Tài-Liệu của Lực-Lượng Đại-Đoàn-Kết Công-Giác : "Kiểm điểm tình hình chính-trị sau ba tháng chấp-chánh của các tướng lĩnh" ngày 26.9.1965.

Ngày 25.5.65, Thủ-Tướng PHAN-HUY-QUÁT cải tổ chính phủ, và đề-nghị bổ-nhiệm Ông TRẦN-VAN-THOÀN thay thế Ông NGUYỄN-HÒA-HIỆP trong chức vụ Tổng-Trưởng Nội Vụ, Ông NGUYỄN TRUNG-TRINH thay thế Ông NGUYỄN-VAN-VINH Tổng-Trưởng Kinh-Tế. Nhưng có mâu thuẫn giữa Đại-Việt Quốc-Dân Đảng và Việt-Nam Quốc-Dân đảng. Hai Ông NGUYỄN-HÒA-HIỆP và NGUYỄN-VAN-VINH quyết-định không từ chức viện lý do phải đợi Ông TRẦN-VAN-TUYẾN công du trở về rồi mới xét vấn-đề trong nội-bộ Việt-Nam Quốc-Dân đảng. Quốc-Trưởng PHAN-KHẮC-SUU cũng chỉ chấp nhận ký bổ nhiệm hai Ông Tổng-Trưởng mới nếu hai Ông cũ chịu từ chức.

Việc liên-hiệp giữa hai chính đảng quốc-gia kỳ cựu tan vỡ và nội các cũng sụp đổ theo. Dưới áp lực của quân-đội cả quốc-trưởng PHAN-KHẮC-SUU lẫn Thủ-Tướng PHAN-HUY-QUÁT đã đều từ chức và giao trả cho quân-đội quyền lãnh đạo quốc-gia.

Cho đến lúc này, chính đảng tham gia nội các vốn vẹn vẫn chỉ có hai đảng Đại-Việt và Việt-Nam Quốc-Dân đảng qua hai nội các NGUYỄN-KHÁNH và nội các PHAN-HUY-QUÁT. Sự kết hợp giữa chính đảng và quân-đội tan vỡ dưới thời NGUYỄN KHÁNH và sự hợp tác giữa chính đảng và chính đảng tan vỡ dưới thời nội các PHAN-HUY-QUÁT.

"Nội-các chiến-tranh" NGUYỄN-CAO-KỶ thành-lập ngày 19.6.1965 với danh hiệu Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-Uông, được Hoa-Kỳ ủng-hộ đề thiết-lập, bằng sức mạnh, sự ổn định chính trị cần thiết cho nỗ lực gia-tăng chiến-tranh quân sự vào lúc bấy giờ.

Quân-đội trở lại chính-trường lần này với một ý-niệm thực tiễn, do kinh-nghiệm mà có, về thực-lực và khả-năng của chính đảng trong việc điều-hành công việc quốc-gia. Sự thất bại của chính đảng gây nên tình-trạng khủng-hoảng nội các khiến quân-đội trở lại chính quyền với khí-thế tự tin hơn. Sự kiện này đánh dấu lần đầu tiên sự suy yếu của các chính đảng quốc-gia kỳ cựu, qua thế đứng của họ trong những nội các từ đây về sau.

Trong 41 nhân-vật nội các NGUYỄN-CAO-KỶ, ta chỉ ghi nhận được một số rất ít các bộ mặt chính đảng đã xuất hiện từ nội các PHAN-HUY-QUÁT, đó là các nhân-vật Đại-Việt như các Ông NGUYỄN-TẤN-HỒNG, TRẦN-VAN-KIỆN, hai nhân-vật Đại-Việt mới tham gia nội các NGUYỄN CAO KỶ là Ông DINH-TRINH-CHÍNH và NGUYỄN-TẤT-ÔNG.

Thời gian nội các NGUYỄN-CAO-KỶ kéo dài được 2 năm 3 tháng, là thời gian dài nhất mà một nội các đã trải qua được so với những nội các trước đó, sau khi nội các này đã thành công trong việc loại bỏ hoàn toàn áp lực của Phật-Giáo, mà không cần có sự trợ lực của chính đảng, vì trên 70% thành phần nội các đã không tham gia chính đảng nào. Nội các NGUYỄN-CAO-KỶ lại không chấm dứt bằng một cuộc khủng hoảng như những nội các trước, nhưng với sự bàn giao cho nội các NGUYỄN-VAN-LỘC, trong sự ổn-định của nền Đệ Nhị Cộng-Hòa vừa thành lập của Hiến-Pháp ngày 1.4.1967.

Nội các NGUYỄN-VAN-LỘC thành-lập ngày 9.11.1967 hoàn toàn không có sự tham gia của các chính đảng. Thủ-Tướng NGUYỄN-VAN-LỘC được dư-luận mô tả là có liên-hệ mật thiết với tướng NGUYỄN-CAO-KỶ, bằng chứng là trong nội các của Ông, có 10 nhân-vật của nội các NGUYỄN-CAO-KỶ ở lại, trong tổng số 27 nhân-vật kể cả thủ-tướng.

Nội-các TRẦN-VAN-HƯƠNG II ra đi ngày 25.5.1968 cũng không có mặt các chính đảng, ngoại trừ một vị trước kia đã tham gia Việt-Nam Quốc-Gia Độc-Lập đảng của NGUYỄN-VAN-SÂM và HỒ-VAN-NGÀ, năm 1945, là Ông LÊ-VAN-THU. Có lẽ sự tham gia nội các TRẦN-VAN-HƯƠNG II của Ông LÊ-VAN-THU là do uy tín và tư cách riêng, chứ không phải là tư cách đại-diện chính đảng.

Tuy trong nội các này cũng như nội các trước, không có sự tham gia của các chính đảng quốc gia kỳ cựu như Việt Nam Quốc-Dân đảng và Đại-Việt Quốc-Dân đảng, nhưng có một sự kiện đáng lưu ý là Chính-Phủ TRẦN-VAN-HƯƠNG II cho phép tổ chức một lễ cầu hôn Tổng-Thống NGÔ-DÌNH-DIỆM vào ngày

2.11.1969 tại Nhà Thờ Dòng Chúa Cứu Thế ở SAIGON, tại các nhà thờ ở Phan-Thiết, Quảng-Ngãi, Tuy-Hòa... Sự kiện này đánh dấu cho việc "tái xuất giang hồ" của khuyñh hướng Cần Lao trong nội các sau. Mặc dù trong nội các này, sự "tái xuất giang hồ" ấy chỉ mới được khơi mào với trường hợp Ông TRẦN-CHÁNH-THÀNH, một nhân-vật lừng danh thời Đế Nhất Cộng Hòa, nay làm Tổng-Trưởng Ngoại-Giao trong nội các TRẦN-VAN HUƠNG II.

Nội-các TRẦN-THIỆN-KHIÊM thành lập ngày 1.9.69 với một căn bản chính-trị rộng-rãi với sự tham gia của nhiều chính đảng. Đặc-biệt là sự xuất-hiện đồng đảo của khuyñh hướng Cần Lao với các Ông LÊ-TRONG-QUÁT thuộc Lực-lượng Nhân-Dân Kiến-Quốc, Ông TRẦN-VAN-LÂM thuộc Tập-Đoàn Công-Dân thời Đế Nhất Cộng-Hòa, Ông NGÔ-KHẮC-TÍNH thuộc Nhân-Xã Cách-Mạng đảng, Ông CAO-VAN-TUƠNG thuộc Phong-Trào Cách-Mạng Quốc-Gia cùng với Ông TRẦN-CHÁNH-THÀNH.

Trong khi đó, các chính đảng quốc-gia rất hoạt động ở thời kỳ nội các NGUYỄN-KHÁNH và nội các PHAN-HUY-QUÁT chỉ hiện diện rất khiêm-tốn với Ông HỒ-VAN-CHÂM và NGUYỄN-TIẾN-HỸ thuộc Đại-Việt Quốc-Dân đảng.

Đảng Dân-Chủ là đảng của chính quyền - đảng duy nhất hoạt-động hợp pháp ngày nay, có hai lãnh tụ tham gia nội các TRẦN-THIỆN-KHIÊM đó là Ông TRẦN-MINH-TÙNG và DƯƠNG ĐỨC THUY.

Tuy căn bản chính-trị của nội các TRẦN-THIỆN-KHIÊM được coi là rộng-rãi hơn cả so với những nội các trước, nhưng thành phần chuyên viên không tham gia chính-đảng có mặt vẫn đồng đảo nhất trong chính phủ này.

Tóm lại, trong thời gian qua, ta nhận thấy rằng không có chính đảng nào nắm được chính quyền một cách toàn diện, mà chỉ tham gia nội các với tư cách là người cộng tác với các nhà lãnh đạo quân sự. Nói rõ hơn, trong việc cộng-tác này, các lãnh-tụ chính đảng thường chỉ giữ nhiệm vụ thừa hành của vị lãnh đạo quốc-gia. Các chính đảng chỉ tham

dự với một tỷ số rất nhỏ, khoảng chưa đến 20% trong suốt thời gian 8 nội các từ sau Cách-Mạng 63. Việc lãnh-đạo thực sự vẫn nằm trong tay quân-đội, nói đúng hơn, nằm trong tay những tướng lãnh cầm quyền.

Vì vậy, không có chính đảng nào có thể thực hiện được chủ-trương hay chính-sách của mình một cách trọn vẹn, và thường tỏ ra bất-lực trước các vấn-đề khó khăn. Thêm vào đó, sự thay đổi mau lẹ của những chính phủ cũng khiến cho các chính đảng không có đủ thì giờ để thực hiện chủ-trương của đảng mình.

Và lại, đôi khi ta thấy có vài đảng viên của một chính đảng nào đó tham gia chính quyền với tư cách cá nhân hơn là với tư cách đại diện chính-thức cho chính đảng.

Vì không có một chính đảng nào đủ mạnh để có thể chiếm chính quyền được, cho nên trong suốt thời gian từ sau Cách-Mạng 63 đến nay, chính-trường Việt-Nam hầu hết đều được điều-khiển bởi quân-đội. Để có thể giúp đỡ mình trong việc lãnh đạo đất nước, các nhà lãnh đạo quân sự thường dùng những chuyên viên không đảng phái. Con số những chuyên viên không đảng phái này chiếm tới 80% trong suốt 8 nội các từ sau Cách-Mạng 63 (Bảng 9). Tình-trạng này khiến cho có người gọi các chính phủ tại Việt-Nam Cộng-Hòa trong thời gian này là những "chính phủ chuyên viên" (64).

IX- HỘI-ĐOÀN

Các Hội-đoàn thuộc loại đoàn thể quyền-lợi. Nói đến sinh hoạt chính-trị tại Việt-Nam Cộng-Hòa mà không kể đến vai trò của những đoàn thể quyền lợi là một thiếu sót

(64) Nguyễn-Văn-Bông, "Chính-đảng và cuộc sinh hoạt chính-trị tại VNCH", Cáp Tiễn, 13, tháng 1/1970, trang 24.

lớn. Ngày nay người ta thường lẫn lộn đoàn thể quyền-lợi và đoàn thể áp lực. Thực ra đoàn thể áp lực không khác gì hơn là vô số những tập-hợp, để bảo vệ quyền-lợi riêng của các đoàn viên, đã xử dụng mọi phương tiện, trực tiếp hay gián tiếp lên chính quyền, qua sự hướng dẫn dủ luận.

Trong khi chính đảng có mục đích tranh đấu để nắm chính quyền, thì đoàn thể quyền lợi không trực tiếp muốn chiếm đoạt chính quyền mà chỉ tìm cách gây ảnh hưởng trên chính quyền, để bảo vệ quyền lợi riêng của tập thể mình. Quyền lợi ở đây được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả những quyền lợi tinh thần lẫn vật chất.

Tại Việt-Nam Cộng-Hòa, trong tình-trạng chính - đảng hoạt-động yếu kém, không đóng được trọn vẹn vai trò của mình trong sinh hoạt chính-trị quốc-gia, đoàn thể quyền lợi đã vượt qua phạm vi và mục tiêu riêng của mình, để hoạt động chi-phối chính-trường, và đưa người vào nội các.

Trong giai đoạn từ sau Cách-Mạng 63, ta thấy sự hoạt-động của các hội đoàn như Hội Liên-Trường, Hội Pax Romana Việt-Nam, Hội Cựu Sinh-Viên Sĩ-Quan Trừ Bị Khóa 1, Tổng Liên-Đoàn Lao-Công Việt-Nam, Hội Cựu Học-Sinh Trung-Học Mỹ-Thơ và mới đây, Hội Cựu Sinh Viên Quốc-Gia Hành Chánh (bảng 10).

Những Hội đoàn này được dựa trên những quyền lợi địa-phương (Hội Liên-Trường), quyền-lợi nghề-nghiệp (Tổng Liên-Đoàn Lao-Công V.N.), và quyền-lợi có tính cách tôn-giáo (Pax Romana).

Hội Liên-Trường là loại đoàn thể quyền lợi dựa trên địa phương nổi bật trên chính-trường từ năm 1965 dưới thời nội các NGUYỄN-CAO-KỶ và nội các NGUYỄN-VAN-LỘC. Hội Liên-Trường do Trung-Tướng Hồi hưu TRẦN-VAN-ĐƠN thành-lập và làm Chủ-Tịch, quy tụ hầu hết những bộ mặt trí-thức miền Nam.

Nhân-vật đầu tiên thuộc hội này tham chánh là Ông TRƯỜNG-THÁI-TÔN, làm Tổng Ủy Viên Kinh-Tế Tài-Chánh kiêm Ủy Viên Kinh-Tế trong nội các NGUYỄN-CAO-KỶ thành lập ngày 19.6.1965; sau đó lần cải tổ ngày 13.7.66, Ông TRƯỜNG-THÁI-TÔN làm Ủy-Viên Phụ-Tá Chủ-Tịch. Thời nội các NGUYỄN-VAN-LỘC, Ông TRƯỜNG-THÁI-TÔN cũng giữ Bộ Kinh-Tế. Thủ-Tướng NGUYỄN-VAN-LỘC là Tổng Thư Ký Hội Liên-Trường vào thời kỳ này. Ngoài hai Ông TÔN và LỘC, còn có Kỹ Sư VÕ-VAN-NHUNG và nhiều nhân-vật khác thuộc Hội Liên-Trường, tham gia nội các NGUYỄN-VAN-LỘC. Đến nội các TRẦN-VAN-HƯƠNG II thành-lập ngày 25.5.1968, Hội Liên-Trường cũng có hai nhân-vật tham-chánh, một người cũ là Ông TRƯỜNG-THÁI-TÔN và nhân-vật mới là cụ MAI-THỌ-TRUYỀN.

Từ khi thành-lập vào năm 1965, Hội này luôn luôn có mặt trong những nội các kế tiếp từ nội các NGUYỄN-CAO-KỶ trở về sau.

Ngoài Hội Liên-Trường còn phải kể Hội Cựu Học-Sinh Trung-Học Mỹ-Tho, cũng là những đoàn thể quyền-lợi dựa trên yếu tố địa phương. Nhờ uy thế của Cụ TRẦN-VAN-HƯƠNG, nguyên là Giáo-Sư dạy tại trường Trung-Học Mỹ-Tho, nên Hội này cũng có mặt trong những nội các, đặc-biệt là nội các TRẦN-VAN-HƯƠNG I và II. Nhân-vật tiêu biểu cho Hội này là Giáo-Sư NGUYỄN-VAN-TRƯỜNG.

Hội Cựu Học-Sinh Trung-Học Mỹ-Tho chính-thức đưa người ra tham chánh lần đầu đúng vào thời kỳ Cụ TRẦN-VAN-HƯƠNG lập nội các lần thứ nhất vào ngày 4.11.1963. Đó là một sự liên-hệ có ý-nghĩa. Khi Cụ TRẦN-VAN-HƯƠNG không còn làm Thủ-Tướng thì cũng không còn thấy nhân-vật nào thuộc Hội này có mặt trong nội các TRẦN-THIỆN-KHIÊM nữa.

Hội Cựu Sinh-Viên Sĩ-Quan khóa 1 Nam-Dịnh, tức là khóa Sĩ-Quan Trừ Bị đầu tiên do tướng NGUYỄN-CAO-KỶ làm chủ-tịch. Hội này có hội viên tham gia nội các, lần đầu tiên trong nội các PHAN-HUY-QUÁT với Ông NGUYỄN-VAN-TUÔNG. Sau đó, khi tướng KỶ thành-lập nội các chiến-tranh, con số hội viên của Hội này tham gia nội các tăng lên 3 vị đó là các Ông

NGUYỄN-VAN-TUÔNG (cũ), MAI-VAN-ĐẠI và HỒ-VAN-DI-HÌNH. Hội này van có mặt trong nội các NGUYỄN-VAN-LỘC với Ông NGUYỄN-VAN-TUÔNG. Đó cũng là nội các sau cùng mà hội viên của Hội Cựu Sĩ-Quan Trừ Bị Khóa I, có tham gia. Ta thấy Hội Cựu Sinh Viên Sĩ-Quan Trừ bị khóa I chỉ xuất hiện trong 3 nội các PHAN-HUY-QUÁT, NGUYỄN-CAO-KỶ và NGUYỄN-VAN-LỘC, trong đó, Hội-Trưởng là tướng KỶ đang lúc còn đầy quyền-lực trong tay. Trường hợp Hội này cũng tương tự như Hội Cựu Học Sinh Trung-Học Mỹ-Tho nói trên. Riêng Hội Liên-Trưởng, kể từ khi thành lập đến nay, luôn luôn có mặt trong nội các.

Hội Cựu-Sinh-Viên Quốc-Gia Hành-Chánh có Ông CHÂU KIM-NHÂN và Ông BỬU-VIÊN, là những hội viên đầu tiên của Hội này tham gia nội các.

Ngoài ra Hong-Trào Trí-Thức Công-Giáo Việt-Nam tức Hội Pax Romana V.N, kể từ khi thành-lập vào năm 1963 đến nay, luôn luôn có mặt tại tất cả những nội các, khi thì một người, khi thì hai người. Trừ trong nội các PHAN-HUY-QUÁT, được kể là nội các thân Phật-Giáo, là không thấy nhân vật nào của Hội Pax Romana V.N. Những nhân-vật của Hội này đã từng tham chánh trong thời kỳ sau Cách-Mạng 63 đến nay như các Ông Kỹ-Sư TRẦN-NGOC-OANH, Luật-Sư PHẠM-VAN-TOÀN, Bác-Sĩ NGUYỄN-VAN-THƠ, Ông HUỖNH-ĐỨC-BỬU, Giáo-Sư PHỐ-BÁ-LONG, Ông TRẦN-VAN-LÂM, và Kỹ-Sư VÕ-LONG-TRIỆU.

Trong tất cả các Hội đoàn trên, Hong-Trào Pax Romana là Hội duy nhất đã tìm cách hiện-diện được tại 7 trong 8 nội các sau Cách-Mạng 63 đến nay. Trong khi hầu hết những Hội-Đoàn kia chỉ đưa được hội viên vào nội các khi chính vị cầm đầu nội các là Hội-Trưởng, hay là nhân-vật có chức chương trong hội hoặc có liên-hệ sâu xa với Hội.

X-QUÂN-ĐỐI VỚI CHÍNH-TRƯỞNG SAU CÁCH-MẠNG 63.

Sau khi thực hiện cuộc đảo chính ngày 1.11.1963 lật-đổ chế-độ NGŨ-DĨNH-DIỆM, giới quân-nhân nắm giữ hoàn toàn quyền-hành chính-trị. Những cuộc đảo chính hụt hay

chính lý và sau không có ý-nghĩa gì khác hơn là một sự sắp xếp lại mối tương quan quyền-lực trong giới tướng lãnh cao cấp, hay nói nôm na; đó là sự tranh giành quyền-hành giữa các tướng lãnh. Nhưng vấn đề đặt ra cho các lãnh tụ quân nhân là làm sao để thúc đẩy sự phát-triển những tổ-chức chính-trị quân-chúng. Đó là lý do khiến cho bầu không khí sinh hoạt chính đảng trở nên sôi động hơn bao giờ hết trong những năm sau Cách-Mạng 63. Các Lãnh tụ quân-nhân rất mong ước và đi tìm mọi giây liên-lạc cộng-tác với các đoàn thể chính-trị dân sự. Đối với họ, vào lúc đó, việc lãnh-đạo quốc-gia vì thiếu chuan bị, khiến họ trở nên rất lúng túng. Vì vậy, sự phối hợp với các chính đảng để lãnh đạo quốc-gia là một điều cần-thiết.

Tướng DUONG-VAN-MINH và phe quân-nhân trực tiếp tham dự việc lật đổ chế độ NGÔ-ĐÌNH-DIEM. Sau khi thành-cong, giữa bầu không khí sôi nổi của cuộc cách mạng chính tướng MINH đã làm mọi người sùng sốt khi Ông quyết-định mời cựu Phó Tổng-Thống NGUYỄN-NGOC-THO ra thành-lập nội-các. Việc mời Ông THO là một nhân vật số hai của chế độ cũ mà chính mình lật đổ và cũng là trưởng phái-đoàn chính phủ trong việc thương lượng với Phật-Giáo ít ngày trước đã làm xep ngay bầu không khí cách-mạng do chính tướng Minh tạo ra. Sự kiện này không thể giải thích bằng một lý do nào khác hơn là sự lúng túng hoang mang cực độ của các lãnh tụ quân sự trước việc cai-trị quốc-gia, một công việc hoàn toàn xa lạ, nay đột nhiên rớt vào tay họ.

Sau cuộc chính lý ngày 30.1.1964, 3 tướng NGUYỄN KHÁNH, TRẦN-THIỆN-KHIEM và NGUYỄN-VAN-THIEU, cũng vẫn trong trạng-thái lúng-túng ấy, nên phải đi đến quyết-định phối-hợp quân-nhân với đảng phái để lãnh-đạo quốc-gia. Đại-Việt Quốc-Dân-Đảng và Việt-Nam-Quốc-Dân-Đảng là những chính đảng đầu tiên đã cộng tác với giới quân-nhân, trong chính phủ NGUYỄN-KHÁNH thành-lập ngày 8.2.1964. Như ta đã biết sự cộng-tác này đã gây những va chạm khiến sự phối hợp giữa chính đảng và quân-đội phải tan vỡ. Trong khi đó áp lực của tôn giáo, nhất là Phật-Giáo luôn luôn đề nặng lên chính quyền. Nội các TRẦN-VAN-HUONG I ra đời đã thi hành một nhiệm

vụ cho giới lãnh-đạo quân-sự. Nhiệm-vụ đó là đương đầu trực diện với Phật-Giáo, loại bỏ ảnh hưởng của Phật-Giáo lên chính quyền mà xét cho cùng quân-đội vẫn kiểm-soát. Sự an nguy của nội các TRẦN-VAN-HUÔNG I - một chính phủ dân sự, do đó, cũng không ảnh hưởng gì đến địa vị của giới lãnh-đạo quyền-lực, là các tướng lãnh quân-đội. Quả nhiên nội-các TRẦN-VAN-HUÔNG I đã không chịu nổi áp lực của Phật-Giáo và đã tan hàng, nhường chỗ cho một nội các dân sự khác mà nhiều tác giả cũng cho rằng nội các này cũng đảm trách một vai trò của giới lãnh-đạo quân-sự như nội các trước đó là nội các PHAN-HUY-QUÁT với nhiệm vụ làm tâm bình phong, che sóng gió cho giới lãnh tụ quân sự, nhưng với căn bản khác đó là sự thỏa hiệp với Phật-Giáo nhưng cố gắng tránh cho ảnh hưởng Phật-Giáo trở nên độc tôn bằng cách mở rộng sự hợp tác với các chính đảng và tôn giáo khác. Nội các PHAN-HUY-QUÁT có chủ-đích thỏa mãn Phật-Giáo, nhưng với sự có mặt của hai chính đảng kỳ cựu Việt-Nam Quốc-Dân Đảng và Đại-Việt Quốc-Dân đảng, và các nhân vật Cab-Dải, Hòa-Hào, thực ra lại chế ngự bớt ảnh hưởng của Phật-Giáo. Công-Giáo chống lại chính phủ này vì ưu thế mà Phật-Giáo dành được. Chính sự chống đối của Công-Giáo, thêm vào đó, sự va chạm về quyền lợi giữa những chính đảng, đã là nguyên-do khiến nội các PHAN-HUY-QUÁT chỉ sống được 4 tháng, từ tháng 2.1965 đến tháng 6.1965.

Sau 2 năm kể từ sau Cách-Mạng 63, giới lãnh-đạo quân-đội bên trong lo củng cố, chỉnh lý hàng ngũ trong Hội-Đông Quân-Nhân Cách-Mạng, bên ngoài, vì bờ ngõ cũng có, mà vì để rút tĩa kinh-nghiệm củng cố, giới lãnh-đạo quân-sự để mặc cho đảng phái và tôn-giáo thao-túng chính-trường. Sự thất bại của đảng phái và sự xáo-trộn xã-hội do những tôn giáo mà quyền lợi tương phản nhau gây nên, đã là cơ hội rất thuận-lợi để quân-đội trở lại chính-trường với tất cả sự hùng-đứng và tự tin. Tướng NGUYỄN-CAO-KỶ chính-thức cầm đầu hành-pháp từ ngày 19.6.1965. Sau khi dẹp tan cuộc tranh-đấu của Phật-Giáo, một việc làm mà Ông TRẦN-VAN-HUÔNG không thể nào thành công nổi trong nội các thứ nhất của Ông, các tướng lãnh đã chính danh hóa sự lãnh đạo của mình bằng cách ban hành Hiến-Pháp thiết-lập nền Đệ-Nhiệ Cộng-Hòa và ra tranh

cử Tổng-Thống, Phó Tổng-Thống với tư cách dân sự. Trong nhiệm kỳ đầu, 2 tướng NGUYỄN-VAN-THIỆU và NGUYỄN-CAO-KỶ đã trở thành Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa. Tuy vậy, cũng như trong chế-độ Cộng-Hòa của Đại-Hàn, trong đó tướng PHÁC-CHÍNH-HY đã trở nên Tổng-Thống qua kỳ bầu cử năm 1963, chế độ Đệ Nhị Cộng-Hòa vẫn được coi là chế-độ quân-nhân. Mặc dù những vị trong quân-đội nắm chính quyền tại Việt-Nam Cộng-Hòa tuyên bố là lãnh đạo với tư cách dân sự, nhưng tính chất quân nhân không thể nào cởi bỏ được vì một lời tuyên-bố (65).

Trong suốt mười năm qua, Quân-Đội đã giữ vai trò lãnh đạo quyền lực tối cao tại Việt-Nam Cộng-Hòa dù cho Hiến-Pháp Đệ Nhị Cộng-Hòa có thay đổi cái khung cảnh pháp lý của cuộc sinh hoạt chính-trị.

Giới lãnh đạo quân-sự, qua nhiều thất-bại liên-tiếp của các mưu toan độc tài, độc tôn, và trước sự đòi hỏi dân chủ của các đoàn thể, tư luận quân chúng, từ năm 1966 tới nay đã biểu-lộ thiện chí xây dựng dân chủ. Ngày nay, mặc dù trong chế độ dân chủ, nguyên-tắc ưu quyền dân sự phải được tôn trọng, nhưng trong thực tế quân nhân vẫn tiếp tục nắm vai trò quyết-dịnh, như chúng ta đã thấy. Chỉ có điều khác là lớp người từ tập thể này ra tham chính đã trút bỏ bộ quân-phục để mang theo một niềm tin vào sự mạng "giữ nước và dựng nước" của quân-đội, và tin vào tình đồng đội, hơn là vào lòng trung thủy hay khả năng tạo thời thuộc của các chính khách dân sự. Vào buổi đầu sau Cách-Mạng 63, các lãnh tụ quân sự còn nhìn chính đảng với tất cả lòng hâm mộ và kỳ vọng. Nhưng sự thất bại của đảng phái, trong việc điều-khiển guồng máy quốc-gia, thực chất của đảng phái phân hóa và thiếu căn bản quân chúng, đã là những lý do khiến lòng ngưỡng mộ ban đầu của các tướng lãnh, và ngay cả của quần chúng, đối với các chính đảng quốc-gia kỳ cựu, đã phải

(65) Phạm-Thị-Tự, "Quân-Nhân và sinh-Hoạt Chính-Trị", Tạp-San Quốc-Phong số 11, tháng 5/1971, trang 71.

tiêu tan trước thực-tế phủ-khang.

Trước ưu thế của Quân-Đội, khiến cho có tác giả đã hoàn toàn tin tưởng ở cuộc cách mạng tương lai và không ngần-ngại cho rằng cách-mạng tương-lai sẽ không thành-công và đời sống quốc-gia sẽ không ổn cố nếu không nhìn nhận vai trò lãnh đạo của quân-đội dưới lớp áo dân-sự (66).

Dù vậy, quân đội chỉ có mặt một cách rất khiêm-tốn, như ta đã thấy ở phần trên, với 14,6% so với tỷ số 85,4% nhân vật dân sự, trong 8 nội các kể từ sau Cách-Mạng 63 đến nay, chúng tôi quân-đội chia sẻ quyền-hành với giới chuyên-viên trí-thức, trong khi quyền lãnh đạo chính trị tối cao vẫn trong tay mình (bảng 11).

(66) Hoàng-Xuân-Hào, Op. Cit., tr. 613.

KẾT LUẬN

*

Trong phần kết-luận về cuộc nghiên cứu về giới lãnh đạo chính-trị tại Việt-Nam Cộng-Hòa qua 8 nội các kể từ sau Cách Mạng 63 đến nay, chúng tôi rất dè dặt mà đưa ra những nhận xét sau đây. Sự dè dặt có lý do của nó: Trước hết vì thiếu dữ-kiện, sau đó vì chính bản chất của những sự kiện khoa-học xã-hội cũng không đạt được mức độ chính xác như trong các khoa-học khác như toán học, vật-lý học...

Những nhận xét của chúng tôi chỉ là những kết-luận tạm thời căn cứ trên những dữ-kiện có giá-trị mà chúng tôi ghi nhận được. Tất nhiên nếu dữ-kiện phong phú hơn, có giá-trị hơn, chắc chắn sẽ giúp chúng ta đạt đến những nhận xét chính xác hơn.

Dù sao, chúng ta cũng có thể tóm lược những kết quả nghiên cứu ở trên như sau :

Trước hết, trong 8 nội các sau Cách-Mạng 63, những nhân-vật tham chánh trong mỗi nội các luôn luôn không phải là những nhân-vật hoàn toàn mới lạ, trái lại 1/3 là những nhân-vật đã từng xuất-hiện hơn 1 lần, trong những nội các trước, khiến cho nhiều nhân vật trở thành Tổng trưởng chuyên nghiệp. Phần lớn các nhân-vật tham chánh ở vào lứa tuổi 41-50. Chính vì vậy, tuổi trung bình của những nhân vật nội các là 45. Đó là tuổi lý tưởng để tham chánh. Trong tất cả những nội các sau Cách-Mạng 63, người miền Nam luôn luôn chiếm giữ phần nửa các ghế Tổng Bộ Trưởng. Nửa kia, chia cho người miền Bắc, miền Trung và một số ít người sắc tộc. Nói khác đi, thành phần người Nam đông nhất, rồi đến thành phần người Bắc và sau đó là thành phần người Trung. Trong 8 vị Thủ-Tướng thì đa số là người Miền Nam, chỉ có một vị là người Bắc và

một vị là người Trung. Về tôn giáo, luôn luôn Phật Giáo chiếm đông đảo, sau đó đến Công Giáo, rồi đến Cao Đài và Hoa-Hào. Đạo Tin-Lành hoàn toàn không có mặt trong những nội các này. Về trình độ giáo dục các nhân vật thuộc 8 nội các, luôn luôn thành phần có văn bằng Đại Học chiếm đa số tuyệt đối, trước một số rất ít các nhân vật chỉ có học lực trung học.

Giới quân-nhân đã chỉ xuất hiện rất khiêm tốn, trước đông đảo thuộc giới dân sự trong những nội các này mặc dù trong lúc quyền lực chính-trị tối cao vẫn nằm trong tay các tướng lãnh quân-đội. Về nơi giáo dục của các nhân vật nội các, trên một nửa được giáo dục tại bản xứ, sau đó là tại Pháp rồi mới đến Hoa-Kỳ, và một số ít được đào tạo do những nền giáo dục khác. Trong số những nhân vật nội các được giáo dục tại ngoại quốc ta thấy người Nam thường đi học ở Pháp nhiều hơn người Trung và Bắc. Ta cũng thấy người Trung thường du học Mỹ nhiều hơn người Bắc và người Nam. Còn người Bắc thì đa số học tại quốc-nội.

Nếu đứng trên phương diện nghề-nghiệp, ta thấy có hai ngã đường nghề-nghiệp dẫn vào nội các, được kể là những ngã đường chính yếu, đó là giới chuyên nghiệp và nghe tự do rồi đến giới quân công. Đặc-biệt trong những nội các sau Cách-Mạng 63, giới doanh thương đã chỉ xuất-hiện trong nội các luôn luôn với tỷ số rất khiêm tốn, trong khi giới nông dân không bao giờ có mặt trong nội các dù cho 80% dân số Việt-Nam thuộc giới này. Đó là hình ảnh đã diễn tả sự xa cách giữa giới cầm quyền và đại đa số quần chúng.

Các đảng phái đã chỉ tham gia vào hành pháp rất khiêm nhường. Trên 80% các nhân vật trong nội các đều không phải là những đảng viên của một chính đảng nào. Kể từ năm 1968 người ta thấy một sự kiện khá quan-trọng, là sự tái xuất hiện của các đảng khuynh hướng Cần Lao thời Đế I Cộng Hòa, trong nội các, sau một thời gian khá dài từ sau Cách-Mạng 63 bị tan rã theo chế độ NGŨ-DĨNH-DIỆM. Các chính đảng quốc-gia kỳ cựu chỉ xuất hiện sôi nổi trong những năm đầu sau cuộc Cách-Mạng, và hầu như biến mất trong những năm về sau.

Bên cạnh chính đảng, các hội đoàn tỏ ra rất hoạt động trong cố gắng đưa người vào nội các, đáng kể nhất là Hội Pax Romana, luôn luôn có mặt trong tất cả những nội các. Sau Pax Romana phải kể đến Hội Liên-trường, Tổng Liên-Đoàn Lao Công Việt-Nam, Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trù bị Khóa 1, Hội Cựu Học-Sinh Trung-Học Mỹ-Tho, Hội Cựu Sinh Viên Quốc-Gia Hành-Chánh. Tuy vậy, trên 80% các nhân vật nội các cũng không tham gia hội đoàn nào./-

[[HÌNH PHỤ CMLT CỦA VC

ngày 23.5.1969

(gồm 25 nhân-vật)

TUỔI-TÁC :

- Tuổi nhỏ nhất : 30 t (HỒ-HỮU-NHẬT-Thủ-Trưởng GD và TN)
- Tuổi lớn nhất : 73 t (NGUYỄN-ĐÓA - Phó-Chủ-Tịch)
- Tuổi trung bình: 50 t
- Cách biệt già trẻ : 43 t
- Lớn tuổi :

30 trở xuống	:	1 người	hay	4%
31 - 40	:	1	-	4%
41 - 50	:	9	-	37%
51 - 60	:	8	-	33%
61 - 70	:	4	-	18%
trên 70	:	1	-	4%

/// **INH QUÁN NHƯNG THÀNH-PHẦN**
TRONG CHÍNH-PHỦ V.O.

--

ĐỊA - PHƯƠNG	SỐ - LƯỢNG	TỶ SỐ
NAM	20	80%
TRUNG	4	16%
BẮC	1	4%
100%	25	
Thiếu dữ-kiện	0	
Tổng cộng	25	

TRÌNH-ĐỘ VĂN-HÓA NHÂN-VIÊN CHÍNH-PHỦ CMLT/VQ

2

Trình độ Văn hóa	số lượng	Tỷ số
- Trung-học	1	6%
- Đại-Học và Cao đẳng chuyên-nghiệp	13	81%
- Trường Võ -Bị	2	13%

100% 16

Thiếu đủ-kiện 9

Tổng cộng 25

NƠI GIÁO-DỤC

Nơi học

-VN {	Đại-Học Hà-Nội	7	50%
	Nơi khác	2	15%
- Pháp	5	35%	

100% 14

Thiếu đủ-kiện 11

Tổng cộng 25

**/// TUỔI-TÁC CỦA NHỮNG THỦ-TƯỚNG VNCH KHI CẦM-
QUYỀN KẾ TỬ SAU CÁCH-MẠNG 1963.**

2

TÊN	NAM SINH	TUỔI VÀ NGÀY CẦM QUYỀN
NGUYỄN-NGỌC-THƠ	1908	55 -- - 4.11.1963
NGUYỄN-KHÁNH		8.02.1964 (thiếu đủ-kiện)
TRẦN-VĂN-HƯƠNG I	1903	61 - 4.11.1964
PHAN-HUY-QUÁT	1909	56 - 16.02.1965
NGUYỄN-CAO-KỶ	1930	35 - 19.06.1965
NGUYỄN-VĂN-LỘC	1922	42 - 9.11.1967
TRẦN-VĂN-HƯƠNG II	1903	65 - 25.05.1968
TRẦN-THIỆN-KHIÊM	1925	44 - 1.09.1969

Thủ-Tướng trẻ nhất : 35 tuổi (NGUYỄN-CAO-KỶ)
Thủ-Tướng già nhất : 65 tuổi (TRẦN-VĂN-HƯƠNG II)
Tuổi trung bình của Thủ-Tướng VNCH/Sau CM 63 : 51 tuổi.

2

TUỔI-TÁC CỦA NHỮNG THỦ-TƯỚNG NHẬT KHI
CẦM QUYỀN (1).

2

TÊN	NĂM SINH	TUỔI VÀ NGÀY CẦM QUYỀN	NGHỀ-NGHIỆP
HIGA SHI KUNI	1887	58 - 17.08.45	Hoàng-Tộc
SHI DEHARA	1875	70 - 09.10.45	Điện chủ
YOSHIDA	1878	67 - 22.10.46	Kỹ-Sư đóng tàu
KATA YAMA	1887	60 - 24.05.47	Luật-Sư
A SHIDA	1887	61 - 10.03.48	Điện chủ
HATOYAMA	1883	71 - 10.10.54	Chính-trị-gia
I SHI BA SHI	1884	72 - 22.12.56	Điện chủ
KI SHI	1896	61 - 25.02.57	Chủ hãng rượu
I DEKA	1899	61 - 19.6.60	Chủ hãng rượu
SATO	1901	63 - 09.11.64	Chủ hãng rượu
TANA KA	1918	54 - 06.07.72	Nông dân

Tuổi trung-bình của 1 vị Thủ-Tướng Nhật khi cầm quyền
63 TUỔI (cùng với tuổi trung bình hiện nay của các
nhân-vật lãnh-đạo Bộ Chính-Trị UBTU Đảng
Lao-Động V.N.)

Tuổi trung bình của 1 vị Thủ-Tướng VNCH sau C.M. 63 :
51 TUỔI

(1) Key Sun Ryang "Postwar Japanese political leadership
A study of prime ministers" - Tạp chí Asian Survey,
tháng 11/1973, Vol XIII, số 11.

II Ộ CHÍNH-TRỊ ỦY-BAN TRUNG-ƯƠNG ĐẢNG LAO-
ĐỘNG V.N. (Đảng C.S.B.V.)

2

I.- TUỔI-TÁC (Vào năm 1974) :

- Tuổi nhỏ nhất : 57 tuổi (VAN-TIẾN-DŨNG)
- Tuổi lớn nhất : 69 tuổi (HOÀNG-VAN-HOAN)
- Tuổi trung bình : 63 tuổi.
- Lỗi tuổi :

Dưới 30	: 0
31 - 40	: 0
41 - 50	: 0
51 - 60	: 1
61 - 70	: 10
Trên 70	: 0

2

II-3 ỦY CHÍNH-TRỊ ỦY-AN TRUNG-ƯƠNG BẮNG LAO-

ĐỘNG V.N. (Đảng C.S.B.V.)

2

II.- ĐỊA-PHƯƠNG :

- Trước năm 1967.

ĐỊA PHƯƠNG	SỐ LƯỢNG	TỶ SỐ
Nam	1	8%
Trung	7	58%
Bắc	4	34%
100%	12	
Thiếu dữ-kiện	1	
Tổng cộng	13	

- Hiện nay 1974.

ĐỊA PHƯƠNG	SỐ LƯỢNG	TỶ SỐ
Nam	1	10%
Trung	5	50%
Bắc	4	40%
100%	10	
Thiếu dữ-kiện	1	
Tổng cộng	11	

0 SÁNH 2 MÔ THỨC NỘI-CÁC VNCH và VC

2

TRÌNH-ĐỘ VĂN-HÓA	NỘI-CÁC VNCH	Chính Phủ	
		CMLT	VC
- Trung-học	10%		6%
- Đại-Học và Cao Đẳng chuyên nghiệp	73,5%		81%
- Trường Võ-Bị	16,5%		13%

NƠI GIÁO-DỤC		NỘI-CÁC VNCH	CP/CMLT
V.N.	VĐH Hà-Nội	26%	50%
	Nơi khác	26%	15%
Pháp		32%	35%
Hoa-Kỳ		11%	0%
Nơi khác		5%	0%

D) / HƯNG NHÂN VIÊN NỘI CẤP VNCH ĐƯỢC GIÁO-DỤC

TẠI ĐẠI HỌC HÀ NỘI

	THO	KHÁNH	HƯƠNG I	QUÁT	KỶ	LỘC	HƯƠNG II	KHIÊM	8 NỘI-CẤP
	số %	số %	số %	số %	số %	số %	số %	số %	số %
Viện Đại-Học HÀ-NỘI	5 33	4 25	7 33	8 40	8 22	4 15	5 19	9 21	50 26
Tổng cộng	15	21	21	21	41	27	26	47	219

Viện Đại-Học HÀ-NỘI hoạt-dộng : 1918

Di cư vào Nam

: 1954

THƯ - TỊCH

* T ÁCH :

- Ajalbert, Jean. L'Indochine par les Français. Paris: Gallimard, 1931.
- Nguyễn-Ngọc-Huy. Lịch-Sử các Học-Thuyết Chính-Trị. Saigon: Cập Tiến, 1971.
- Nguyễn-Tiên-Hỷ. Vấn-Đề Đối-Lập Chính-Trị. Saigon, 1970.
- Lasswell, Harold D. The Comparative Study of Elites. Stanford University Press, 1952.
- Lasswell, Harold D. và Lerner, Daniel. World Revolutionary Elites. Cambridge, The Massachusetts Institute of Technology, 1965.
- Marvick, Dwaine. Political Decision Makers. New-York: Free Press of Glencoe, 1961.
- Meisel, J.H. The Myth of the Ruling Class: Gaetano Mosca and the Elite. Ann Arbor, University of Michigan Press, 1958.
- Sereno, R. The Rulers. New-York: Praeger, 1962.
- Tạ-Văn-Tài. Phương-pháp Các Khoa-Học Xã-Hội. Saigon, 1972.
- Đoàn Thêm. Việc từng ngày năm 1965, 1966, 1967, 1968, 1969. Saigon, 1971.
- Lương-Dức-Thiếp. Xã-Hội Việt-Nam. Saigon, 1971.
- Trần-Thị-Hoài-Trần. Lực-Lượng Chính-Trị - Chính-Đảng. Saigon, 1972.

- Trần-Thị-Hoài-Trần. Lực-Lượng Chính-Trị - Đoàn-Thể Áp-Lực. Saigon, 1974.

* AP - CHÍ :

• PACIFIC AFFAIRS:

- Fernando, Tissa. "Elite Politics in the New States, The Case of Post-Independence Sri Lanka", Mùa Thu 1973, Tập 46, số 3.
- Lovell, John P. và Kim, C.I Eugene. "The Military and Political Change in Asia". Xuân và Hạ 1967. Tập XL. Số 1 và 2.
- Woodside, Alexander. "The Development of Social Organisations in Vietnamese Cities in the Late Colonial Period". Xuân 1971. Tập XLIV, số 1.
- Woodside, Alexander. "Ideology and Integration in Post-Colonial Vietnamese Nationalism". Xuân 1971-1972. Tập XLIV, số 4.

• AI SAN SURVEY :

- Phan-Thiện-Châu. "Leadership in the Workers Party. The Process of Transition". Tháng 9, 1972. Tập XII số 9.
- Hahn, Bae-ho và Kim, Kyo-Taik. "Korean political leaders (1952-1962): Their social origins and Skills". Tháng 7, 1963. Tập III, số 7.
- Fishel, Wesley R. "Vietnam: The Broadening War". Tháng 1/1966. Tập VI. Số 1.
- Silverman, J.M. "Political Elites in South Vietnam:

A National and Provincial Comparison". Tháng 4 năm 1970. Tập X. Số 4.

- Wurfel, David. "The Saigon Political Elites : Focus on Four Cabinets". Tháng 8/1967. Tập VII. Số 8.

• TẬP-SAN QUỐC-PHÒNG :

- Nguyễn-Hữu-Dũng. "Từ Chủ-Nghĩa Thực-Dân Đến Chiến Lược Âu-Mỹ tại Á-Đông". Tháng 6/1971. Số 12.
- Nguyễn-Manh-Hùng. "Quyền-Lực Quốc-Gia". Tháng 10 năm 1970. Số 4.
- Tạ-Văn-Tài. "Phát-Triển Chính-Trị". Tháng 10/1971. số 16.
- Trần-Thị-Hoài-Trần. "Mô-Thức Phát-Triển Chính-Trị Tại Một Số Quốc-Gia Đang Mở-Mang". Tháng 4/1973 số 34.
- Phạm-Thị-Tự. "Quân-Nhân và Văn-Đề Chính-Trị". Tháng 5/1971. Số 11.

• VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN :

- Bửu-Cầm "Học Chế ở Việt-Nam Qua Các Triều-Đại". Tháng 8/1958, tháng 9/1958. Số 33 và số 34.

• LUẬN-ÁN VÀ LUẬN-VĂN :

- Hoàng-Xuân-Hào "Phật-Giáo và Chính-Trị tại Việt Nam ngày nay" Luận-Án Tiến-Sĩ Luật. Saigon 1972.
- Phạm-Ngọc-Chí "Công-Giáo và Phật-Giáo Trên Chính Trường Việt-Nam". Luận-Văn Cao-Học Hành-Chánh Khóa 6. Trường Quốc-Gia Hành-Chánh. 1970-1972.
- Hoa Thế Nhân "Sự Tập-Hợp Các Lực-Lượng Chính-Trị Dưới Thời Đệ Nhị Cộng-Hòa". Luận-Văn Cao-Học Hành-Chánh Khóa 5. Trường Quốc-Gia Hành-Chánh. 1969-1971.

- Phạm-Dình-Khuyến "Chính-Đảng Tại Việt-Nam".
Luận-Văn Cao-Học Hành-Chánh Khóa 7. Trường Quốc
Gia Hành-Chánh 1971-1973.
- Phan-Bái "Hiện-Tượng Quân-Nhân Năm Chính-Quyền
Tại Đ.N.Á". Luận-Văn Cao-Học Hành-Chánh Khóa 3.
Trường Quốc-Gia Hành-Chánh. 1967-1969.

• /// HƯNG TÀI-LIỆU KHÁC :

- "Who's Who in Việt-Nam: 1967, 1969, 1970, 1972,
1973, 1974". Việt-Nam Thông-Tán Xã.
- Các bản tin hàng ngày của Việt-Tán-Xã từ năm 1963
đến 1974.
- Các bản tiêu-sử nhân-vật nội-các do văn-phòng Phủ
Thủ-Tướng VNCH ấn hành.
- "Lập-Trường Phong-Trào Trí-Thức Công-Giáo Pax Ro-
mana Vietnam". Húc-trình tập-thể của Nguyễn-Tử-
Lộc và những người khác, Ban Cao-Học Chính-Trị
Bảo-Chí. Trường Chính-Trị Kinh-Doanh. 1972-1973.

• /// HƯNG VĂN-KIỆN PHÁP-LÝ :

- Sắc-Lệnh số 1-TTP ngày 4.11.1963 về thành phần
nội các NGUYỄN-NGỌC-THƠ.
- Sắc-Lệnh số 99-TTP ngày 8.2.1964 về thành-phần
nội các NGUYỄN-KHÁNH.
- Sắc-Lệnh số 006-QT/SL ngày 4.11.1964 về thành-
phần nội-các TRẦN-VAN-HƯƠNG.
- Sắc-Lệnh số 040-QT/SL ngày 16.2.1965 về thành-
phần nội các PHAN-HUY-QUÁT.
- Sắc-Lệnh số 001-a/CT/LĐQG/SL ngày 19.6.1965 về
thành phần nội các NGUYỄN-CAO-KỶ.

• Các Sắc-Lệnh số :

- 249-a/CT/LĐQG/SL ngày 13.7.1966.
- 387-a/CT/LĐQG/SL ngày 19.11.1966
- 028-a/CT/LĐQG/SL ngày 28.1.1967.
- 103-a/CT/LĐQG/SL ngày 16.3.1967.

Sửa đổi thành phần nội các NGUYỄN-CAO-KỶ.

- Sắc-Lệnh số 005-TT/SL ngày 9.11.1967 về thành-phần nội-các NGUYỄN-VAN-LỘC.
- Sắc-Lệnh số 234-TT/SL ngày 25.5.1968 về thành phần nội các TRẦN-VAN-HƯƠNG.
- Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1.9.1969 về thành phần nội các TRẦN-THIỆN-KHIÊM.

• Các Sắc-Lệnh số :

- 366-TT/SL ngày 12.6.1971
- 130-TT/SL ngày 18.2.1974

Sửa đổi thành phần nội các TRẦN-THIỆN-KHIÊM.

TRUNG TÂM RONÈC

THÔNG - RIEO

114A Trần quang Khải — TÂN ĐỊNH
ĐT. 40.184